



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC



**CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC TRUNG HỌC**

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO
VIÊN
THỰC HIỆN DẠY HỌC VÀ
KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ
THEO CHUẨN KIẾN THỨC,
KỸ NĂNG
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC
MÔN SINH HỌC
CẤP THCS**

(Tài liệu bồi dưỡng giáo viên cốt cán)

Hà Nội, tháng 7/ 2010



Biên soạn
NGÔ VĂN HÙNG (Chủ biên)
ĐỖ THỊ HÀ - ĐỖ TỐ NHƯ
PHAN HỒNG THE

Lời nói đầu

Hiện nay Đảng và nhà nước ta đang tiến hành đổi mới toàn diện về giáo dục ở các cấp học trong đó có cấp THCS nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Công cuộc đổi mới này liên quan đến rất nhiều lĩnh vực như đổi mới chương trình, đổi mới sách giáo khoa, đổi mới thiết bị dạy học, đổi mới phương pháp dạy và học, đổi mới quan niệm và cách thức kiểm tra đánh giá, đổi mới cơ chế quản lí, vv... Tuy nhiên, những đổi mới này có đem lại hiệu quả hay không phụ thuộc rất nhiều vào người giáo viên, những người trực tiếp thể hiện tinh thần đổi mới nói trên trong từng tiết học. Vì vậy, sau khi chương trình và sách giáo khoa mới đã biên soạn xong thì công việc bồi dưỡng tập huấn GV để giảng dạy sách giáo khoa mới theo chuẩn KT - KN của Bộ GD&ĐT lại trở thành một vấn đề rất quan trọng và cấp bách.

Để đáp ứng được công việc bồi dưỡng giáo viên, được sự phân công của Bộ GD&ĐT, lãnh đạo Vụ Giáo dục Trung học cùng tập thể các tác giả tham gia biên soạn “Hướng dẫn thực hiện chuẩn KT - KN” trực tiếp biên soạn cuốn tài liệu tập huấn này nhằm giúp giáo viên dạy chương trình và sách giáo khoa Sinh học THCS hiểu được những định hướng đổi mới trong chương trình, SGK, đổi mới về phương pháp dạy và học, đổi mới kiểm tra đánh giá, làm thế nào để thực hiện chương trình và sách giáo khoa theo chuẩn KT - KN.

Tài liệu tập huấn này có mục đích hỗ trợ việc dạy và học trong các khoá bồi dưỡng giáo viên, trong bồi dưỡng tập trung cũng như trong việc tự học nhằm giúp giáo viên có khả năng thực hiện chương trình, SGK và phương pháp dạy học mới môn sinh học ở trường THCS theo yêu cầu đổi mới giáo dục THCS.

Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng biên soạn thể hiện tinh thần đổi mới giáo dục nhưng với năng lực có hạn chắc chắn tài liệu vẫn còn có những khiếm khuyết. Các tác giả rất mong nhận được sự góp ý của các bạn đồng nghiệp. Mọi ý kiến góp ý xin gửi về theo địa chỉ:

nvchungthpt@moet.edu.vn hoặc điện thoại 0438684270

Xin trân trọng cảm ơn.

Các tác giả

Danh mục các chữ viết tắt

D: Dạy (hoạt động dạy học của GV)

GD và ĐT: Giáo dục và Đào tạo

GDPT: Giáo dục phổ thông

GV: giáo viên

H: Học (hoạt động học tập của HS)

HS: học sinh

KTDH: kỹ thuật dạy học

KTĐG: kiểm tra đánh giá

KT-KN: kiến thức – kỹ năng

NHD: người hướng dẫn

NTG: người tham gia

SGK: sách giáo khoa

THCS: trung học cơ sở

PPDH: phương pháp dạy học

MỤC LỤC

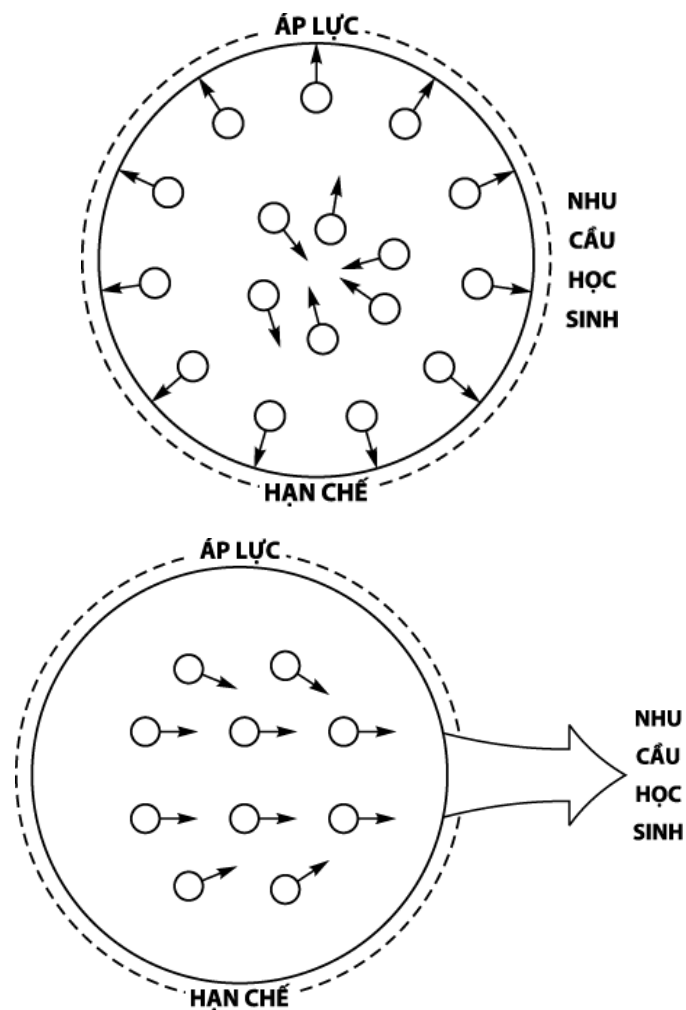
	Trang
Lời nói đầu	3
Danh mục các chữ viết tắt	4
Mục lục	5
Phần thứ nhất	
Những vấn đề chung	
I. Giới thiệu chương trình và tài liệu tập huấn GV thực hiện dạy học và kiểm tra, đánh giá theo chuẩn KT - KN của Chương trình GDPT	8
1. Hoạt động 1: Mục tiêu tập huấn	8
2. Hoạt động 2: Nội dung tập huấn	11
3. Hoạt động 3: Giới thiệu tài liệu tập huấn	12
II. Khái quát về tài liệu hướng dẫn dạy học theo chuẩn KT - KN của Chương trình GDPT	13
1. Hoạt động 1: Lý do biên soạn tài liệu	13
2. Hoạt động 2: Mục đích biên soạn tài liệu	16
3. Hoạt động 3: Cấu trúc tài liệu	18
4. Hoạt động 4: Yêu cầu của việc sử dụng tài liệu	21
Phần thứ hai	
Tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá theo chuẩn kiến thức, kĩ năng thông qua các kĩ thuật dạy học tích cực	25
I. Giới thiệu một số phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực có thể sử dụng trong dạy học bộ môn Sinh học THCS	
1. Hoạt động 1: Định hướng đổi mới PPDH bộ môn Sinh học THCS	25
2. Hoạt động 2: Giới thiệu một số phương pháp dạy học tích cực có thể sử dụng trong dạy học bộ môn Sinh học hiện nay ở trường phổ thông	26
Dạy học bằng tổ chức các hoạt động khám phá	27
Phát triển các kĩ năng trong dạy học Sinh học	37
Một số KTDH tích cực khác GV có thể áp dụng	47
II. Tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức kĩ năng thông qua các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực	52
1. Hoạt động 1: Những nguyên tắc định hướng dạy học theo chuẩn KT - KN của CTGDPT thông qua các phương pháp và KTDH tích cực	52

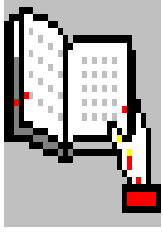
2. Hoạt động 2: Tổ chức dạy học theo chuẩn KT - KN môn Sinh học	56
2.1. Quan hệ giữa Chuẩn kiến thức, kỹ năng, SGK và Chương trình GDPT môn Sinh học THCS	57
2.2. Sử dụng Chuẩn KT - KN để xác định mục tiêu tiết dạy Sinh học	60
3. Hoạt động 3: Nghiên cứu SGK và tài liệu tham khảo để soạn giáo án theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn Sinh học THCS	66
4. Hoạt động 4: Hướng dẫn thực hành ngoại khóa tham quan thiên nhiên	80
III. Tổ chức kiểm tra, đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng	92
1. Hoạt động 1: Thực trạng công tác KTĐG trong DSHH	94
2. Hoạt động 2: Quan niệm ĐG theo chuẩn KT - KN của môn Sinh học	98
3. Hoạt động 3: Hướng dẫn KTĐG theo chuẩn KT - KN môn Sinh học	106
4. Hoạt động 4: Thực hành soạn đề KTĐG theo chuẩn KT - KN	109
Phần thứ ba	
Hướng dẫn tổ chức tập huấn tại các địa phương	
1. Hoạt động 1: Nghiên cứu mục tiêu, nội dung, đối tượng, điều kiện bồi dưỡng	121
2. Hoạt động 2: Xây dựng kế hoạch chi tiết đợt bồi dưỡng, tập huấn	123
3. Hoạt động 3: Xác định nhu cầu, đánh giá kết quả đợt bồi dưỡng thông qua các mẫu phiếu thăm dò, khảo sát	126
4. Hoạt động 4: Đánh giá kết quả lớp học bồi dưỡng GV	131
Phụ lục	
1. Các mẫu biểu, phiếu sử dụng trong đợt tập huấn	133
2. Các tài liệu, giáo án, đề kiểm tra tham khảo	135
2.1. Các tài liệu tham khảo	135
2.2. Các giáo án tham khảo	143
2.3. Các đề kiểm tra tham khảo	152
3. Tài liệu tham khảo (nhóm tác giả đã sử dụng trong quá trình biên soạn tài liệu tập huấn)	154

Phần

1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG





1.1

Nội dung 1.1:

Giới thiệu CT và tài liệu tập huấn cho GV thực hiện dạy học, KTĐG theo chuẩn KT - KN



Hoạt động 1

Tìm hiểu về

Mục tiêu tập huấn

1. Mục đích:

- Tôi muốn đạt được gì qua việc dạy khoá học này?
- Mục đích của loại hình giáo dục này là gì?
- Tại sao tôi lại muốn các học viên của tôi tham gia khoá học này?

2. Kết quả mong đợi:

Sau khi tập huấn, **học viên** sẽ đạt được gì

- về kiến thức?
- về kỹ năng?
- về thái độ?

- Sau khi học xong chương trình, học viên đặt ra được nhiều loại câu hỏi để áp dụng vào trong các tình huống giảng dạy thực tiễn.

- Trong số các mục tiêu này quan trọng nhất là nên đưa những gì vào câu hỏi.

Mức độ kỹ năng yêu cầu là đặt các loại câu hỏi khác nhau và giá trị cuối cùng (mức độ áp dụng) là thực hiện các kỹ năng và kiến thức này trong các tình huống giảng dạy thực tế theo chuẩn KT - KN.

3. Phương tiện đánh giá:

- Bảng khảo sát GV (xem Bảng 1 – trang... Phần Phụ lục)
- Quan sát sự phạm của NHD

4. Tài liệu và thiết bị dạy học cần thiết:

- Các phiếu bài tập: Bài tập điền từ và tìm chủ đề
- Tài liệu phát tay: Đáp án phiếu bài tập số 1
- Thiết bị: Giấy Ao. bút, kéo, băng dính 2 mặt,....

5. Tiến trình dạy học:

⌚	Hoạt động của NHD	Hoạt động của NTG	Ghi chú
25'	<ul style="list-style-type: none"> - Chia nhóm, phát cho mỗi nhóm một phiếu khảo sát số 1. - Yêu cầu các nhóm đọc và trả lời câu hỏi trong phiếu số 1. - Giải thích rõ 3 câu hỏi phần mục đích. - Tổ chức cho đại diện các nhóm trình bày trước lớp. Lắng nghe và đặt câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập nhóm, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm; hoàn thành bài tập theo yêu cầu của Phiếu khảo sát số 1. - Đại diện mỗi nhóm trả lời trong câu hỏi của phiếu số 1. Các nhóm khác góp ý và bổ sung. Một số NTG trình bày ví dụ về những khó khăn trong dạy học và KTĐG môn Sinh học ở THCS. 	<p>Yêu cầu NTG phân tích các tình huống trong các câu hỏi ở phiếu khảo sát số 1.</p> <p>Sản phẩm: Kết quả làm phiếu khảo sát số 1 và phiếu bài tập số 1 của các nhóm.</p>
10'	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt kết quả thảo luận của toàn lớp. Chữa bài tập - Kết luận về các mục tiêu của đợt tập huấn. 	<p>Lắng nghe và đặt câu hỏi (nếu có).</p>	<p>NTG có thể nêu các kì vọng học tập của cá nhân hay nhóm</p>

6. Tổng kết và đánh giá

- Trả lời các thắc mắc của HV.
- Đánh giá kết quả làm việc của HV và của các nhóm.

Kết luận:

Mục tiêu khoá học: Mục tiêu của khoá học gói gọn các ý chính, những kỹ năng và giá trị cần đạt tới, ví dụ:

1. Chẩn đoán được những khó khăn trong dạy học Sinh học THPT theo chuẩn KT - KN của giáo viên
2. Tiến hành hướng dẫn giáo viên tháo gỡ những khó khăn của họ.
3. Rèn luyện kĩ năng viết, đọc, tư duy phê phán, kĩ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá các tài liệu chuyên môn.
4. Kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng trình bày trước đám đông.
5. Kĩ năng xử lý tình huống trong hoạt động.

...

Đáp ứng kỳ vọng học tập của học viên:

Ngay từ đầu khoá học, hiểu và đáp ứng được mỗi quan tâm và nguyện vọng của

học viên là cực kỳ quan trọng. Kỳ vọng của học viên thể hiện mục tiêu của họ cùng với thái độ mà họ sẽ mang đến lớp học. Thông thường kỳ vọng của học viên khác với mục tiêu của khoá học vì vậy nhiệm vụ đầu tiên của giảng viên là để cho các học viên nói lên các kỳ vọng của mình, sau đó điều chỉnh mục tiêu của khoá học cho phù hợp, cụ thể ở đây giảng viên giải thích rõ những kỳ vọng nào của học viên trùng với mục tiêu khoá học và ngược lại. Nếu bỏ qua phần này sẽ dễ dẫn đến tình trạng học viên nản lòng.

1. Mục tiêu:

HV mô tả được các nội dung tập huấn gồm:

- Giới thiệu nội dung Chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học.
- Hướng dẫn thực hiện dạy học theo Chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học qua áp dụng các kỹ thuật dạy – học tích cực.
- Hướng dẫn thực hiện kiểm tra đánh giá theo Chuẩn kiến thức, kỹ năng.
- Hướng dẫn tổ chức công tác tập huấn tại các địa phương.
- Chỉ ra được mối quan hệ giữa các nội dung tập huấn.

2. Kết quả mong đợi:

- HV liệt kê được các nội dung tập huấn gồm.
- Xây dựng được sơ đồ mối quan hệ các nội dung tập huấn gồm.


3. Phương tiện đánh giá:

- Bản liệt kê các nội dung tập huấn.
- Bản trình bày của mỗi nhóm.

4. Phương tiện thiết bị cần chuẩn bị:

- Tài liệu Hướng dẫn thực hiện chuẩn KT-KN môn Sinh học cấp THCS
- Bảng phụ hoặc giấy Trôki, băng dính hai mặt.
- Bút dạ các màu
- Máy chiếu overhead hoặc projecteur

5. Tiến trình thực hiện:

	Hoạt động của NHD	Hoạt động của NTG	Ghi chú
05 phút	Giới thiệu hoạt động tìm hiểu nội dung tập huấn. Yêu cầu NTG phát biểu mục tiêu hoạt động 2.	- Theo dõi. - Phát biểu mục tiêu hoạt động 2.	Chuẩn bị tâm lý để học tập tích cực
20 phút	Yêu cầu NTG tìm hiểu mục lục của tài liệu tập huấn để chỉ ra những nội dung chính, thảo luận viết báo cáo.	- Theo dõi (có thể đặt câu hỏi – nếu cần). - Đọc mục lục của tài liệu tập huấn để chỉ ra những nội dung chính. - Thảo luận viết báo cáo	

6. Tổng kết và đánh giá

- Trả lời các thắc mắc của HV.
- Đánh giá kết quả làm việc của HV và của các nhóm.

HOẠT ĐỘNG 3. Giới thiệu tài liệu tập huấn

1. Mục tiêu:

- HV mô tả được mục lục của tài liệu.
- Chỉ ra được cấu trúc của tài liệu tập huấn.

2. Kết quả mong đợi:

- HV nêu ra được nội dung chính của tài liệu.
- Xây dựng được sơ đồ cấu trúc của tài liệu tập huấn.


3. Phương tiện đánh giá:

- Sơ đồ cấu trúc của tài liệu tập huấn.
- Bản trình bày của mỗi nhóm.

4. Phương tiện thiết bị cần chuẩn bị:

- Tài liệu Hướng dẫn thực hiện chuẩn KT-KN môn Sinh học cấp THCS
- Bảng phụ hoặc giấy Torôki, băng dính hai mặt.
- Bút dạ các màu
- Máy chiếu overhead hoặc projecteur

5. Tiến trình thực hiện:

	Hoạt động của NHD	Hoạt động của NTG	Ghi chú
05 phút	Giới thiệu hoạt động tìm hiểu nội dung tài liệu tập huấn. Yêu cầu HV phát biểu mục tiêu hoạt động 3.	- Theo dõi. - Phát biểu mục tiêu hoạt động 3.	Chuẩn bị tâm lí để học tập tích cực
20 phút	Giới thiệu cách biên soạn tài liệu; Mục tiêu của tài liệu. Yêu cầu NTG tìm hiểu mục lục của tài liệu tập huấn để chỉ ra những nội dung chính và cách sử dụng tài liệu.	- Theo dõi (có thể đặt câu hỏi – nếu cần). - Đọc mục lục của tài liệu tập huấn để chỉ ra những nội dung chính. - Thảo luận đưa ra sơ đồ cấu trúc của tài liệu tập huấn.	

6. Tổng kết và đánh giá

- Trả lời các thắc mắc của HV.
- Đánh giá kết quả làm việc của HV và của các nhóm.

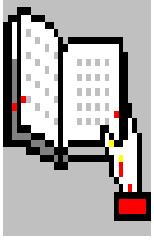
Kết luận:

Cách biên soạn tài liệu

Mục tiêu của tài liệu

Nội dung chính

Cách sử dụng tài liệu



1.2

Nội dung 1.2:

Khái quát về tài liệu hướng dẫn dạy học theo chuẩn KT – KN môn Sinh học cấp THCS

HOẠT ĐỘNG 1. Tìm hiểu về Lý do biên soạn tài liệu

1. Mục tiêu:

- Học viên biết được lí do phải biên soạn Hướng dẫn thực hiện chuẩn KT-KN
- HV có được tài liệu chứa đựng chuẩn KT - KN của chương trình; khai thác SGK mà vẫn bám chuẩn KT – KN trong dạy học; cách thức đạt được mục tiêu dạy học; không bị lệ thuộc hoàn toàn vào SGK.
- Thống nhất được mục tiêu dạy học; giúp cho công tác chỉ đạo định hướng kiểm tra, đánh giá thống nhất.

2. Kết quả mong đợi:

- HV biết được lí do phải biên soạn Hướng dẫn thực hiện KT-KN môn học.
- Dựa vào chuẩn KT- KN là một trong những căn cứ để xác định mục tiêu bài học. Thống nhất trên phạm vi cả nước, không lệ thuộc vào SGK khi giảng dạy.
- HV thảo luận, làm rõ mục tiêu của đợt tập huấn.

3. Phương tiện đánh giá:

- Kết quả thảo luận của HV
- Quan sát các thành viên tham gia
- Đánh giá của các nhóm

4. Tài liệu cần:

- Chương trình giáo dục phổ thông; chuẩn kiến thức kỹ năng môn Sinh học
- Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kỹ năng; SGK, SGV.

5. Tiến trình thực hiện:

Khởi động: Trò chơi “Truyền tin”

Cách chơi:

Chia học viên thành hai đội có số lượng như nhau. Các đội đứng thành hàng dọc và cách đều người điều khiển. Khi có lệnh chơi, người đứng đầu hàng của đội lên nhận

tin của người điều khiển về nói nói thắm vào tai cho người thứ hai, người thứ hai nói cho người thứ ba, cứ như thế cho đến người cuối cùng. Người cuối cùng lên nói với quản trò (hoặc ghi lên bảng) tin mà mình nghe được. Đội nào báo tin nhanh và chính xác được cộng 1 điểm, đội chậm hơn không cộng điểm. Sau khi kết thúc trò chơi đội nào có tổng số điểm lớn hơn là thắng cuộc.

- Sau khi kết thúc trò chơi, GV hỏi HV các câu hỏi sau:

+ Trong trò chơi vừa rồi các tin được truyền đi thường đúng hay sai? Tại sao?


+ Nếu các tin được truyền tai nhau có nội dung nói về chủ đề **thực hiện chương trình và SGK theo chuẩn kiến thức, kĩ năng** thì sẽ có những câu hỏi như thế nào?

GV mời một vài HV trả lời. GV giới thiệu chủ đề hoạt động của hôm nay là **Tại sao chúng ta phải thực hiện chương trình và SGK theo chuẩn kiến thức, kĩ năng?**

- Phát biểu mục tiêu hoạt động 1.

- GV giao nhiệm vụ cho học viên: chia nhóm, phát phiếu học tập cho mỗi nhóm, giới thiệu cách làm việc cá nhân, làm việc nhóm, cách trình bày kết quả của cá nhân, của mỗi nhóm.

- Hoạt động của các nhóm và cá nhân. Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

	Hoạt động của NHD	Hoạt động của NTG	Ghi chú
05 phút	Chào hỏi. Giới thiệu lí do, ý nghĩa của việc tập huấn: Hướng dẫn thực hiện chuẩn KT-KN. Tổ chức lớp, chia nhóm.	- Theo dõi. - Thực hiện trò chơi - Phát biểu mục tiêu hoạt động 1	HV được tổ chức theo nhóm. Chuẩn bị tâm lí để học tập tích cực
20 phút	- Hướng dẫn nhiệm vụ yêu cầu HV đọc tài liệu, xem hướng dẫn trong tài liệu để thực hiện. - Kiểm tra đảm bảo người tham gia hiểu được họ cần làm gì. Thông báo thời gian cho giai đoạn này là 20 phút. - Theo dõi các cá nhân và các nhóm làm việc và khi	Đọc hướng dẫn, yêu cầu giải thích nếu cần. - HV đưa ra ý kiến trả lời: Tại sao chúng ta phải thực hiện chương trình và SGK theo chuẩn kiến thức, kĩ năng? - Các nhóm thống nhất ý kiến, cử đại diện trình bày ý kiến của nhóm mình. - Theo dõi các ý kiến được trình bày, nêu quan điểm	Đây là hoạt động có ý nghĩa chỉ đạo nên tất cả HV cần hiểu rõ

	cần có các hỗ trợ kịp thời cho từng học viên và từng nhóm.	cá nhân → thống nhất ý kiến.	
--	--	------------------------------	--

6. Tổng kết và đánh giá:

- Trả lời các thắc mắc của HV.
- Đánh giá kết quả làm việc của HV và của các nhóm.
- Trong phần đặt vấn đề biên soạn hướng dẫn thực hiện chuẩn, phân tích thêm thực tế hiện nay có thể có giáo viên hiểu chưa đúng về chuẩn KT – KN (Nêu ví dụ minh họa qua một vài giáo án của giáo viên).

Trong thực tế dạy học mấy năm gần đây nhiều GV cố dạy làm sao cho hết nội dung SGK, không dám bỏ bất kì nội dung nào của SGK dẫn đến tình trạng quá tải trong dạy học bộ môn, HS không hứng thú học tập.

Chương trình GDPT đã được ban hành và triển khai đến tất cả các trường và giáo viên phổ thông. Tuy nhiên, nhiều giáo viên vẫn không sử hoặc sử dụng không có hiệu quả.

Trong quá trình dạy học nhiều giáo viên trong tổ bộ môn chưa thống nhất trong việc dạy như thế nào? Dạy những nội dung gì? Rèn luyện những kĩ năng gì đối với học sinh...dẫn đến tình trạng GV chưa thống nhất với nhau về kiến thức và kĩ năng trong từng mục, bài, chương của lớp học, cấp học.

Trong kiểm tra đánh giá học sinh giáo viên chưa thống nhất trong nội dung kiểm tra về khối lượng kiến thức cũng như mức độ kiến thức của các đơn vị kiến thức, kĩ năng.

Trong dự giờ giáo viên của các cấp quản lý giáo dục cũng chưa thống nhất trong tiêu chí đánh giá giáo viên về kiến thức, kĩ năng của giờ dạy.

Tất cả những nguyên nhân trên cần sớm có hướng dẫn **thực hiện chương trình và SGK theo chuẩn kiến thức, kĩ năng** để giải quyết những bất cập nêu trên.

HOẠT ĐỘNG 2. Tìm hiểu về **Mục đích biên soạn tài liệu**

1. Mục tiêu:

- HV mô tả được mục đích biên soạn tài liệu.
- Chỉ ra được mối quan hệ giữa chương trình với chuẩn KT – KN và SGK.

2. Kết quả mong đợi:

- HV hiểu được mục đích biên soạn tài liệu.
- Xây dựng được sơ đồ mối quan hệ giữa chương trình với chuẩn KT – KN và SGK.


3. Phương tiện đánh giá:

- Sơ đồ mối quan hệ giữa chương trình với chuẩn KT – KN và SGK.
- Bản trình bày của mỗi nhóm.

4. Phương tiện thiết bị cần chuẩn bị:

- Tài liệu Hướng dẫn thực hiện chuẩn KT-KN môn Sinh học cấp THCS
- Bảng phụ hoặc giấy Trôki, băng dính hai mặt.
- Bút dạ các màu
- Máy chiếu overhead hoặc projecteur

5. Tiến trình thực hiện:

	Hoạt động của NHD	Hoạt động của NTG	Ghi chú
05 phút	Giới thiệu hoạt động tìm hiểu mục đích biên soạn tài liệu. Yêu cầu HV phát biểu mục tiêu hoạt động 2.	- Theo dõi. - Phát biểu mục tiêu hoạt động 2.	Chuẩn bị tâm lí để học tập tích cực
15 phút	- Hướng dẫn nhiệm vụ yêu cầu HV đọc tài liệu, xem hướng dẫn trong tài liệu để thực hiện. - Kiểm tra đảm bảo người tham gia hiểu được họ cần làm gì. Thông báo thời gian cho giai đoạn này là 20 phút. - Theo dõi các cá nhân và các nhóm làm việc và khi cần có các hỗ trợ kịp thời cho từng học viên và từng nhóm.	Đọc hướng dẫn, yêu cầu giải thích nếu cần. - HV đưa ra ý kiến trả lời: Tại sao chúng ta phải có tài liệu Hướng dẫn chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Sinh học THCS? - Các nhóm thống nhất ý kiến, cử đại diện trình bày ý kiến của nhóm mình. - Theo dõi các ý kiến được trình bày, nêu quan điểm cá nhân → thống nhất ý kiến.	

6. Tổng kết và đánh giá:

- Trả lời các thắc mắc của HV.
- Đánh giá kết quả làm việc của HV và của các nhóm.

Kết luận:

- Khắc phục tình trạng dạy học chưa bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình Giáo dục phổ thông, tình trạng dạy học quá tải về nội dung kiến thức.
- Giúp giáo viên kết hợp sử dụng có hiệu quả giữa Chương trình Giáo dục phổ thông, SGK, SGV và các loại tài liệu tham khảo.
- Tạo sự thống nhất về mức độ đạt được trong việc dạy học về kiến thức và kỹ năng trong từng mục, bài, chương của lớp học, cấp học.
- Là căn cứ để kiểm tra, đánh giá nội dung kiến thức về khối lượng cũng như mức độ kiến thức của các đơn vị kiến thức, kỹ năng.

HOẠT ĐỘNG 3.

Tìm hiểu cấu trúc của tài liệu: Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Sinh học THCS

1. Mục tiêu:

- HV mô tả được cấu trúc của tài liệu từ đó tạo điều kiện cho việc sử dụng tài liệu được tốt hơn.
- HV chỉ ra được mối quan hệ giữa các đơn vị kiến thức trong chương trình với chuẩn KT – KN và SGK.
- Phân tích nội dung trong tài liệu “Hướng dẫn thực hiện chuẩn KT – KN” đã cụ thể hóa chuẩn KT – KN môn học như thế nào.

2. Kết quả mong đợi:

- HV hiểu được cấu trúc của tài liệu.
- Xây dựng được sơ đồ cấu trúc của tài liệu
- HV chỉ ra được nội dung trong tài liệu “Hướng dẫn thực hiện chuẩn KT – KN” đã cụ thể hóa chuẩn KT – KN môn học như thế nào.

3. Phương tiện đánh giá:

- Sơ đồ cấu trúc tài liệu
- Bản trình bày của mỗi nhóm

4. Phương tiện thiết bị cần chuẩn bị:

- Tài liệu Hướng dẫn thực hiện chuẩn KT - KN môn Sinh học cấp THCS.
- Bảng phụ hoặc giấy Torôki, băng dính hai mặt.
- Bút dạ các màu
- Máy chiếu overhead hoặc projector

5. Tiến trình thực hiện:

Khởi động : Trò chơi “Chanh chua, cua cắp”

Cách chơi : HS đứng thành vòng tròn, tay trái xoè ra, ngón trỏ của tay phải để vào lòng bàn tay của bạn đứng phía bên phải mình. Khi người điều khiển hô “Chanh”, tất cả đứng yên và hô “Chua”. Còn khi người điều khiển hô “Cua”, thì tất cả phải hô “cắp” và tay trái nắm ngay lại đồng thời rút nhanh ngón tay trỏ ra khỏi bàn tay của người bên cạnh. Ai chậm sẽ bị “cua cắp”.

Bình luận : Để khỏi bị cua cắp cần phải làm gì ?



- Phát biểu mục tiêu hoạt động 2.

- GV giao nhiệm vụ cho học viên: chia 4 nhóm, phát phiếu học tập cho mỗi nhóm, giới thiệu cách của mỗi nhóm.
 - + Nhóm 1: Tìm hiểu nội dung Sinh học 6.
 - + Nhóm 2: Tìm hiểu nội dung Sinh học 7.
 - + Nhóm 3: Tìm hiểu nội dung Sinh học 8.
 - + Nhóm 4: Tìm hiểu nội dung Sinh học 9.
- Hoạt động của các nhóm và cá nhân. Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.
 - + Đọc lướt tài liệu
 - + Vẽ sơ đồ mô tả cấu trúc tài liệu theo nội dung được phân công
 - + Tìm ý chính

🕒	Hoạt động của NHD	Hoạt động của NTG	Ghi chú
5 phút	GV giao nhiệm vụ cho nhóm. Tổ chức trò chơi	- Theo dõi. Thực hiện trò chơi. - Phát biểu mục tiêu hoạt động 2	Chuẩn bị tâm lý để học tập tích cực
35 phút	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HV đọc tài liệu, xem hướng dẫn trong tài liệu để thực hiện. - Kiểm tra đảm bảo người tham gia hiểu được họ cần làm gì. Thông báo thời gian cho giai đoạn này là 35 phút. - Theo dõi các cá nhân và các nhóm làm việc và khi cần có các hỗ trợ kịp thời cho từng học viên và từng nhóm. 	<p>Đọc hướng dẫn, yêu cầu giải thích nếu cần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từng HV và nhóm nhận nhiệm vụ GV giao cho và tự nghiên cứu cá nhân trong vòng 05 phút (nếu đã nghiên cứu ở nhà thì giảm bớt thời gian nghiên cứu cá nhân). <p>Mỗi nhóm thảo luận (10 phút) và trình bày các ý tưởng của nhóm trên bản trong để chiếu bằng máy overhead hoặc trình chiếu powpoint (5 phút). Trong khi các nhóm trình bày, mỗi HV cần ghi lại những nội dung chính của bản báo cáo của nhóm đang trình bày và ghi ra giấy các ý kiến nhận xét tán đồng hay không cũng như các ý kiến bổ sung (nếu có).</p>	Đây là hoạt động tìm hiểu cấu trúc tài liệu nên có ý nghĩa giúp HV hiểu rõ nội dung tài liệu

6. Tổng kết và đánh giá:

- Trả lời các thắc mắc của HV.
- Đánh giá kết quả làm việc của HV và của các nhóm.
- Tóm tắt lại những điểm mới về cấu trúc chung của tài liệu, bố cục của tài liệu, những nội dung cần chú ý trong tài liệu, vv...

Kết luận:

Tài liệu **Hướng dẫn chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình giáo dục phổ thông** có cấu trúc như sau:

1. Lời giới thiệu tài liệu
2. Phần thứ nhất: Giới thiệu chung về chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình giáo dục phổ thông bao gồm:
 - Giới thiệu chung về chuẩn: khái niệm về chuẩn, những yêu cầu cơ bản của chuẩn.
 - Chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình GDPT: Chuẩn kiến thức của chương trình môn học, chuẩn kiến thức của một đơn vị kiến thức, những đặc điểm của chuẩn.
3. Phần thứ hai: Các mức độ về chuẩn kiến thức, kĩ năng (Về kiến thức, về kĩ năng).
4. Chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình GDPT vừa là căn cứ, vừa là mục tiêu của giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá.

HOẠT ĐỘNG 4. Tìm hiểu về **Yêu cầu của việc sử dụng tài liệu** **“Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kỹ năng môn Sinh học THCS”**

1. Mục tiêu:

- Học viên so sánh nội dung chuẩn KT- KN môn học với chương trình và SGK rút ra nhận xét.
- Học viên biết tài liệu hướng dẫn thực hiện chuẩn KT - KN được biên soạn như thế nào từ đó biết cách sử dụng tài liệu.

2. Kết quả mong đợi:

- HV đặt được các câu hỏi cụ thể liên quan đến việc xây dựng chuẩn KT - KN.
- Sử dụng chuẩn KT - KN kết hợp với chương trình và SGK cho phù hợp với bài dạy và tiết dạy, soạn bài, lên lớp, kiểm tra đánh giá,...).
- Qua trao đổi, thảo luận để thấy được sự cần thiết phải dạy học theo Chương trình và Hướng dẫn chuẩn KT-KN.

3. Phương tiện đánh giá:

- Các câu hỏi của HV.
- Cách HV trình bày và sử dụng tài liệu “Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kỹ năng môn Sinh học THCS”.
- Quan sát các thành viên tham gia.

4. Tài liệu cần:







- Chương trình Giáo dục phổ thông; Hướng dẫn chuẩn kiến thức, kỹ năng; SGK và SGV.
- Bảng phụ hoặc giấy Torôki, băng dính hai mặt.
- Bút dạ các màu.
- Các tấm thẻ màu xanh và màu vàng

5. Tiến trình thực hiện:

Khởi động: Trò chơi “Nếu thì”

- GV chia lớp thành 2 đội, có số lượng thành viên bằng nhau, một đội mang tên “Nếu” và một đội mang tên “Thì”, tiếp theo GV phát cho mỗi thành viên của đội “Nếu” 1 tấm thẻ màu xanh và phát cho mỗi thành viên của đội “Thì” 1 tấm thẻ màu vàng. Yêu cầu từng người sẽ viết 1 mệnh đề vào chiếc thẻ đó, lưu ý rằng người ở đội “Nếu” chỉ được viết mệnh đề bắt đầu bằng chữ “Nếu” và người ở đội “Thì” chỉ được viết mệnh đề bắt đầu bằng chữ “Thì, ...”. Nội dung của các mệnh đề là vấn đề chuẩn kiến thức, chuẩn kỹ năng và các vấn đề khác có liên quan đến việc này như sách giáo khoa, chương trình, phương pháp dạy, cách học,...
- Sau khi học sinh ghi xong các mệnh đề, GV thu các thẻ đã viết của đội “Nếu” phát cho đội “Thì” và ngược lại sau đó lần lượt mời từng cặp, một người ở đội

“Nếu” và một người ở đội “Thì” lên bảng đọc to 2 mệnh đề đã viết trong thẻ thành 1 câu, dán câu đó lên bảng theo mẫu sau:

Nếu	Thì
	
	
	


- Khi các mệnh đề đã được đọc và dán hết lên bảng, GV yêu cầu cả lớp xem xét các câu để ghép lại cho có nghĩa hơn.
- Cuối cùng GV nhấn mạnh rằng việc tìm hiểu chuẩn KT – KN môn học sẽ gặp phải rất nhiều vấn đề như chúng ta đã liệt kê trên đây. Vậy xử trí việc đó như thế nào hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu chủ đề này.



- Phát biểu mục tiêu hoạt động 3.
- GV giao nhiệm vụ cho học viên: chia 4 nhóm, phát phiếu học tập cho mỗi nhóm, giới thiệu cách làm của mỗi nhóm.
- Hướng dẫn cách sử dụng tài liệu kết hợp với sử dụng SGK
- Những lưu ý khi sử dụng tài liệu. Lưu ý khi dạy các bài thực hành
- Bài vận dụng:

Đọc nội dung đoạn trích, hãy đặt tiêu đề cho đoạn trích đó.

 - + Nhóm 1 : “Thực vật trao đổi khí qua khí khổng ở lá và qua khoảng gian bào”.
 - + Nhóm 2 : “Ở thực vật khí O₂ và CO₂ được khuếch tán qua khí khổng ở lá và qua khoảng gian bào”.
 - + Nhóm 3 : “Dòng mạch gỗ: vận chuyển nhựa nguyên từ rễ lên thân, lá.
Dòng mạch rây: vận chuyển nhựa luyện từ lá đến các cơ quan”.
 - + Nhóm 4: “Ở thực vật, phản ứng đối với kích thích có thể là sự vận động của cơ quan như cuống lá, thân hoặc tua hướng tới hoặc tránh xa nguồn kích thích như ánh sáng, hóa chất,…”
- Hoạt động của các nhóm và cá nhân. Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

	Hoạt động của NHD	Hoạt động của NTG	Ghi chú
05 phút	GV giao nhiệm vụ cho nhóm. Tổ chức trò chơi	- Theo dõi. Thực hiện trò chơi. - Phát biểu mục tiêu hoạt động 3	Chuẩn bị tâm lý để học tập tích cực
35 phút	- Hướng dẫn nhiệm vụ cần thực hiện: đọc một số chủ đề trong tài liệu HD dạy học theo chuẩn KT-KN so sánh với Chương trình và SGK rút ra nhận xét. - Kiểm tra đảm bảo người tham gia hiểu được họ cần làm gì. Thông báo thời gian cho giai đoạn này là 35 phút. - Theo dõi các cá nhân và các nhóm làm việc và khi cần có các hỗ trợ kịp thời cho từng học viên và từng nhóm.	- Đọc hướng dẫn, yêu cầu giải thích nếu cần. - Từng HV và nhóm nhận nhiệm vụ GV giao cho và tự nghiên cứu cá nhân trong vòng 05 phút: + Đọc kỹ đoạn trích + Tìm ý chính, xác định từ chìa khóa. - Mỗi nhóm thảo luận (10 phút) và trình bày các ý tưởng của nhóm trên bản trong để chiếu bằng máy overhead hoặc trình chiếu powpoint (5 phút). Trong khi các nhóm trình bày, mỗi HV cần ghi lại những nội dung chính của bản báo cáo của nhóm đang trình bày và ghi ra giấy các ý kiến nhận xét tán đồng hay không cũng như các ý kiến bổ sung (nếu có).	Đây là hoạt động tìm hiểu cách sử dụng tài liệu nên có ý nghĩa giúp HV khai thác nội dung tài liệu một cách hiệu quả nhất.

6. Tổng kết và đánh giá:

- Trả lời các thắc mắc của HV.
- Đánh giá kết quả làm việc của HV và của các nhóm.
- Chốt lại các điểm chính của hoạt động, về nội dung, về kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng.

Kết luận:

+ Sử dụng kết hợp: Tài liệu tệp huấn luyện viên thực hiện dạy học và kiểm tra ®,nh gi, theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông với tài liệu Hướng dẫn thực hiện

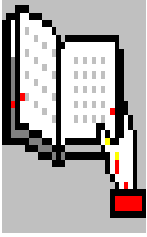
chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình giáo dục phổ thông, Sách giáo khoa và các loại tài liệu tham khảo khác.

+ Sử dụng tài liệu này trong việc thiết kế bài giảng, trong việc ra câu hỏi để kiểm tra bảo đảm yêu cầu bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng trong dạy học.

Phần

2

TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ THEO CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG THÔNG QUA CÁC KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC



2.1

Nội dung 2.1:

Giới thiệu một số các kỹ thuật dạy học tích cực trong dạy học môn Sinh học cấp THCS

HOẠT ĐỘNG 1. Tìm hiểu về **một số kỹ thuật dạy - học tích cực** phù hợp có thể áp dụng có hiệu quả vào việc thực hiện dạy học theo chuẩn chuẩn kiến thức kỹ năng môn Sinh học.

1. Mục tiêu:

- HV mô tả được các kỹ thuật dạy học tích cực.
- HV nêu ra được cách vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực.

2. Kết quả mong đợi:

- HV vận dụng được các kỹ thuật dạy học tích cực.
- HV trao đổi kinh nghiệm của mình về các kỹ thuật dạy học tích cực.


3. Phương tiện đánh giá:

- Các kinh nghiệm của HV về các kỹ thuật dạy học tích cực.
- Bản trình bày của mỗi nhóm.

4. Phương tiện thiết bị cần chuẩn bị:

- Tài liệu Hướng dẫn thực hiện chuẩn KT-KN môn Sinh học cấp THCS
- Bảng phụ hoặc giấy Trôki, băng dính hai mặt.
- Bút dạ các màu
- Máy chiếu overhead hoặc projecteur

5. Tiến trình thực hiện:

	Hoạt động của NHD	Hoạt động của NTG	Ghi chú
05 phút	Giới thiệu hoạt động tìm hiểu về các kỹ thuật dạy học tích cực. Yêu cầu HV phát biểu mục tiêu hoạt động 1.	- Theo dõi. - Phát biểu mục tiêu hoạt động 1.	Chuẩn bị tâm lý để học tập tích cực
20	Yêu cầu HV đọc nội dung	- HV đọc tài liệu	

phút	dưới đây và chia sẻ kinh nghiệm của bản thân trong mỗi nhóm.	- Phát biểu quan niệm của cá nhân. - Chuẩn bị báo cáo nhóm	
------	--	---	--

6. Tổng kết và đánh giá

- Trả lời các thắc mắc của HV.
- Đánh giá kết quả làm việc của HV và của các nhóm.

Kết luận: Một số kỹ thuật dạy - học tích cực phù hợp có thể áp dụng có hiệu quả vào việc thực hiện dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng môn Sinh học: D bằng tổ chức các hoạt động khám phá, phát triển các kỹ năng trong D sinh học, ...

DẠY HỌC BẰNG TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

Giới thiệu

Một trong 4 dấu hiệu đặc trưng của các phương pháp tích cực là dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập của học sinh. Nhưng có phải bất cứ hoạt động nào của học sinh trong giờ học cũng đều phát huy tính tích cực chủ động học tập? Tổ chức các hoạt động của học sinh như thế nào để phát triển được tính tích cực nhận thức trong quá trình học tập?

I. Mục tiêu

Về kiến thức:

- Hiểu thế nào là hoạt động khám phá trong học tập; vì sao phương pháp dạy học tích cực đòi hỏi giáo viên phải biết tổ chức các hoạt động học tập khám phá? Cũng cố nhận thức về cách dạy khác nhau trong 2 mô hình học chủ động và học thụ động.

- Biết cách tổ chức các hoạt động học tập khám phá trong dạy học môn Sinh học. Những điều kiện để thực hiện dạy học bằng tổ chức các hoạt động khám phá.

Về kỹ năng

- Phân biệt các hoạt động tái hiện kiến thức đã biết với hoạt động khám phá kiến thức mới trong một tiết học cụ thể.

- Tự mình thiết kế được một vài hoạt động khám phá kiến thức mới trong bài học Sinh học ở Trung học cơ sở.

II. Nội dung

Nội dung 1: Học thụ động và học chủ động

* *Thông tin:*

Dưới đây, từ “học” được hiểu theo nghĩa rộng là sự thu nhận hành vi mới, không có trong vốn phản xạ bẩm sinh. Những thí nghiệm về cơ chế học (H) thường được tiến hành trên động vật vì dễ làm hơn.

- Mô hình Pavlov:

Theo Pavlov I.P. (1849 - 1936), dạy (D) là thành lập những phản xạ có điều kiện, hình thành ở đối tượng những kinh nghiệm hành động; H là hình thành những phản ứng trả lời mới chưa có trong vốn phản xạ không điều kiện được di truyền.

Ví dụ để dạy cho chó bài học thấy đèn bật sáng thì tiết nước bọt người ta đã phối hợp nhiều lần bật đèn sáng 10 giây sau thì cho chó ăn. Tiết nước bọt khi có thức ăn vào miệng là một phản xạ không điều kiện. Thấy đèn bật sáng đã tiết nước bọt là một phản xạ có điều kiện. Điều kiện đó là luyện tập một số lần đủ để biến một kích thích trung tính thành một kích thích có ý nghĩa.

- Mô hình Skinner.

Theo Skinner B.F (1904 - 1990), H là tự điều chỉnh hành vi để dẫn tới hành vi mong muốn, D là tạo thuận lợi cho H.

Ví dụ để dạy cho chuột bài học "tự xoay sở để kiếm thức ăn", người ta thả chuột vào một cái hộp; trên vách hộp có một cái nút khi bị ấn vào thì tự động bật thức ăn ra và đóng lại ngay. Theo bản năng, chuột chạy lung tung trong hộp tìm cách thoát ra. Vô tình chuột dẫm trúng cái nút và tức thì được “thưởng” một chút thức ăn. Sau một số lần "thử", chuột rút ra bài học "muốn có ăn thì cứ đạp trúng cái nút trên vách hộp".

Bài tập:

So sánh 2 mô hình Pavlov và Skinner. Mô hình nào gần với cách H chủ động đang được nhấn mạnh trong đổi mới phương pháp dạy học hiện nay?

Mô hình Pavlov	Mô hình Skinner
<ul style="list-style-type: none"> • Nhấn mạnh hoạt động D • <u>D</u>: Thành lập phản xạ có điều kiện, hình thành kinh nghiệm hành động 	<ul style="list-style-type: none"> • Nhấn mạnh hoạt động H • <u>H</u>: Tự điều chỉnh hành vi, tiến đến hành vi mong muốn
<ul style="list-style-type: none"> • <u>Cơ chế D</u>: Phối hợp kích thích có điều kiện với kích thích không điều kiện, tạo ra một trả lời có điều kiện. 	<ul style="list-style-type: none"> • <u>Cơ chế H</u>: Học qua hành động bằng cách thử - sai

<ul style="list-style-type: none"> • <u>Quy trình D:</u> - Xác định phản xạ có điều kiện sẽ hình thành - Chọn tác nhân kích thích - Biến tác nhân kích thích trung tính thành tác nhân có điều kiện. - củng cố ôn luyện thường xuyên 	<ul style="list-style-type: none"> • <u>Quy trình H:</u> - Hành vi cần có được bỏ ngỏ - Người H tự mò mẫm hành vi cần có theo cách thử - sai. - Thưởng kịp thời giúp củng cố hành vi mong muốn
<ul style="list-style-type: none"> • <u>Ưu nhược điểm</u> - Mục đích và nội dung D do người D định đoạt. - Cách H do người D áp đặt. H thiên về lặp lại, ghi nhớ. - Hiệu quả H do trình độ, kinh nghiệm của người D quyết định. - Thuận lợi cho các bài học rèn luyện kỹ năng, hình thành thói quen. - Học thụ động 	<ul style="list-style-type: none"> • <u>Ưu nhược điểm</u> - Bài học đặt ra vì lợi ích người H - Người H tự mò mẫm, lựa chọn cách H - Hiệu quả H do năng lực người H quyết định. - Khó áp dụng cách thử - sai cho các bài học phức tạp. - Học chủ động

*** Lưu ý:**

Hai mô hình nói trên đều được vận dụng hữu hiệu vào D - H dưới những góc độ khác nhau. Cả hai mô hình này bổ sung cho nhau cũng chưa đủ để xây dựng cơ sở lý thuyết toàn diện cho quá trình D - H vốn rất phức tạp.

Nội dung 2: Hoạt động khám phá trong học tập.

*** Thông tin:**

Học tập là hoạt động chủ đạo ở lứa tuổi đi học. Tính tích cực học tập - về thực chất - là tính tích cực hoạt động nhận thức, đặc trưng ở khát vọng hiểu biết, cố gắng trí tuệ và nghị lực cao trong quá trình chiếm lĩnh nội dung học tập bằng con đường khám phá.

Khác với quá trình nhận thức trong nghiên cứu khoa học, quá trình nhận thức trong học tập không nhằm phát hiện những điều loài người chưa biết mà nhằm lĩnh hội những tri thức mà loài người đã tích lũy được. Tuy nhiên, trong học tập học sinh cũng phải được “khám phá” ra những hiểu biết mới đối với bản thân. Học sinh sẽ thông

hiểu, ghi nhớ và vận dụng linh hoạt những gì mình đã nắm được qua hoạt động chủ động tự lực khám phá của chính mình. Đó là chưa nói lên tới một trình độ nhất định thì sự học tập tích cực sẽ mang tính nghiên cứu khoa học và người học cũng làm ra những tri thức mới cho khoa học.

Khác với khám phá trong nghiên cứu khoa học, khám phá trong học tập không phải là một quá trình mò mẫm tự phát như trong mô hình Skinner mà là một quá trình có hướng dẫn của giáo viên, trong đó giáo viên khéo léo đặt HS vào địa vị người phát hiện lại, người khám phá lại những tri thức trong di sản văn hoá của loài người, của dân tộc. Giáo viên không cung cấp những kiến thức mới bằng phương pháp thuyết trình - giải thích - minh họa mà bằng phương pháp tổ chức các hoạt động khám phá để học sinh tự lực chiếm lĩnh tri thức mới.

Quan niệm về D và H như vậy dựa trên lí thuyết hoạt động trong tâm lí học dạy học được A.N. Leontiev, S.L.Rubinstein đặt nền móng từ những năm 1930 - 1940.

Bài tập vận dụng:

- Lấy ngẫu nhiên 5 giáo án của bản thân (hoặc của đồng nghiệp), liệt kê các hoạt động của học sinh trong đó và phân thành 2 loại: HĐ tái hiện kiến thức đã biết và HĐ khám phá kiến thức mới. Nhận định về tỷ lệ các HĐ khám phá và thử phân tích nguyên nhân. Các ví dụ đã liệt kê phản ánh quan niệm thế nào là một hoạt động học tập?

Nội dung 3: Tổ chức các hoạt động học tập khám phá

*** Thông tin:**

Mỗi hoạt động học tập là một chuỗi hành động và thao tác trí tuệ hoặc cơ bắp hướng tới mục tiêu xác định.

Mục tiêu đó có thể là hình thành một kiến thức mới, một kĩ năng mới có thể là xây dựng một thái độ, một giá trị, góp phần rèn luyện kĩ năng tư duy, năng lực xử lí tình huống có vấn đề.

Một hoạt động gồm nhiều hành động, một hành động gồm nhiều thao tác; các hành động và thao tác này làm thành một thể thống nhất hướng tới một mục tiêu cụ thể trọn vẹn. Trong thực tế dạy học có bạn hiểu nhầm giáo viên nêu một câu hỏi kiểm tra hoặc yêu cầu học sinh cho thêm một ví dụ minh họa hoặc giáo viên giới thiệu tranh

vẽ... đều là những hoạt động. Có bạn xem tổ chức lớp, kiểm tra bài cũ, củng cố bài mới là những hoạt động. Người ta quan niệm các hoạt động học tập được thiết kế trong khâu học bài mới và chủ thể hành động phải là học sinh chứ không phải là giáo viên.

Hoạt động khám phá trong học tập có nhiều dạng khác nhau, từ trình độ thấp lên trình độ cao, tùy theo năng lực tư duy của người học và được tổ chức thực hiện theo cá nhân, nhóm nhỏ hoặc nhóm lớn, tùy theo mức độ phức tạp của vấn đề cần khám phá.

Có thể trình bày tóm tắt như sau:

• **Mục tiêu của hoạt động.**

- Hình thành kiến thức, kỹ năng mới.
- Xây dựng thái độ, niềm tin.
- * Rèn luyện kỹ năng tư duy, năng lực xử lý tình huống, giải quyết vấn đề.

• **Dạng hoạt động.**

- Tìm lời giải cho một câu hỏi lớn
- Điền từ, điền bảng, điền tranh câm.
- Lập bảng, biểu, đồ thị, sơ đồ, bản đồ (Đọc, vẽ, phân tích).
- Làm thí nghiệm: đề xuất giả thuyết, bố trí thí nghiệm, phân tích nguyên nhân, thông báo kết quả.
- Thảo luận, tranh cãi về một chủ đề nêu ra.
- Giải bài toán nhận thức, bài tập tình huống.
- Nghiên cứu ca điển hình: điều tra thực trạng, đề xuất giải pháp cải thiện thực trạng, thực nghiệm giải pháp mới.
- Bài tập lớn, đề án, luận văn, luận án.
- v.v...

• **Hình thức tổ chức hoạt động.**

- Công tác độc lập (cá nhân)
- Nhóm ri rầm (2 người).
- Hợp tác trong nhóm nhỏ (Nhóm 4 -6 người).
- Kim tự tháp (hợp 2 nhóm 2 người thành nhóm 4 người, kết hợp 2 nhóm 4 người thành nhóm 8 người...).
- Bể cá (nhóm A thảo luận, nhóm B quan sát, nhóm A rút kinh nghiệm, sau đó đổi vai).
- Làm việc chung cả lớp.
- Trò chơi.
- Sắm vai.
- Mô phỏng.
- v.v...

Bài tập:

Tìm trong Sách giáo khoa Sinh học THCS 5 ví dụ về hoạt động khám phá kiến thức mới. Xác định chúng thuộc dạng hoạt động nào và thuộc hình thức tổ chức nào trong bảng nói trên.

- Quyết định hiệu quả H là những gì học sinh làm chứ không phải những gì giáo viên làm. Vì vậy phải thay đổi quan niệm về soạn giáo án, từ tập trung vào thiết kế các hoạt động của giáo viên chuyển sang tập trung vào thiết kế các hoạt động của học sinh. Trước đây giáo viên quen soạn bài theo cách tập trung phân tích kỹ nội dung bài học, từ đó xác định cách thức hoạt động của giáo viên trong việc truyền đạt nội dung bài học tới học sinh. Nay giáo viên phải tập trung suy nghĩ thiết kế các hoạt động của học sinh, trên cơ sở đó mà xác định các hoạt động chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn của giáo viên.

- Hoạt động phải nhằm vào các kỹ năng, năng lực bộ phận của mục tiêu bài học chứ không phải chỉ nhằm vào nội dung. Không nhất thiết mỗi hoạt động đều phải đạt mục tiêu về cả ba mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ, nhưng nhìn chung toàn bộ các hoạt động thiết kế trong chương trình một môn học phải hướng tới các mục tiêu toàn diện nói trên.

Cần đề phòng khuynh hướng hình thức, chỉ thiết kế hoạt động ở chỗ dễ thực hiện chứ không phải ở những phần then chốt nhất của bài học, thiết kế hoạt động để cho có hoạt động chứ không phải để học sinh có cơ hội tự lực khám phá kiến thức mới. Cũng không nên cực đoan, có tham vọng biến toàn bộ nội dung bài học thành chuỗi hoạt động khám phá. Số lượng hoạt động và mức độ tư duy đòi hỏi ở mỗi hoạt động trong một tiết học phải phù hợp với trình độ học sinh để có đủ thời lượng cho thầy trò thực hiện hoạt động khám phá.

- Để thiết kế một hoạt động khám phá, giáo viên cần nghiên cứu nội dung bài học đến một độ sâu cần thiết, tìm kiếm những yếu tố tình huống tạo cơ hội cho hoạt động khám phá, tìm tòi, phát hiện. Khi đã hình thành rõ ý tưởng thì bắt đầu xác định mục tiêu cụ thể của hoạt động, tính đến các điều kiện phương tiện cần có rồi cuối cùng mới quyết định cách tổ chức thực hiện hoạt động thường được cụ thể hoá bằng các phiếu hoạt động học tập.

- Hoạt động trên lớp phải chuẩn bị cho hoạt động tự học sau bài học trên lớp. Việc tự học không chỉ đặt ra cho học sinh trong khâu học ở nhà mà ngay cả khi học trên lớp có thầy hướng dẫn.

Nội dung 4: Các hoạt động học tập khám phá trong các tiết học Sinh học THCS

Bài tập:

Căn cứ vào hiểu biết và kinh nghiệm dạy học của bản thân, bạn hãy thử liệt kê các dạng hoạt động khám phá thường gặp trong các tiết học Sinh học THCS. Theo bạn, những dạng hoạt động nào là đặc trưng?

Sinh học là một khoa học thực nghiệm. Các tri thức khoa học Sinh học (Khái niệm, định luật, học thuyết Sinh học) được xây dựng từ những sự khái quát hóa các kiến thức sự kiện (sự vật, hiện tượng, quá trình, quan hệ trong giới tự nhiên hữu cơ) được tích lũy bằng phương pháp quan sát và thí nghiệm. Vì vậy, muốn hướng dẫn học sinh tự lực phát hiện lại, khám phá lại các kiến thức sinh học thì hợp lí nhất là nên tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động khám phá qua quan sát và qua thí nghiệm. Đây chính là 2 dạng hoạt động khám phá đặc trưng của môn Sinh học THCS.

*** Thông tin:**

Các hoạt động quan sát và thí nghiệm có thể được thực hiện theo phương pháp trực quan (học sinh xem giáo viên biểu diễn) hoặc theo phương pháp thực hành (học sinh trực tiếp thao tác trên đối tượng nghiên cứu). Dĩ nhiên là trong phương pháp thực hành tính tích cực của học sinh được phát huy cao hơn trong phương pháp trực quan.

Trong quan sát, học sinh dùng mắt trần hoặc với sự giúp đỡ của kính lúp, kính hiển vi - hay nói rộng ra là dùng các giác quan để tri giác trực tiếp và có mục đích, đối tượng nghiên cứu, theo dõi, ghi chép các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên mà không can thiệp vào chúng. Khác với quan sát, trong thí nghiệm, người nghiên cứu tác động vào đối tượng bằng những điều kiện nhân tạo nhằm tìm hiểu ảnh hưởng của một hoặc một vài yếu tố xác định, tập trung theo dõi sự diễn biến của đối tượng dưới một vài khía cạnh xác định.

Trong hoạt động thí nghiệm cũng có hoạt động quan sát, cơ bản là quan sát so sánh giữa thí nghiệm với đối chứng. Cả trong quan sát và thí nghiệm đều phải vận dụng các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, trừu tượng hóa, khái quát hóa, vận dụng suy lí quy nạp và diễn dịch thì mới phát hiện được bản chất, tính quy luật của hiện tượng đang nghiên cứu.

Quá trình này có thể được diễn ra trong đầu óc của từng cá nhân học sinh nhưng sẽ có hiệu quả hơn khi biết phối hợp hợp lí sự suy nghĩ độc lập của từng cá nhân với sự hợp tác thảo luận trong nhóm nhỏ. Bởi vậy, có thể nói quan sát và thảo luận nhóm, thí

nghiệm và thảo luận nhóm là các dạng hoạt động thường dùng nhất trong các bài học Sinh học THCS.

Bài tập:

Thiết kế 1 hoạt động khám phá bằng quan sát và 1 hoạt động khám phá bằng thí nghiệm thuộc chương trình Sinh học THCS, dựa vào các lệnh hoạt động trong SGK.

Điều kiện thực hiện dạy học bằng các hoạt động khám phá:

- Học sinh phải có những kiến thức, kỹ năng cần thiết để thực hiện các hoạt động khám phá do giáo viên tổ chức. Đa số học sinh chứ không phải chỉ một vài học sinh trong lớp có khả năng thực hiện thành công hoạt động được nêu ra.

- Sự hướng dẫn của giáo viên cho mỗi hoạt động phải ở mức cần thiết, không quá ít, cũng không quá nhiều, bảo đảm học sinh phải hiểu chính xác họ phải làm gì trong mỗi hoạt động khám phá. Muốn vậy, giáo viên phải hiểu rõ khả năng học sinh của mình.

- Hoạt động khám phá phải được giáo viên giám sát trong quá trình học sinh thực hiện, nhất là lúc ban đầu, đề phòng có nhóm học sinh đi chệch hướng quá xa. Giáo viên cần chuẩn bị một số câu hỏi gợi mở để giúp học sinh tự lực đi tới mục tiêu của hoạt động. Nếu là hoạt động tương đối dài, có thể từng chặng yêu cầu một vài nhóm học sinh cho biết kết quả tìm tòi của họ.

- Phải có đủ thời gian cho mỗi hoạt động khám phá được nêu ra. Nếu đề ra nhiều hoạt động khiến học sinh phải chạy đuổi theo thời gian, không kịp suy nghĩ, thảo luận thì chỉ là hình thức.

- Giáo viên phải nắm thật vững nội dung bài học và có kinh nghiệm cần thiết trong việc tổ chức hoạt động khám phá có hướng dẫn. Lúc đầu còn ít kinh nghiệm thì nên trao đổi giáo án với những đồng nghiệp có kinh nghiệm hơn để tránh những thất bại làm nản lòng cả thầy và trò.

- Sách giáo khoa phải chuyển từ cách viết truyền thống quen thuộc (thông báo - giải thích - minh họa) sang cách viết kiểu mới (tổ chức các hoạt động tìm tòi khám phá) để buộc giáo viên và học sinh phải thay đổi cách dạy, cách học). Muốn vậy dung lượng kiến thức trong một bài học phải hợp lí thì thầy - trò mới có dư thời gian tổ chức

các hoạt động khám phá. Hướng đổi mới này phải được cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, học sinh, phụ huynh và xã hội nhiệt tình ủng hộ, tránh các việc làm phản tác dụng như Sgk mới vừa được in ra, trên thị trường đã thấy loại sách "tham khảo" giải sẵn các bài toán nhận thức, các câu hỏi kích thích tư duy sáng tạo được thiết kế trong sách giáo khoa.

III. Kết luận

- Tích cực được hiểu đồng nghĩa với hoạt động, chủ động.

Dạy - Học bằng các hoạt động khám phá có hướng dẫn là một trong các phương pháp dạy học tích cực, phát huy cao độ tính chủ động sáng tạo của học sinh.

- Xét về khía cạnh tìm tòi, khám phá thì phương pháp dạy học nói trên rất gần với phương pháp vấn đáp tìm tòi và dạy học giải quyết vấn đề, dạy học kiến tạo, chỉ khác nhau về cách tổ chức các hoạt động học tập.

- Cũng như các phương pháp dạy học khác, dạy học bằng các hoạt động khám phá có hướng dẫn không phải là một phương pháp vạn năng, đòi hỏi một số điều kiện mới có thể áp dụng hữu hiệu.

- Một hướng đổi mới phương pháp dạy học cần được quan tâm là từ thực trạng phổ biến hiện nay chủ yếu dùng phương pháp thuyết trình - giảng giải (giảng để dạy) và phương pháp vấn đáp (hỏi để dạy) tiến lên sử dụng ngày càng nhiều các phương pháp hoạt động, nhất là các hoạt động khám phá (làm để học). Muốn vậy phải thay đổi quan niệm về chức năng của người dạy. Người dạy không còn đóng vai trò chủ yếu là người truyền đạt kiến thức mà là người tạo thuận lợi cho việc học.

IV. Câu hỏi tự đánh giá

1. Vì sao phương pháp dạy học tích cực đòi hỏi người giáo viên phải biết tổ chức các hoạt động học tập khám phá?

Hoạt động khám phá trong học tập có gì khác với hoạt động khám phá trong nghiên cứu khoa học?

2. Phương pháp dạy - học bằng hoạt động khám phá có những ưu điểm, nhược điểm gì?

3. Bạn hãy thử trình bày cách dạy mục Sự di chuyển của Thủy tức và mục Chức năng của chất xám và chất trắng trong tủy sống theo phương pháp thông báo - giải thích - minh họa. Nêu điểm khác nhau cơ bản so với phương pháp dạy học bằng hoạt động khám phá.

VI. Phản hồi tự đánh giá

Câu 1.

1a. Vì phương pháp dạy học tích cực đòi hỏi người học phải chủ động tự lực chiếm lĩnh kiến thức mới.

1b. Hoạt động khám phá trong học tập khác với hoạt động khám phá trong nghiên cứu khoa học ở 2 điểm cơ bản:

- Người học phát hiện lại những tri thức loài người đã khám phá bằng nghiên cứu khoa học.
- Người học không phải tự mò mẫm, được sự hướng dẫn của người dạy.

Câu 2:

2a. Ưu điểm:

- Hoạt động khám phá tạo ra hứng thú, thúc đẩy động cơ bên trong của quá trình H.
- Học sinh hiểu sâu, nhớ lâu, biết vận dụng những kiến thức mình đã phát hiện lại bằng hoạt động khám phá, phát triển năng lực giải quyết các vấn đề gặp phải.

2b. Nhược điểm:

- Nếu thực hiện không hợp lý sẽ làm học sinh lúng túng, số học sinh yếu kém đâm ra chán nản.
- Hoạt động khám phá cần nhiều thời gian, dễ phá vỡ kế hoạch dự kiến của giáo viên.
- Có những nội dung không thích hợp với hoạt động khám phá, nếu áp dụng máy móc sẽ không hiệu quả.

Câu 3

- Thay vì tổ chức các hoạt động khám phá, giáo viên thông báo kiến thức (về sự di chuyển của thủy tức, về chức năng của chất xám, chất trắng trong tủy sống) bằng phương pháp thuyết trình, xen giải thích chỗ khó, minh họa chỗ trừu tượng bằng hình, bằng thí nghiệm.
- Điểm khác nhau cơ bản là học sinh được học một cách thụ động hay chủ động.

PHÁT TRIỂN CÁC KỸ NĂNG TRONG DẠY HỌC SINH HỌC THCS

Giới thiệu

Một trong những hướng đổi mới dạy học ở trường THCS là giảm tính lí thuyết, hàn lâm, tăng tính thực hành vận dụng. Điều này liên quan với nhiệm vụ phát triển ở học sinh các năng lực nhận thức và hành động. Năng lực gắn liền với các kĩ năng. Giáo viên Sinh học cần hình thành ở học sinh những kĩ năng gì?

I. Mục tiêu

Về kiến thức

- Hiểu được mối quan hệ giữa năng lực, hoạt động và kĩ năng.
- Trình bày hệ thống những kĩ năng mà giáo viên Sinh học cần hình thành ở học sinh thông qua môn mình dạy.
- Chỉ ra những kĩ năng đặc thù của việc học tập Sinh học ở THCS.

Về kĩ năng

- Xác định đúng các kĩ năng cần hình thành ở một vài bài học trong chương trình Sinh học THCS mới.
- Thử vận dụng lí luận về phương pháp dạy các kĩ năng theo quy trình của Geoffrey Petty 1998.

II. Nội dung

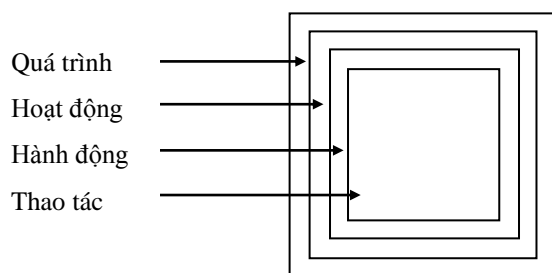
Nội dung 1: Mối quan hệ giữa kĩ năng và năng lực

*** Thông tin:**

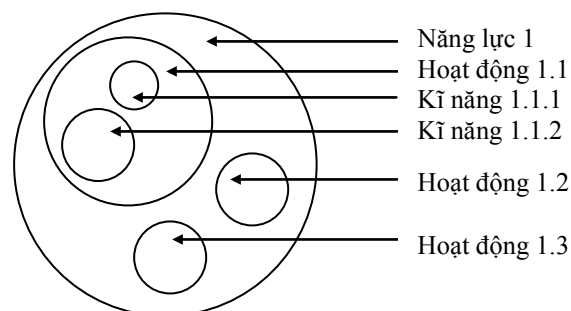
- Kỹ năng là khả năng vận dụng những tri thức thu nhận được trong một lĩnh vực nào đó vào thực tiễn.
- Kĩ năng dạy học / học tập (nói gọn là kĩ năng dạy/học, viết tắt là D/H) là khả năng thực hiện có kết quả một số thao tác hay một loạt thao tác của một hành động D/H bằng cách lựa chọn, vận dụng những tri thức, những cách thức và quy trình hợp lí.
- Năng lực D/H là khả năng thực hiện các hoạt động D/H với chất lượng cao. Năng lực bộc lộ trong hoạt động. Hoạt động thể hiện qua một số hành động và thao tác và gắn liền với một số kĩ năng tương ứng.
- Kĩ năng có tính riêng lẻ, cụ thể. Năng lực có tính tổng hợp, khái quát. Kĩ năng và năng lực đều là sản phẩm của quá trình đào tạo, rèn luyện (bao gồm cả tự đào tạo, tự rèn luyện). Kĩ năng đạt mức thành thạo thì thành kĩ xảo. Năng lực đạt mức cao thì được xem là tinh thông trong lĩnh vực hoạt động, tinh thông trong nghề nghiệp.

Bài tập:

Phân tích mối quan hệ giữa các khái niệm được trình bày trong 2 sơ đồ dưới đây và cho mỗi sơ đồ một ví dụ minh họa.



Sơ đồ 1



Sơ đồ 2

- Sơ đồ 1

- Một quá trình được thực hiện qua nhiều hoạt động. Ví dụ quá trình dạy học gồm hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò.

- Một hoạt động được thực hiện qua nhiều hành động. Ví dụ hoạt động lên lớp bao gồm các hành động tổ chức lớp, kiểm tra bài cũ, dạy bài mới...

- Một hành động gồm nhiều thao tác. Ví dụ kiểm tra bài cũ gồm các thao tác: nêu câu hỏi, chỉ định học sinh được kiểm tra, lắng nghe trả lời của học sinh, nhận xét và cho điểm.

- Sơ đồ 2

- Năng lực được thể hiện thông qua các hoạt động. Ví dụ năng lực đánh giá kết quả dạy học bao gồm các hoạt động: xây dựng chuẩn đánh giá và công cụ đánh giá, tổ chức thực hiện việc đánh giá, xử lý kết quả đánh giá...

- Mỗi hoạt động đòi hỏi một số kỹ năng tương ứng. Ví dụ hoạt động xây dựng công cụ đánh giá cần có các kỹ năng soạn đề kiểm tra (câu hỏi mở, câu hỏi đóng, đề bài tập vận dụng lí thuyết...) soạn đáp án cho các đề kiểm tra, lập bảng điểm...

Nội dung 2: Nhiệm vụ phát triển các năng lực nhận thức và năng lực hành động của học sinh trong quá trình dạy học Sinh học THCS

*** Thông tin:**

Trong dạy học, giáo viên phải tạo cơ hội thuận lợi để học sinh được tập dượt, rèn luyện, phát triển các kỹ năng và phẩm chất hoạt động trí tuệ nhằm nâng cao hiệu

quả nhận thức, để học sinh được rèn luyện các thao tác, kĩ năng, kĩ xảo hành động chân tay, xây dựng thói quen vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệm vụ nói trên được gọi tắt là nhiệm vụ phát triển.

Về mặt tâm lí học, quá trình nhận thức gồm 2 giai đoạn.

- Nhận thức cảm tính, đòi hỏi các kĩ năng quan sát, chú ý, ghi nhớ.

- Nhận thức lí tính tức là tư duy trừu tượng đòi hỏi các kĩ năng so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hoá, cá biệt hoá, trừu tượng hoá, cụ thể hoá.

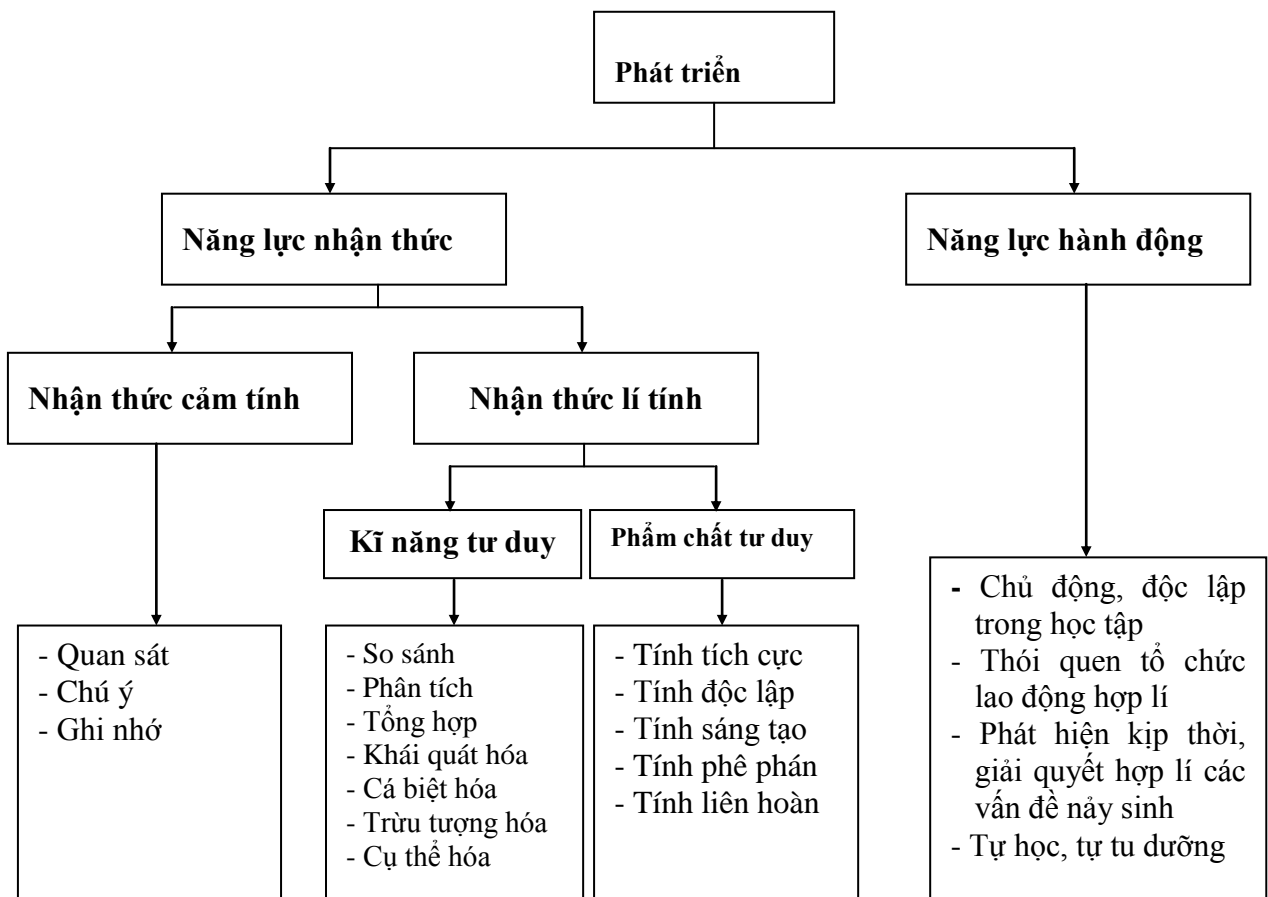
Những kĩ năng này là cần thiết để thực hiện có hiệu quả quá trình nhận thức mà bản chất là thu thập, xử lí, lưu trữ, sử dụng các thông tin. Năng lực nhận thức còn đòi hỏi một mặt nữa quan trọng hơn đó là phẩm chất tư duy. Phẩm chất của năng lực tư duy biểu hiện ở tính tích cực, tính độc lập là tiền đề để tạo nên tính sáng tạo. Một số nhà tâm lí học còn nhấn mạnh tính phê phán, tính linh hoạt là điều kiện để có tính sáng tạo.

Trong quá trình dạy học, nhiệm vụ phát triển bao gồm 2 mặt liên quan chặt chẽ : phát triển năng lực nhận thức và phát triển năng lực hành động. Năng lực hành động biểu hiện ở tính tích cực, độc lập, sáng tạo trong học tập nghiên cứu công tác, ở thói quen tổ chức lao động hợp lí, đặc biệt là năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự tu dưỡng, năng lực phát hiện kịp thời và giải quyết hợp lí những vấn đề nảy sinh trong thực tế.

Nâng cao tính tích cực, tính độc lập, tính sáng tạo của học sinh trong hoạt động nhận thức và trong hành động thực tiễn là yêu cầu cơ bản hiện nay của nhiệm vụ phát triển trong quá trình dạy học, bảo đảm mục tiêu đào tạo những người công dân làm chủ, những người lao động sáng tạo.

Bài tập:

Dựa vào các thông tin hỗ trợ trên đây, bạn hãy xây dựng một sơ đồ phản ánh nội dung nhiệm vụ phát triển trong dạy học.



Yêu cầu cơ bản:

Nâng cao tính tự giác, tích cực, độc lập, tính sáng tạo của học sinh trong hoạt động nhận thức và trong hành động thực tiễn.

Nội dung 3:

Những kĩ năng cần rèn luyện cho học sinh trong dạy học Sinh học THCS

Bài tập:

Dựa vào nhận thức và kinh nghiệm bản thân, bạn hãy thử liệt kê các kĩ năng cần rèn luyện cho học sinh trong dạy học Sinh học THCS và phân chúng ra thành mấy nhóm mà bạn cho là hợp lí.

Có thể phân làm 4 nhóm

- Các kĩ năng nhận thức: quan sát, chú ý, ghi nhớ, so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, cá biệt hóa, trừu tượng hóa, cụ thể hóa, quy nạp, diễn dịch.

- Các kĩ năng hành động: Chủ động, độc lập, sáng tạo trong học tập, lao động, công tác, tu dưỡng, biết phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh.
- Các kĩ năng học tập, đặc biệt tự học: thu thập, xử lí, tích lũy, sử dụng thông tin.
- Các kĩ năng Sinh học: quan sát, thí nghiệm.

*** Thông tin:**

Trong quá trình dạy học Sinh học THCS, giáo viên cần quan tâm trước hết đến việc phát triển những kĩ năng nhận thức sau đây:

- Kĩ năng quan sát.

Biết quan sát tinh tường, đi sâu vào chi tiết, tập trung vào những chi tiết quan trọng nhất của đối tượng là kĩ năng cần có đầu tiên để tự tìm hiểu các sự vật, hiện tượng trong sinh giới.

Từ quan sát các mẫu vật tự nhiên (mẫu tươi, bản mô, mẫu ngâm, tiêu bản ép khô) đến các vật tượng hình (mô hình, ảnh chụp, tranh vẽ), các vật tượng trưng (sơ đồ, biểu đồ, đồ thị), từ quan sát các hiện tượng ổn định đến theo dõi các quá trình dài ngày.

Kèm theo quan sát là sự phát triển kĩ năng mô tả, lúc đầu là bằng ngôn ngữ thông thường rồi tiến đến sử dụng các thuật ngữ sinh học ngày càng phong phú và chính xác hơn.

Muốn có đối tượng để quan sát trong học tập, học sinh phải được tập dượt các kĩ năng thu lượm các mẫu vật, nhận dạng, phân loại (ở mức đơn giản), cố định các mẫu sống để thuận tiện quan sát. Làm những bộ sưu tập các nhóm thực vật, động vật, là một hoạt động lôi cuốn hứng thú của trẻ ở lứa tuổi này, trong đó giáo viên cần quan tâm hướng dẫn bảo vệ môi trường.

- Kỹ năng làm thí nghiệm.

Muốn nghiên cứu sâu vào bản chất, cơ chế các hiện tượng sinh học, người ta phải làm các thí nghiệm. Các hiện tượng sinh học thường xảy ra đồng thời, trong các mối quan hệ rất phức tạp. Để phát hiện tính quy luật của hiện tượng, người ta phải tổ chức các thí nghiệm, trong đó chủ thể nhận thức chủ động đề xuất giả thuyết rồi trên cơ sở đó tách ra từng hiện tượng để nghiên cứu cho đơn giản hơn, sau đó lại đặt nó vào hệ thống vốn có của sự vật để cuối cùng có nhận thức đầy đủ.

Trong chương trình THCS, học sinh đã có thể lắp đặt một số thí nghiệm đơn giản, tập dượt các kỹ năng đề xuất giả thuyết, bố trí thí nghiệm, thay đổi đối tượng và điều kiện thí nghiệm, phân tích kết quả thí nghiệm bằng cách so sánh thực nghiệm với đối chứng kiểm tra giả thuyết đã đề ra và kết luận.

Giờ học bằng thí nghiệm bao giờ cũng sinh động, cuốn hút nhận thức tích cực của trẻ ở độ tuổi này tuy đòi hỏi ở giáo viên sự chuẩn bị công phu và năng lực tổ chức tốt. Học sinh được xem thí nghiệm do giáo viên biểu diễn đã là tốt nhưng sẽ còn tốt hơn nhiều nếu đa số các thí nghiệm trong chương trình được do chính tay học sinh làm; điều này đòi hỏi phải có đủ phương tiện, thiết bị, phòng thực hành.

- *Kỹ năng suy luận quy nạp.*

Các tài liệu do quan sát và thí nghiệm đem lại chỉ là những kiến thức sự kiện, cụ thể, riêng lẻ. Chúng chỉ thực sự có ý nghĩa khoa học khi được khái quát hóa, trừu tượng hóa thành những kiến thức lý thuyết (khái niệm, định luật, học thuyết). Trẻ có thể được hướng dẫn để tự lực thực hiện điều đó bằng suy luận quy nạp.

Kết luận rút ra từ suy luận quy nạp chỉ có giá trị khái quát khi đã dựa trên một số lượng sự kiện đủ lớn. Trong dạy học, người ta được phép dùng quy nạp đơn cử, nghĩa là chỉ dựa trên một vài hiện tượng, một vài thí nghiệm để rút ra kết luận chung. Đó là vì những kiến thức đem ra giảng dạy đã được các nhà khoa học kiểm nghiệm nhiều lần, thời gian của tiết học lại có hạn. Trong khi sử dụng phép quy nạp đơn cử, giáo viên chớ gây ấn tượng sai lầm là các kiến thức khoa học đó được hình thành quá đơn giản.

Nói chung, suy luận quy nạp cần cho quá trình hình thành các kiến thức khái niệm, quy luật. Khi vận dụng các khái niệm quy luật đã biết vào trường hợp cụ thể lại cần đến suy luận diễn dịch. Quy nạp và diễn dịch bổ sung cho nhau, đều cần cho quá trình vận động của tư duy. Tuy nhiên, do đặc điểm của Sinh học và đặc điểm của quá trình nhận thức của học sinh THCS, giáo viên cần chú ý trọng tâm là phát triển tư duy thực nghiệm quy nạp trên cơ sở rèn luyện kỹ năng quan sát và thí nghiệm.

Nội dung 4: Phương pháp dạy các kỹ năng.

*** *Thông tin***

Việc học tập một kỹ năng - dù là lao động chân tay hay lao động trí óc - đều đòi hỏi phải có cơ hội được thực hành, luyện tập để tích lũy kinh nghiệm hành động thì mới có hiệu quả. Nhưng làm thế nào để kỹ năng được hình thành bằng con đường ngắn

nhất, một cách chắc chắn, theo đúng chuẩn mực? Điều này còn tùy thuộc vào từng kĩ năng, mức độ phức tạp của kĩ năng, vị trí của kĩ năng đó trong mục tiêu đào tạo.

Trong cuốn “Dạy học ngày nay” Geoffrey Petty (1998), đã đề xuất một quy trình chung mà chúng ta nên tham khảo, vận dụng. Quy trình gồm 8 bước:

1. Giải thích

Giáo viên giúp cho học sinh hiểu vì sao cần có kĩ năng đó? Vị trí của kĩ năng đó trong hoạt động nghề nghiệp tương lai? Kĩ năng đó liên quan đến những kiến thức lý thuyết nào đã học? Có thể kiểm tra thăm dò xem học sinh đã biết chút ít gì về kĩ năng sắp học hay chưa?

2. Làm chi tiết

Học sinh được xem trình diễn mẫu một cách chi tiết, chính xác để có một mô hình bắt chước làm theo. Mẫu này có thể do giáo viên trình diễn hoặc học sinh được xem băng hình. Cần tạo cơ hội cho học sinh nắm bắt những chi tiết mấu chốt của kĩ năng như cho băng hình quay chậm hoặc dừng lại và giáo viên đặt câu hỏi gợi mở để học sinh phát hiện ra những chi tiết quan trọng nhất.

3 Sử dụng kinh nghiệm mới học

Học sinh thử làm theo mẫu đã được xem.

4. Kiểm tra và hiệu chỉnh

Tốt nhất là tạo cơ hội để học sinh tự kiểm tra, phát hiện những chỗ làm sai của chính mình và biết cần hiệu chỉnh những chỗ nào. Để tránh học sinh lập lại những cách làm sai thành thói quen khó sửa, giáo viên cần giám sát, giúp đỡ nếu học sinh không tự phát hiện được, nhất là đối với những kĩ năng cao cấp, phức tạp.

5. Hỗ trợ trí nhớ

Học sinh cần có những phương tiện giúp đỡ việc ghi nhớ những điểm then chốt, ví dụ phiếu ghi tóm tắt, tờ rơi ghi sơ đồ các thao tác, băng ghi âm, ghi hình.

6. Ôn tập và sử dụng lại

Đây là việc cần thiết để củng cố những kĩ năng đã học được.

7. Đánh giá

Đây là khâu đánh giá do người đào tạo thực hiện, xem học sinh đã đạt yêu cầu hay chưa. Việc đánh giá có thể được tiến hành một cách chính thức hoặc kín đáo nhưng phải phát hiện đúng những người đã đạt yêu cầu để cả người dạy và người học

đều an tâm với kết quả đào tạo, đồng thời phải xác định đúng những người chưa đạt yêu cầu để có trách nhiệm đào tạo bổ sung.

8. Thắc mắc

Học sinh có nhu cầu làm sáng tỏ những điều chưa hiểu. Họ có thể nêu câu hỏi vào bất kì lúc nào trong quá trình học. Một số học sinh hay e thẹn không dám hỏi trước mặt các bạn cùng lớp. Giáo viên cần tạo cơ hội cho họ hỏi khi chỉ có một thầy một trò. Cơ hội tốt nhất là ở giai đoạn “Tập sử dụng kĩ năng”, khi đó giáo viên nên đi lại trong lớp, kiểm tra các thao tác thực hành kĩ năng của học sinh và trả lời thắc mắc của các em. Cũng có thể đến cuối cùng học sinh mới nêu những thắc mắc mà bản thân và bạn bè chưa giải đáp được. Lúc này giáo viên không nên để các em thất vọng.

Bài tập:

Chọn một kĩ năng nào đó trong chương trình Sinh học THCS và phân tích cách dạy kĩ năng đó theo 8 bước EDUCARE?. Đối chiếu với thực tế giảng dạy kĩ năng của bản thân hay của đồng nghiệp, bạn có thể rút ra kinh nghiệm gì?

Nội dung 5: Vị trí của kĩ năng trong mục tiêu dạy học

*** Thông tin:**

Trước kia, giáo viên chúng ta thường phân tích mục đích yêu cầu của bài học thành 3 mặt : kiến thức, tư tưởng, tư duy. Từ khi thực hiện chương trình cải cách giáo dục ở cấp THCS (1986), giáo viên được hướng dẫn phân tích mục tiêu bài học thành 3 mặt : kiến thức, kĩ năng, thái độ. Kĩ năng là sự bộc lộ dễ thấy của năng lực hành động. Thái độ là mặt biểu hiện bên ngoài của tư tưởng, có thể kiểm soát được, đánh giá được.

Trong bối cảnh khoa học, kỹ thuật, công nghệ phát triển nhanh, kéo theo sự phát triển nhanh chóng về kinh tế xã hội, làm đảo lộn những giá trị truyền thống, gần đây có nhà giáo dục nước ngoài đề xuất sự đảo ngược bộ 3 nói trên thành : thái độ, kĩ năng, kiến thức. Đó là một cách nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của nhiệm vụ giáo dục tư tưởng, giáo dục kĩ năng thực hành vận dụng kiến thức trong bối cảnh xã hội hiện nay. Cách nhấn mạnh này có thể gây ra sự ngộ nhận là việc giáo dục thái độ và kĩ năng có thể được tiến hành không trên cơ sở giáo dục kiến thức. Điều này trái với đặc điểm cơ bản của giáo dục nhà trường là thông qua giảng dạy kiến thức có hệ thống mà rèn luyện kĩ năng và giáo dục phẩm chất nhân cách cho học sinh.

Đa số các nhà giáo dục phương Tây quen phân biệt mục tiêu giáo dục thành 3 nhóm : mục tiêu nhận thức (Cognitive Objective), mục tiêu tâm - vận (Psychomotor Objective), mục tiêu cảm xúc (Affective Objective). Một số khác diễn đạt mục tiêu giáo dục bằng 3 chữ H: Head (cái đầu), Hand (cái tay), Heart (trái tim). Các cách phân biệt trên cũng tương tự như cách phân biệt 3 nhóm mục tiêu hiện nay của chúng ta: kiến thức, kĩ năng, thái độ.

Lưu ý rằng khi xác định mục tiêu cụ thể của một bài học người ta chỉ nêu những điểm có thể thực hiện trong phạm vi bài học, dựa vào mục tiêu đã xác định, có thể kiểm soát, đánh giá kết quả bài học. Quá trình dạy học các môn học ở một cấp học, bậc học phải đạt những mục tiêu tổng quát hơn, trong đó nhiệm vụ phát triển bao gồm cả phát triển năng lực nhận thức và năng lực hành động, mặt kĩ năng bao gồm cả kĩ năng tư duy, kĩ năng thực hành, kĩ năng học tập, đặc biệt tự học; nhiệm vụ giáo dục bao gồm giáo dục chính trị, tư tưởng, tình cảm, đạo đức, tác phong, trong giáo dục đạo đức chú ý giáo dục giá trị, giáo dục cảm xúc.

Bài tập: Bạn hãy chọn 5 bài trong Sách giáo viên môn Sinh học THCS, nghiên cứu cách phát biểu mục tiêu kĩ năng ở các bài đó và cho nhận xét của bạn.

III. Kết luận

- Giám tính lí thuyết, hàn lâm, tăng tính thực hành vận dụng là một hướng đổi mới của chương trình giáo dục ở THCS. Theo hướng này cần quan tâm thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển các năng lực nhận thức và đặc biệt các năng lực hành động cho học sinh.
- Năng lực bộc lộ qua hoạt động, thông qua những hành động trí tuệ hoặc cơ bắp và gắn liền với những kĩ năng cụ thể.
- Giáo viên cần hình thành ở học sinh các kĩ năng nhận thức, các kĩ năng hành động, kĩ năng học tập và kĩ năng chuyên môn của môn học.
- Trong dạy học Sinh học, giáo viên cần đặc biệt chú ý hình thành phát triển ở học sinh các kĩ năng quan sát và thí nghiệm, phát triển tư duy thực nghiệm quy nạp.
- Việc rèn luyện các kĩ năng phải được thực hiện dựa trên nền giảng dạy các kiến thức có hệ thống của chương trình môn học và phải tuân thủ một quy trình hợp

lí, phù hợp với từng loại kĩ năng, mức độ phức tạp của từng kĩ năng, vị trí của kĩ năng trong mục tiêu đào tạo.

IV. Câu hỏi tự đánh giá

1. Kĩ năng là gì? Mối quan hệ giữa kĩ năng, hoạt động và năng lực?
2. Yêu cầu cơ bản của nhiệm vụ phát triển các năng lực nhận thức và năng lực hành động trong đổi mới giáo dục hiện nay?
3. Trong dạy học Sinh học ở THCS, giáo viên cần đặc biệt chú ý hình thành ở học sinh những kĩ năng gì? Vì sao?
4. Mô tả phương pháp dạy kĩ năng theo quy trình EDUCARE ? và cho một ví dụ.

V. Phản hồi tự đánh giá

Câu 1: Xem lại nội dung 1 trong bài học

Câu 2: Nâng cao tính tự giác, độc lập, sáng tạo của học sinh trong hoạt động nhận thức và hành động thực tiễn.

Câu 3: Phát triển tư duy thực nghiệm - quy nạp trên cơ sở rèn luyện các kĩ năng quan sát và thí nghiệm, vì Sinh học vốn là môn khoa học thực nghiệm được xây dựng trên phương pháp quan sát và thí nghiệm.

Câu 4: Xem lại nội dung 4, kể được 8 bước và cho 1 ví dụ phù hợp.

VI. Bài tập phát triển kĩ năng

- Bạn sẽ trình bày sản phẩm HĐ 4 và HĐ 5 của bạn trong nhóm chuyên môn và góp ý kiến hoàn thiện sản phẩm 2 HĐ đó của các bạn đồng nghiệp.

- Phối hợp sơ đồ ở mục phản hồi HĐ 2 và mục thông tin hỗ trợ HĐ 3, bạn hãy liệt kê các kĩ năng cần rèn luyện cho học sinh trong dạy học Sinh học và tự đánh giá mức độ quan tâm thực hiện của bạn theo 3 mức: Chưa hề thực hiện (0); thực hiện không thường xuyên (+); thực hiện rất thường xuyên (++)

Một số kỹ thuật dạy - học tích cực khác GV có thể vận dụng

Các kỹ thuật dạy học tích cực là những kỹ thuật dạy học có ý nghĩa đặc biệt trong việc phát huy sự tham gia tích cực của HS vào quá trình dạy học, kích thích tư duy, sự sáng tạo và sự cộng tác làm việc của HS. Các kỹ thuật dạy học tích cực được trình bày sau đây có thể được áp dụng thuận lợi trong làm việc nhóm. Tuy nhiên chúng cũng có thể được kết hợp thực hiện trong các hình thức dạy học toàn lớp nhằm phát huy tính tích cực của HS. Các kỹ thuật được trình bày dưới đây cũng được nhiều tài liệu gọi là các PPDH.

1. Động não

1.1. Khái niệm: Động não (công não) là một kỹ thuật nhằm huy động những tư tưởng mới mẻ, độc đáo về một chủ đề của các thành viên trong thảo luận. Các thành viên được cổ vũ tham gia một cách tích cực, không hạn chế các ý tưởng (nhằm tạo ra “con lóc” các ý tưởng). Kỹ thuật động não do Alex Osborn (Mỹ) phát triển, dựa trên một kỹ thuật truyền thống từ Ấn độ.

1.2. Quy tắc của động não

- Không đánh giá và phê phán trong quá trình thu thập ý tưởng của các thành viên;
- Liên hệ với những ý tưởng đã được trình bày;
- Khuyến khích số lượng các ý tưởng;
- Cho phép sự tưởng tượng và liên tưởng.

Các bước tiến hành

1. Người điều phối dẫn nhập vào chủ đề và xác định rõ một vấn đề;
2. Các thành viên đưa ra những ý kiến của mình: trong khi thu thập ý kiến, không đánh giá, nhận xét. Mục đích là huy động nhiều ý kiến tiếp nối nhau;
3. Kết thúc việc đưa ra ý kiến;
4. Đánh giá:
 - Lựa chọn sơ bộ các suy nghĩ, chẳng hạn theo khả năng ứng dụng
 - Có thể ứng dụng trực tiếp;
 - Có thể ứng dụng nhưng cần nghiên cứu thêm;
 - Không có khả năng ứng dụng.
 - Đánh giá những ý kiến đã lựa chọn
 - Rút ra kết luận hành động.

1.3. Ứng dụng

- Dùng trong giai đoạn nhập đề vào một chủ đề;
- Tìm các phương án giải quyết vấn đề;

- Thu thập các khả năng lựa chọn và ý nghĩ khác nhau.

1.4. Ưu điểm

- Dễ thực hiện;
- Không tốn kém;
- Sử dụng được hiệu ứng cộng hưởng, huy động tối đa trí tuệ của tập thể;
- Huy động được nhiều ý kiến;
- Tạo cơ hội cho tất cả thành viên tham gia.

1.5. Nhược điểm

- Có thể đi lạc đề, tản mạn;
- Có thể mất thời gian nhiều trong việc chọn các ý kiến thích hợp;
- Có thể có một số HS „quá tích cực“, số khác thụ động. Kỹ thuật động não được áp dụng phổ biến và người ta xây dựng nhiều kỹ thuật khác dựa trên kỹ thuật này, có thể coi là các dạng khác nhau của kỹ thuật động não.

2. Động não viết

2.1. Khái niệm: Động não viết là một hình thức biến đổi của động não. Trong động não viết thì những ý tưởng không được trình bày miệng mà được từng thành viên tham gia trình bày ý kiến bằng cách viết trên giấy về một chủ đề. Trong động não viết, các đối tác sẽ giao tiếp với nhau bằng chữ viết. Các em đặt trước mình một vài tờ giấy chung, trên đó ghi chủ đề ở dạng dòng tiêu đề hoặc ở giữa tờ giấy. Các em thay nhau ghi ra giấy những gì mình nghĩ về chủ đề đó, trong im lặng tuyệt đối. Trong khi đó, các em xem các dòng ghi của nhau và cùng lập ra một bài viết chung. Bằng cách đó có thể hình thành những câu chuyện trọn vẹn hoặc chỉ là bản thu thập các từ khóa. Các HS luyện tập có thể thực hiện các cuộc nói chuyện bằng giấy bút cả khi làm bài trong nhóm. Sản phẩm có thể có dạng một bản đồ trí tuệ.

2.2. Cách thực hiện

- Đặt trên bàn 1-2 tờ giấy để ghi các ý tưởng, đề xuất của các thành viên;
- Mỗi một thành viên viết những ý nghĩ của mình trên các tờ giấy đó;
- Có thể tham khảo các ý kiến khác đã ghi trên giấy của các thành viên khác để tiếp tục phát triển ý nghĩ;
- Sau khi thu thập xong ý tưởng thì đánh giá các ý tưởng trong nhóm.

2.3. Ưu điểm

- Ưu điểm của phương pháp này là có thể huy động sự tham gia của tất cả HS trong nhóm;
- Tạo sự yên tĩnh trong lớp học;

- Động não viết tạo ra mức độ tập trung cao. Vì những HS tham gia sẽ trình bày những suy nghĩ của mình bằng chữ viết nên có sự chú ý cao hơn so với các cuộc nói chuyện bình thường bằng miệng;
- Các HS đối tác cùng hoạt động với nhau mà không sử dụng lời nói. Bằng cách đó, thảo luận viết tạo ra một dạng tương tác xã hội đặc biệt;
- Những ý kiến đóng góp trong cuộc nói chuyện bằng giấy bút thường được suy nghĩ đặc biệt kỹ.

2.4. Nhược điểm

- Có thể HS sa vào những ý kiến tản mạn, xa đề;
- Do được tham khảo ý kiến của nhau, có thể một số HS ít có sự tư duy độc lập.

3. Kỹ thuật XYZ:

Là một kỹ thuật nhằm phát huy tính tích cực trong thảo luận nhóm. X là số người trong nhóm, Y là số ý kiến mỗi người cần đưa ra, Z là phút dành cho mỗi người.

Ví dụ kỹ thuật 635 thực hiện như sau:

- Mỗi nhóm 6 người, mỗi người viết 3 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 5 phút về cách giải quyết 1 vấn đề và tiếp tục chuyển cho người bên cạnh;
- Tiếp tục như vậy cho đến khi tất cả mọi người đều viết ý kiến của mình, có thể lặp lại vòng khác;
- Con số X-Y-Z có thể thay đổi;
- Sau khi thu thập ý kiến thì tiến hành thảo luận, đánh giá các ý kiến.

4. Kỹ thuật “bể cá”:

Là một kỹ thuật dùng cho thảo luận nhóm, trong đó một nhóm HS ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những HS khác trong lớp ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những HS thảo luận. Trong nhóm thảo luận có thể có một vị trí không có người ngồi. HS tham gia nhóm quan sát có thể ngồi vào chỗ đó và đóng góp ý kiến vào cuộc thảo luận, ví dụ đưa ra một câu hỏi đối với nhóm thảo luận hoặc phát biểu ý kiến khi cuộc thảo luận bị chững lại trong nhóm. Cách luyện tập này được gọi là phương pháp thảo luận “bể cá”, vì những người ngồi vòng ngoài có thể quan sát những người thảo luận, tương tự như xem những con cá trong một bể cá cảnh. Trong quá trình thảo luận, những người quan sát và những người thảo luận sẽ thay đổi vai trò với nhau.

Bảng câu hỏi cho những người quan sát

- Người nói có nhìn vào những người đang nói với mình không?
- Họ có nói một cách dễ hiểu không?

- Họ có đề những người khác nói hay không?
- Họ có đưa ra được những luận điểm đáng thuyết phục hay không?
- Họ có đề cập đến luận điểm của người nói trước mình không?
- Họ có lệch hướng khỏi đề tài hay không?
- Họ có tôn trọng những quan điểm khác hay không?

5. Tranh luận ủng hộ – phản đối

Tranh luận ủng hộ – phản đối (tranh luận chia phe) là một kỹ thuật dùng trong thảo luận, trong đó đề cập về một chủ đề có chứa đựng xung đột. Những ý kiến khác nhau và những ý kiến đối lập được đưa ra tranh luận nhằm mục đích xem xét chủ đề dưới nhiều góc độ khác nhau. Mục tiêu của tranh luận không phải là nhằm “đánh bại” ý kiến đối lập mà nhằm xem xét chủ đề dưới nhiều phương diện khác nhau.

Cách thực hiện:

- Các thành viên được chia thành hai nhóm theo hai hướng ý kiến đối lập nhau về một luận điểm cần tranh luận. Việc chia nhóm có thể theo nguyên tắc ngẫu nhiên hoặc theo nguyện vọng của các thành viên muốn đứng trong nhóm ủng hộ hay phản đối.
- Một nhóm cần thu thập những lập luận ủng hộ, còn nhóm đối lập thu thập những luận cứ phản đối đối với luận điểm tranh luận.
- Sau khi các nhóm đã thu thập luận cứ thì bắt đầu thảo luận thông qua đại diện của hai nhóm. Mỗi nhóm trình bày một lập luận của mình: Nhóm ủng hộ đưa ra một lập luận ủng hộ, tiếp đó nhóm phản đối đưa ra một ý kiến phản đối và cứ tiếp tục như vậy. Nếu mỗi nhóm nhỏ hơn 6 người thì không cần đại diện mà mọi thành viên có thể trình bày lập luận.
- Sau khi các lập luận đã đưa ra thì tiếp theo là giai đoạn thảo luận chung và đánh giá, kết luận thảo luận.

6. Kỹ thuật tia chớp

Kỹ thuật tia chớp là một kỹ thuật huy động sự tham gia của các thành viên đối với một câu hỏi nào đó, hoặc nhằm thu thông tin phản hồi nhằm cải thiện tình trạng giao tiếp và không khí học tập trong lớp học, thông qua việc các thành viên lần lượt nêu ngắn gọn và nhanh chóng (nhanh như chớp!) ý kiến của mình về câu hỏi hoặc tình trạng vấn đề.

Quy tắc thực hiện:

- Có thể áp dụng bất cứ thời điểm nào khi các thành viên thấy cần thiết và đề nghị;
- Lần lượt từng người nói suy nghĩ của mình về một câu hỏi đã thoả thuận, ví dụ: Hiện tại tôi có hứng thú với chủ đề thảo luận không?

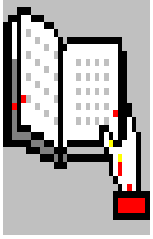
- Mỗi người chỉ nói ngắn gọn 1-2 câu ý kiến của mình;
- Chỉ thảo luận khi tất cả đã nói xong ý kiến.

7. Kỹ thuật “3 lần 3”

Kỹ thuật “3 lần 3” là một kỹ thuật lấy thông tin phản hồi nhằm huy động sự tham gia tích cực của HS.

Cách làm như sau:

- HS được yêu cầu cho ý kiến phản hồi về một vấn đề nào đó (nội dung buổi thảo luận, phương pháp tiến hành thảo luận...).
- Mỗi người cần viết ra: - 3 điều tốt;- 3 điều chưa tốt;- 3 đề nghị cải tiến.
- Sau khi thu thập ý kiến thì xử lý và thảo luận về các ý kiến phản hồi.



2.2

Nội dung 2.2:

Tổ chức dạy học theo chuẩn KT – KN thông qua các PP và kĩ thuật dạy học tích cực

HOẠT ĐỘNG 1. Tìm hiểu về

Những nguyên tắc định hướng dạy học theo chuẩn KT-KN chương trình GDPT thông qua các kỹ thuật dạy học tích cực

1. Mục tiêu:

- HV mô tả được **những nguyên tắc định hướng dạy học theo chuẩn KT- KN chương trình GDPT thông qua các kỹ thuật dạy học tích cực.**

2. Kết quả mong đợi:

- HV nêu ra được **những nguyên tắc định hướng dạy học theo chuẩn KT- KN.**
- HV trao đổi kinh nghiệm của mình về các **nguyên tắc định hướng dạy học theo chuẩn KT-KN.**


3. Phương tiện đánh giá:

- Các kinh nghiệm của HV về các **nguyên tắc định hướng dạy học theo chuẩn KT-KN.**
- Bản trình bày của mỗi nhóm.

4. Phương tiện thiết bị cần chuẩn bị:

- Tài liệu Hướng dẫn thực hiện chuẩn KT - KN môn Sinh học cấp THCS
- Bảng phụ hoặc giấy Torôki, băng dính hai mặt.
- Bút dạ các màu
- Máy chiếu overhead hoặc projecteur

5. Tiến trình thực hiện:

	Hoạt động của NHD	Hoạt động của NTG	Ghi chú
05 phút	Giới thiệu hoạt động tìm hiểu nguyên tắc định hướng dạy học theo chuẩn KT-KN. Yêu cầu HV phát biểu mục tiêu hoạt động 1.	- Theo dõi. - Phát biểu mục tiêu hoạt động 1.	Chuẩn bị tâm lí để học tập tích cực
20	Yêu cầu HV đọc nội dung	- HV đọc tài liệu	

phút	dưới đây và chia sẻ kinh nghiệm của bản thân trong mỗi nhóm	- Phát biểu quan niệm của cá nhân. - Chuẩn bị báo cáo nhóm	
------	---	---	--

6. Tổng kết và đánh giá

- Trả lời các thắc mắc của HV.
- Đánh giá kết quả làm việc của HV và của các nhóm.

Kết luận:

1. Nguyên tắc chung

1.1. Về Khung phân phối chương trình

Khung PPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình (chương, phần, bài học, môđun, chủ đề,...), trong đó có thời lượng dành cho luyện tập, bài tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và thời lượng tiến hành kiểm tra định kì tương ứng với các phần đó. Thời lượng quy định tại KPPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày (*thời lượng dành cho kiểm tra là không thay đổi, thời lượng dành cho các hoạt động khác là quy định tối thiểu*). Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường THCS trong cả nước. Căn cứ Khung PPCT này, các Sở GDĐT đã cụ thể hoá thành PPCT chi tiết cho từng bài của môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm cả dạy học tự chọn cho phù hợp với địa phương, áp dụng chung cho các trường THCS thuộc quyền quản lí. Các trường THCS có điều kiện bố trí giáo viên và kinh phí chi trả giờ dạy vượt định mức quy định (trong đó có các trường học nhiều hơn 6 buổi/tuần), có thể chủ động đề nghị Phòng GDĐT trình Sở GDĐT phê chuẩn việc điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*lãnh đạo Sở phê duyệt, kí tên, đóng dấu*).

1.2. Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học (PPDH):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới PPDH là:
 - + Phát huy tính tích cực, hứng thú trong học tập của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên;
 - + Thiết kế bài giảng khoa học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giáo viên và học sinh, thiết kế hệ thống câu hỏi hợp lý, tập trung vào trọng tâm, tránh nặng nề quá tải (nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới); bồi dưỡng năng lực độc lập suy nghĩ, vận dụng sáng tạo kiến thức đã học, tránh thiên về ghi nhớ máy móc không nắm vững bản chất;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, khuyến khích sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phương tiện nghe nhìn, thực hiện đầy đủ thí nghiệm, thực hành, liên hệ thực tế trong giảng dạy phù hợp với nội dung từng bài học;

+ Giáo viên sử dụng ngôn ngữ chuẩn xác, trong sáng, sinh động, dễ hiểu, tác phong thân thiện, khuyến khích, động viên học sinh học tập, tổ chức hợp lý cho học sinh làm việc cá nhân và theo nhóm;

+ Dạy học sát đối tượng, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và giúp đỡ học sinh học lực yếu kém.

- Tăng cường chỉ đạo đổi mới PPDH thông qua công tác bồi dưỡng giáo viên và dự giờ thăm lớp của giáo viên, tổ chức rút kinh nghiệm giảng dạy ở các tổ chuyên môn, hội thảo cấp trường, cụm trường, địa phương, hội thi giáo viên giỏi các cấp.

2. Đối với từng cấp học, lớp học

1. Tổ chức dạy học

– Thời lượng môn Sinh học lớp 6, 7, 8, 9 đều là 70 tiết.

– Dạy đủ số tiết thực hành của từng chương và của cả năm học. Trong điều kiện có thể, các trường nên bố trí các tiết thực hành vào 1 buổi để tạo thuận lợi cho giáo viên và học sinh.

+ Lớp 6 là 08 tiết. Có thể bố trí vào 02 - 03 buổi, với các nội dung: Kính lúp, kính hiển vi và cách sử dụng; Quan sát tế bào thực vật; Vận chuyển các chất trong thân; Quang hợp; ...

+ Lớp 7 là 14 tiết. Có thể bố trí vào 05 buổi, với các nội dung: Quan sát một số động vật nguyên sinh; Quan sát một số thân mềm; Mỏ và quan sát tôm sông; Xem băng hình về tập tính của sâu bọ; Mỏ cá; Quan sát cấu tạo trong của ếch đồng trên mẫu mổ; Quan sát bộ xương, mẫu mổ chim Bồ câu; Xem băng hình về đời sống và tập tính của chim; xem băng hình về đời sống và tập tính của thú; ...

+ Lớp 8 là 07 tiết. Có thể bố trí vào 02 - 03 buổi, với các nội dung: Quan sát tế bào và mô; Tập sơ cứu và băng bó cho người gãy xương; Sơ cứu cầm máu; Hô hấp nhân tạo; Tìm hiểu hoạt động của enzym trong nước bọt; Phân tích một khẩu phần cho trước; Tìm hiểu chức năng (liên quan đến cấu tạo) của tuỷ sống.

+ Lớp 9: 14 tiết. Có thể bố trí vào 05 buổi, với các nội dung: Tính xác suất xuất hiện các mặt của đồng kim loại; Quan sát hình thái nhiễm sắc thể; Quan sát và lắp mô hình ADN; Nhận biết một vài dạng đột biến; Quan sát thường biến; Tập dượt thao tác giao phấn; Tìm hiểu thành tựu chọn giống vật nuôi và cây trồng; Tìm hiểu môi trường và

ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật; Hệ sinh thái; Tìm hiểu tình hình môi trường.

– Các nội dung lí thuyết và thực hành phải được dạy học theo đúng trình tự ghi trong phân phối chương trình do Sở GDĐT quy định cụ thể dựa trên khung phân phối chương trình của Bộ GDĐT. Chú ý, ở lớp 6 có những bài mà nội dung thực hành thí nghiệm có ngay trong giờ học lí thuyết.

– Cuối mỗi học kì, có 1 tiết ôn tập, 1 tiết kiểm tra học kì.

– Bộ GDĐT không quy định nội dung cụ thể các tiết *Bài tập*, *Ôn tập*, các Sở GDĐT cần căn cứ tình hình thực tế và căn cứ vào chuẩn kiến thức kĩ năng do Bộ GDĐT ban hành để định ra những nội dung cho các tiết *Bài tập*, *Ôn tập* đảm bảo truyền đạt đủ các kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu. Nên lựa chọn, xây dựng nội dung cho các tiết *Bài tập* và *Ôn tập* nhằm củng cố kiến thức hay rèn luyện kĩ năng, hình thức có thể là làm bài tập trên lớp học và ra bài tập cho học sinh làm thêm ở nhà.

– Tùy tình hình thực tế, có thể kéo dài hoặc rút ngắn thời lượng giảng dạy đã được phân cho một nội dung nào đó (thời lượng thực hành không được rút ngắn). Tuy nhiên, việc kéo dài hoặc rút ngắn vẫn phải đảm bảo dạy đủ các nội dung đúng thời gian khi kết thúc học kì. Trong *Khung phân phối chương trình* (KPPCT) Bộ GDĐT quy định chung về thời điểm và nội dung kiến thức (bài học) kết thúc học kì I, kết thúc năm học để thống nhất trong cả nước.

– Đối với các học sinh giỏi, giáo viên chọn các bài đọc thêm trong sách giáo khoa, xây dựng thêm các *Bài tập* và *thực hành*, để củng cố, hệ thống và nhất là chuẩn xác hoá các kiến thức, kĩ năng theo yêu cầu. Đồng thời trong tiết *Bài tập* và *thực hành* giáo viên nên phân loại, chia nhóm, bố trí chỗ ngồi để học sinh có thể giúp đỡ nhau nâng cao hiệu quả của tiết học.

– Ở một số nội dung, việc học lí thuyết sẽ hiệu quả hơn nếu sử dụng máy vi tính, phần mềm, tranh, ảnh, sơ đồ trực quan. Các trường cần có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học sinh học.

HOẠT ĐỘNG 2.

Tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng môn Sinh học cấp THCS

1. Mục tiêu:

- HV mô tả được **dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng**.
- Chỉ ra được mối quan hệ giữa chương trình với chuẩn KT – KN và SGK.

2. Kết quả mong đợi:

- HV phân biệt được **dạy học theo SGK với dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng**.
- Xây dựng được sơ đồ mối quan hệ giữa chương trình với chuẩn KT – KN và SGK.


3. Phương tiện đánh giá:

- Sơ đồ mối quan hệ giữa chương trình với chuẩn KT – KN và SGK.
- Bản trình bày của mỗi nhóm.

4. Phương tiện thiết bị cần chuẩn bị:

- Tài liệu Hướng dẫn thực hiện chuẩn KT-KN môn Sinh học cấp THCS
- Bảng phụ hoặc giấy Trôki, băng dính hai mặt.
- Bút dạ các màu
- Máy chiếu overhead hoặc projecteur

5. Tiến trình thực hiện:

	Hoạt động của NHD	Hoạt động của NTG	Ghi chú
05 phút	Giới thiệu hoạt động tìm hiểu mục đích biên soạn tài liệu. Yêu cầu HV phát biểu mục tiêu hoạt động 2.	- Theo dõi. - Phát biểu mục tiêu hoạt động 2.	Chuẩn bị tâm lý để học tập tích cực
30 phút	- Yêu cầu HV đọc nội dung kết luận dưới đây và chia sẻ kinh nghiệm của bản thân trong mỗi nhóm. - Yêu cầu HV phân biệt được dạy học theo SGK với dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng .	- HV đọc tài liệu - Phát biểu quan niệm của cá nhân. - HV thảo luận nhóm phân biệt hai cách dạy đó. - Chuẩn bị báo cáo nhóm	Đây là một trong những nội dung cốt lõi nhất.

6. Tổng kết và đánh giá

- Trả lời các thắc mắc của HV.
- Đánh giá kết quả làm việc của HV và của các nhóm.

Kết luận:

1. Quan hệ giữa Chuẩn KT – KN với SGK và Chương trình GDPT môn Sinh học cấp THCS

Một trong những yêu cầu có tính nguyên tắc của chương trình GDPT theo luật giáo dục (2005) là phải “quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng phạm vi về cấu trúc nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp, mỗi cấp học hoặc trình độ đào tạo” (Luật giáo dục, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr10).

Theo đó có thể hiểu việc thực hiện chương trình THCS về cơ bản đều xuất phát từ mục tiêu giáo dục, mục tiêu môn học, mục tiêu mỗi cấp học và ở từng lớp, song lại có điểm khác cơ bản về trình độ chương trình của mỗi cấp, mỗi lớp, việc phân biệt mức độ kiến thức chuẩn ở mỗi lớp, sẽ quy định phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá. Điều này sẽ khắc phục nhiều sai sót mà chúng ta thường phạm phải, như không phân biệt trình độ học sinh ở các cấp khác nhau, không rèn luyện kỹ năng học tập bộ môn, việc giáo dục tư tưởng qua bài dạy thường chung chung, công thức làm cho học sinh nhàm chán, không có hiệu quả.

Để giải quyết vấn đề này, trước hết cần tìm hiểu sâu sắc và vận dụng một cách sáng tạo những quy định của Luật giáo dục (2005) về “Chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa”, hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông.

1. Chương trình giáo dục phổ thông thể hiện mục tiêu giáo dục phổ thông; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục phổ thông, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp và mỗi cấp học của giáo dục phổ thông.

2. Sách giáo khoa cụ thể hoá các yêu cầu về nội dung kiến thức và kỹ năng quy định chương trình giáo dục của các môn học ở mỗi lớp của giáo dục phổ thông, đáp ứng yêu cầu về phương pháp giáo dục phổ thông” (Luật giáo dục, Nxb CTQG, HN, 2005, tr10).

3. Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến, thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông thể hiện những yêu cầu cụ thể mức độ cần đạt được về kiến thức, kỹ năng của chương

trình giáo dục phổ thông được minh chứng bằng những đơn vị kiến thức và yêu cầu cụ thể về kỹ năng của SGK Sinh học.

Như vậy, chương trình giáo dục phổ thông qui định khung mức độ cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, sau khi học chủ đề, nội dung trong chương trình HS phải đạt được mức độ về kiến thức, kỹ năng mà chương trình qui định nhưng chưa được cụ thể hóa bằng những nội dung kiến thức và yêu cầu kỹ năng cụ thể - có tính chất pháp lệnh; SGK cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức và kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông, nhưng do SGK là tài liệu cơ bản dùng cho HS học tập cho nên mặc dù đã bám sát chương trình nhưng còn cung cấp thêm những nguồn kiến thức khác để cho SGK sinh động, hấp dẫn phù hợp với loại tài liệu học tập và nhận thức của HS. Còn Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng là sự thể hiện cụ thể hóa các yêu cầu cơ bản, tối thiểu về kiến thức, kỹ năng của chương trình bằng các kiến thức cụ thể được trình bày trong SGK.

Chẳng hạn, mối quan hệ giữa chương trình giáo dục phổ thông, SGK và hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông được thể hiện như sau:

<i>Chương trình giáo dục phổ thông</i>	<i>Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình GDPT</i>	<i>Sách giáo khoa</i>
<p>Mở đầu sinh học:</p> <p>– Phân biệt được vật sống và vật không sống qua nhận biết dấu hiệu từ một số đối tượng</p>	<p>Đối tượng</p> <p>Thực vật. Ví dụ: cây đậu</p> <p>Động vật. Ví dụ: con gà</p> <p>Vật vô sinh. Ví dụ: hòn đá</p> <p>Dấu hiệu</p> <p>+ Trao đổi chất:</p> <p>+ Lớn lên (sinh trưởng - phát triển)</p> <p>+ Sinh sản</p>	<p><i>Sinh học 6</i></p> <p>Bài 1. Đặc điểm của cơ thể sống</p> <p>Xem trang 05, mục 1 SGK Sinh học 6.</p> <p><i>Đây là mục dẫn nhập làm tiền đề để HS học mục 2.</i></p>
<p>– Nêu được những đặc điểm chủ yếu của cơ thể sống: trao đổi chất, lớn lên, vận động, sinh sản,</p>	<p>Trao đổi chất</p> <p>+ Nêu định nghĩa</p> <p>+ Ví dụ: quá trình quang hợp.</p> <p>Lớn lên (sinh trưởng - phát triển)</p> <p>+ Nêu định nghĩa</p>	<p>Bài 1. Đặc điểm của cơ thể sống</p> <p>Xem từ trang 05 đến trang 06, mục 2 SGK Sinh học 6.</p>

<p>cảm ứng.</p>	<p>+ Ví dụ: Sự lớn lên của cây bưởi, cây nhãn...</p> <p>Sinh sản</p> <p>+ Nêu định nghĩa</p> <p>+ Ví dụ: Sự ra hoa, kết quả của cây phượng</p> <p>Cảm ứng</p> <p>+ Nêu định nghĩa</p> <p>+ Ví dụ: Hiện tượng cuộn lá của cây xấu hổ</p>	<p><i>Cảm ứng là đặc điểm quan trọng chủ yếu của cơ thể sống mà SGK chưa nêu.</i></p>
<p>– Nêu được các nhiệm vụ của Sinh học nói chung và của Thực vật học nói riêng</p>	<p>- <i>Nhiệm vụ của sinh học</i>: Nghiên cứu các đặc điểm của cơ thể sống:</p> <p>Hình thái</p> <p>Cấu tạo</p> <p>Hoạt động sống</p> <p>Mối quan hệ giữa các sinh vật và với môi trường</p> <p>Ứng dụng trong thực tiễn đời sống</p> <p>Ví dụ: Thực vật</p> <p>- <i>Nhiệm vụ của thực vật học</i>: Nghiên cứu các vấn đề sau:</p> <p>Hình thái, Cấu tạo, Hoạt động sống</p> <p>Đa dạng của thực vật, Vai trò</p> <p>Ứng dụng trong thực tiễn đời sống</p>	<p>Bài 2. Nhiệm vụ của sinh học</p> <p>Xem trang 08, mục 2 SGK Sinh học 6.</p> <p><i>Như vậy toàn bộ mục 1 trong SGK Sinh học 6 không có trong chuẩn KT – KN, vì vậy GV có thể hướng dẫn HS tự đọc để dành thời gian cho mục 2 là nội dung cốt lõi của bài 2.</i></p>

Kết luận: *Dạy học phải tuân thủ theo chương trình và chuẩn KT – KN. Có những nội dung có trong chương trình mà SGK chưa có thì GV phải hướng dẫn HS trong khi dạy học. Ngược lại có những nội dung không có trong chương trình mà SGK có thì GV có thể hướng dẫn HS tự đọc trong khi dạy học.*

Bài tập vận dụng: Anh (chị) tìm và phân tích các nội dung về mối quan hệ giữa Chương trình giáo dục phổ thông, SGK và hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn Sinh học 6, 7, 8, 9.

2. Sử dụng Chuẩn kiến thức, kỹ năng để xác định mục tiêu tiết dạy

- Phải căn cứ vào tài liệu Hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức, kỹ năng để xác định mục tiêu bài học, giáo viên đối chiếu giữa tài liệu Hướng dẫn Chuẩn kiến thức kỹ năng với SGK và SGV để xác định bài, mục kiến thức nào là kiến thức cơ bản, kiến thức nào là kiến thức trọng tâm, đồng thời xác định những kỹ năng cần hình thành cho học sinh. Cụ thể là:

a. Về kiến thức

- Mô tả được hình thái, cấu tạo và sinh lí của cơ thể sinh vật thông qua các đại diện của các nhóm vi sinh vật, nấm, thực vật và động vật (trong đó có cơ thể người) trong mối quan hệ với môi trường sống, đặc biệt là ảnh hưởng của môi trường nhiệt đới Việt Nam đến các đặc điểm cấu tạo và hoạt động sống của sinh vật.

- Nêu được những đặc điểm sinh học, trong đó có chú ý ý đến tập tính của sinh vật và tầm quan trọng của những sinh vật có giá trị trong nền kinh tế.

- Nêu được hướng tiến hoá của giới Thực vật và Động vật, nhận biết sơ bộ về các đơn vị phân loại và hệ thống phân loại động vật và thực vật.

- Có những hiểu biết phổ thông, cơ bản, hiện đại, thực tiễn về các cấp tổ chức sống, từ tế bào, cơ thể đến các cấp trên cơ thể như quần thể - loài, quần xã, hệ sinh thái - sinh quyển.

- Có một số hiểu biết về các quá trình và quy luật sinh học cơ bản ở cấp tế bào và cơ thể như trao đổi chất và năng lượng, sinh trưởng và phát triển, cảm ứng và vận động, sinh sản và di truyền, biến dị.

- Hình dung được sự phát triển liên tục của vật chất trên Trái Đất, từ vô cơ đến hữu cơ, từ sinh vật đơn giản đến sinh vật phức tạp, cho đến con người.

- Hiểu được những ứng dụng của Sinh học vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Đặc biệt là thành tựu của công nghệ sinh học nói chung và công nghệ gen nói riêng.

b. Về kỹ năng

- *Kỹ năng thực hành :*

Rèn luyện và phát triển kỹ năng quan sát, thí nghiệm. Học sinh được làm các tiêu bản hiển vi, tiến hành quan sát dưới kính lúp, biết sử dụng kính hiển vi, thu thập và xử lí mẫu vật, biết bố trí và thực hiện một số thí nghiệm đơn giản để tìm hiểu nguyên nhân của một số hiện tượng, quá trình sinh học.

- *Kỹ năng tư duy :*

Phát triển kỹ năng tư duy thực nghiệm - quy nạp, chú trọng phát triển tư duy lí luận (phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hoá,... đặc biệt là kỹ năng nhận dạng, đặt ra và giải quyết các vấn đề gặp phải trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống).

- *Kỹ năng học tập:*

Phát triển kỹ năng học tập, đặc biệt là tự học : biết thu thập và xử lí thông tin ; lập bảng, biểu, sơ đồ, đồ thị ; làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm ; làm các báo cáo nhỏ ; trình bày trước tổ, lớp,...

- *Hình thành kỹ năng rèn luyện sức khoẻ:*

Biết vệ sinh cá nhân, bảo vệ cơ thể, bảo vệ môi trường, chống ô nhiễm, phòng chống bệnh tật, thể thao thể dục,... nhằm nâng cao năng suất học tập và lao động.

c. Về thái độ

- Củng cố niềm tin vào khả năng của khoa học hiện đại trong việc nhận thức bản chất và tính quy luật của các hiện tượng sinh học.

- Có ý thức vận dụng các tri thức, kỹ năng học được vào cuộc sống, lao động, học tập.

- Xây dựng ý thức tự giác và thói quen bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống, có thái độ và hành vi đúng đắn đối với các vấn đề về dân số, sức khoẻ sinh sản, phòng chống ma tuý và HIV/AIDS,...

- **Mức độ cần đạt được về kiến thức** được xác định theo 6 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo (có thể tham khảo thêm phân loại Nikko gồm 4 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng ở mức thấp, vận dụng ở mức cao).

2.1. Nhận biết: Là sự nhớ lại các dữ liệu, thông tin đã có trước đây; nghĩa là có thể nhận biết thông tin, ghi nhớ, tái hiện thông tin, nhắc lại một loạt dữ liệu, từ các sự kiện đơn giản đến các lý thuyết phức tạp. Đây là mức độ, yêu cầu thấp nhất của trình độ nhận thức thể hiện ở chỗ học sinh có thể và chỉ cần nhớ hoặc nhận ra khi được đưa ra hoặc dựa trên những thông tin có tính đặc thù của một khái niệm, một sự vật, một hiện tượng.

Học sinh phát biểu đúng một định nghĩa, quá trình, quy luật nhưng chưa giải thích và vận dụng được chúng.

Có thể cụ thể hoá mức độ nhận biết bằng các yêu cầu:

- Nhận ra, nhớ lại các khái niệm, định lý, định luật, tính chất.
- Nhận dạng (không cần giải thích) được các khái niệm, hình thể, vị trí tương đối giữa các đối tượng trong các tình huống đơn giản.

- Liệt kê, xác định các vị trí tương đối, các mối quan hệ đã biết giữa các yếu tố, các hiện tượng.

2.2. Thông hiểu: Là khả năng nắm được, hiểu được ý nghĩa của các khái niệm, hiện tượng, sự vật; giải thích được, chứng minh được; là mức độ cao hơn nhận biết nhưng là mức độ thấp nhất của việc thấu hiểu sự vật, hiện tượng, nó liên quan đến ý nghĩa của các mối quan hệ giữa các khái niệm, thông tin mà học sinh đã học hoặc đã biết. Điều đó có thể thể hiện bằng việc chuyển thông tin từ dạng này sang dạng khác, bằng cách giải thích thông tin (giải thích hoặc tóm tắt) và bằng cách ước lượng xu hướng tương lai (dự báo các hệ quả hoặc ảnh hưởng).

Có thể cụ thể hoá mức độ thông hiểu bằng các yêu cầu:

- Diễn tả bằng ngôn ngữ cá nhân về khái niệm, định lý, định luật, tính chất, chuyển đổi được từ hình thức ngôn ngữ này sang hình thức ngôn ngữ khác (ví dụ: từ lời sang công thức, ký hiệu, số liệu và ngược lại)
- Biểu thị, minh hoạ, giải thích được ý nghĩa của các khái niệm, hiện tượng, định nghĩa, định lý, định luật.
- Lựa chọn, bổ sung, sắp xếp lại những thông tin cần thiết để giải quyết một vấn đề nào đó.
- Sắp xếp lại các ý trả lời câu hỏi hoặc lời giải bài toán theo cấu trúc logic.

2.3. Vận dụng: Là khả năng sử dụng các kiến thức đã học vào một hoàn cảnh cụ thể mới: vận dụng nhận biết, hiểu biết thông tin để giải quyết vấn đề đặt ra; là khả năng đũi hỏi học sinh phải biết vận dụng kiến thức, biết sử dụng phương pháp, nguyên lý hay ý tưởng để giải quyết một vấn đề nào đó.

Yêu cầu áp dụng được các quy tắc, phương pháp, khái niệm, nguyên lý, định lý, định luật, công thức để giải quyết một vấn đề trong học tập hoặc của thực tiễn. Đây là mức độ thông hiểu cao hơn mức độ thông hiểu trên.

Có thể cụ thể hoá mức độ vận dụng bằng các yêu cầu:

- So sánh các phương án giải quyết vấn đề
- Phát hiện lời giải có mâu thuẫn, sai lầm và chỉnh sửa được
- Giải quyết được những tình huống mới bằng cách vận dụng các khái niệm, định lý, định luật, tính chất đã biết.

Khái quát hoá, trừu tượng hoá từ tình huống đơn giản, đơn lẻ quen thuộc sang tình huống mới, tình huống phức tạp hơn.

2.4. Phân tích: Là khả năng phân chia một thông tin ra thành các phần thông tin nhỏ sao cho có thể hiểu được cấu trúc, tổ chức của nó và thiết lập mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa chúng.

Yêu cầu chỉ ra được các bộ phận cấu thành, xác định được mối quan hệ giữa các bộ phận, nhận biết và hiểu được nguyên lý cấu trúc của các bộ phận cấu thành. Đây là mức độ cao hơn vận dụng và nó đòi hỏi sự thấu hiểu cả về nội dung lẫn hình thái cấu trúc của thông tin, hiện tượng, sự vật.

Có thể cụ thể hoá mức độ phân tích bằng các yêu cầu:

- Phân tích các sự kiện, dữ kiện thừa, thiếu hoặc đủ để giải quyết được vấn đề.
- Xác định được mối quan hệ giữa các bộ phận trong toàn thể.
- Cụ thể hoá được những vấn đề trừu tượng.
- Nhận biết và hiểu được cấu trúc các bộ phận cấu thành.

2.5. Đánh giá: Là khả năng xác định giá trị của thông tin: bình xét, nhận định, xác định được giá trị của một tư tưởng, một nội dung kiến thức, một phương pháp. Đây là một bước mới trong việc lĩnh hội kiến thức được đặc trưng bởi việc đi sâu vào bản chất của đối tượng, sự vật, hiện tượng. Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí nhất định. Đó có thể là các tiêu chí bên trong (cách tổ chức) hoặc các tiêu chí bên ngoài (phù hợp với mục đích).

Yêu cầu xác định được các tiêu chí đánh giá (người đánh giá tự xác định hoặc được cung cấp các tiêu chí) và vận dụng được để đánh giá.

Có thể cụ thể hoá mức độ đánh giá bằng các yêu cầu:

- Xác định được các tiêu chí đánh giá và vận dụng để đánh giá thông tin, hiện tượng, sự vật, sự kiện.
- Đánh giá, nhận định giá trị của các thông tin, tư liệu theo một mục đích, yêu cầu xác định.
- Phân tích những yếu tố, dữ kiện đã cho để đánh giá sự thay đổi về chất của sự vật, sự kiện.

Đánh giá, nhận định được giá trị của nhân tố mới xuất hiện khi thay đổi các mối quan hệ cũ.

Các công cụ đánh giá có hiệu quả phải giúp xác định được kết quả học tập ở mọi cấp độ nói trên để đưa ra một nhận định chính xác về năng lực của người được đánh giá về chuyên môn liên quan.

2.6. Sáng tạo: Là khả năng tổng hợp, sắp xếp, thiết kế lại thông tin; khai thác, bổ sung thông tin từ các nguồn tư liệu khác để sáng lập một hình mẫu mới.

Yêu cầu tạo ra được một hình mẫu mới; một mạng lưới các quan hệ trừu tượng (sơ đồ phân lớp thông tin). Kết quả học tập trong lĩnh vực này nhấn mạnh vào các hành vi, năng lực sáng tạo, đặc biệt là trong việc hình thành các cấu trúc và mô hình mới. Có thể cụ thể hoá mức độ sáng tạo bằng các yêu cầu:

- Mở rộng một mô hình ban đầu thành mô hình mới.
- Khái quát hoá những vấn đề riêng lẻ, cụ thể thành vấn đề tổng quát mới.
- Kết hợp nhiều yếu tố riêng thành một tổng thể hoàn chỉnh mới.
- Dự đoán, dự báo sự xuất hiện nhân tố mới khi thay đổi các mối quan hệ cũ.

3. Lựa chọn kiến thức dạy học theo Chuẩn kiến thức, kỹ năng

Cần nhận thức đúng đắn về kiến thức cơ bản, về hình thành kỹ năng, năng lực cho học sinh qua học tập.

- **Về kiến thức cơ bản**, kiến thức cơ bản đảm bảo các yêu cầu sau:

+ *Tính chính xác*, kiến thức trong chương trình Sinh học ở trường phổ thông là kiến thức cơ sở của sự sống mà khoa học đã khẳng định, không cung cấp cho học sinh những vấn đề còn tranh luận. Song cần trình bày cho các em ý thức về sự phát triển của khoa học ở trình độ phát triển xây dựng chương trình cho nên phải đảm bảo tính chính xác.

+ *Tính điển hình*: Vì không thể cung cấp nhiều kiến thức, song phải phác hoạ bức tranh khá đầy đủ, chân xác về sự sống, nên phải lựa chọn những kiến thức điển hình, tiêu biểu cho một quy luật, một quá trình hay một sự kiện sinh học. Tính điển hình đã bao hàm tính chính xác khoa học.

+ *Tính cơ bản*: Kiến thức không nhiều, phải chính xác và điển hình, nên chọn những kiến thức cơ bản. Đây là những kiến thức rất cần thiết, không thể thiếu được, đủ để biết và hiểu chính xác lịch sử quá khứ, theo yêu cầu và trình độ của học sinh.

Có thể hiểu chuẩn của chương trình là yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà học sinh có thể cần đạt được sau khi học tập một chương, một khóa trình, một lớp, một cấp học. Như đã nói trên, đây là kiến thức tối thiểu nhưng rất cần thiết mà học sinh cần có để đạt được trình độ của chương trình một lớp, một cấp.

- **Chuẩn kỹ năng**:

Đã từng tồn tại khá dai dẳng một quan niệm sai lầm, cho rằng trong học tập nói chung, học sinh học nói riêng, phải học thuộc kiến thức được cung cấp, ghi nhớ máy móc kiến thức, chứ không cần phương pháp để học. Quan niệm sai lầm này đã xoá bỏ tác dụng của phương pháp học tập, làm suy giảm năng lực tư duy, tính tích cực của học sinh và hậu quả không tránh khỏi là hạ thấp chất lượng dạy học bộ môn.

Trái ngược hẳn với phương pháp trên là phương pháp dạy người học suy nghĩ, tìm tòi, mở rộng tư duy và năng lực sáng tạo của người học. Phương pháp dạy học theo kiểu cũ không thể giúp học sinh tiếp nhận được kiến thức, nên chuẩn kiến thức phải gắn với chuẩn kỹ năng.

Kỹ năng học tập ở trường phổ thông là công việc được rèn luyện thường xuyên từ Tiểu học, THCS. Tùy theo trình độ của học sinh mỗi cấp mà rèn luyện cho các em năng lực, tự học, biết đặt vấn đề, giải quyết vấn đề và vận dụng kiến thức đã học để tiếp thu kiến thức mới vào hoạt động thực tiễn. Đối với bộ môn sinh học, kỹ năng học tập vừa đảm bảo nội dung và yêu cầu chung của chuẩn kỹ năng vừa thể hiện những yêu cầu, đặc trưng của môn học, như kỹ năng quan sát, kỹ năng thực hành thí nghiệm, hình thành khái niệm sinh học, phân tích sự kiện, các quá trình và quy luật sinh học rút ra nhận định, kết luận...

HOẠT ĐỘNG 3.

Tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng của môn học Thực hành sử dụng Hướng dẫn chuẩn KT - KN kết hợp với SGK soạn giáo án Sinh học THCS

1. Mục tiêu:

- Học viên thực hành soạn giảng một bài hoặc một nội dung của bài; biết xác định đúng mục tiêu về kiến thức và kỹ năng của bài học.
- Học viên biết cách sử dụng Hướng dẫn chuẩn KT-KN, SGK để soạn bài.
- Vận dụng được các kỹ thuật đã học vào bài soạn.

2. Kết quả mong đợi:

- HV soạn giảng được một bài hoặc một trích đoạn biết xác định đúng nội dung chuẩn KT- KN, biết cách sử dụng Hướng dẫn chuẩn KT- KN kết hợp với SGK trong quá trình soạn bài.
- Vận dụng được các kỹ thuật đã học để thiết kế các hoạt động của bài giảng.
- Trao đổi, thảo luận làm rõ các vấn đề học viên còn vướng mắc.

3. Phương tiện đánh giá:

- Bài soạn của các nhóm
- Báo cáo trình bày của nhóm, ý kiến chia sẻ của HV
- Quan sát các thành viên tham gia

4. Tài liệu cần:

- Sách giáo khoa, Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng của lớp 6,7,8, 9
- Bảng phụ hoặc giấy torôki, bút dạ, băng dính hai mặt.

5. Tiến trình thực hiện:

Khởi động: Trò chơi “Kết thân”

- GV yêu cầu cả lớp đứng thành vòng tròn và phổ biến luật chơi. Khi GV hô “Kết thân, kết thân” cả lớp hỏi lại “Kết mấy, kết mấy”. GV hô “Kết ba, kết ba” hoặc “Kết một nam hai nữ” hoặc “Kết 4 người 3 nữ”,... ngay lập tức học viên trong lớp phải kết thành các nhóm có đúng số lượng, đặc điểm mà GV đã hô. Nếu học viên nào không tìm được nhóm theo yêu cầu của GV là thua cuộc và bước ra khỏi vòng tròn. GV hô và trò chơi tiếp tục.
- Trước khi chơi lượt chơi cuối cùng, GV cần phải dự kiến xem sẽ chia lớp thành mấy nhóm thì sẽ hô “kết” theo số người cần có trong một nhóm. (Ví dụ lớp có 42 HV và cần chia thành 6 nhóm, GV sẽ hô “kết bảy, kết bảy” để lớp tạo thành 6 nhóm).

Sau khi chơi lượt chơi cuối cùng, GV yêu cầu các nhóm giữ nguyên vị trí để đánh số/đặt tên cho nhóm trong hoạt động tiếp theo.



- Phát biểu mục tiêu hoạt động 3.
- GV giao nhiệm vụ cho học viên: chia 4 nhóm, giới thiệu cách làm của mỗi nhóm.
- Hướng dẫn nhiệm vụ cần thực hiện: đọc một số chủ đề trong tài liệu HD dạy học theo chuẩn KT-KN so sánh với Chương trình và SGK soạn 1 bài.
- Hướng dẫn cách sử dụng tài liệu kết hợp với sử dụng SGK.
- Những lưu ý khi sử dụng tài liệu. Lưu ý khi soạn bài thực hành.

Tgian	Hoạt động của NHD	Hoạt động của NTG	Ghi chú
5 phút	GV giao nhiệm vụ cho nhóm. Tổ chức trò chơi	- Theo dõi. Thực hiện trò chơi. - Phát biểu mục tiêu hoạt động 3	Chuẩn bị tâm lí để học tập tích cực
50 phút	- Hướng dẫn nhiệm vụ cần thực hiện: đọc một số chủ đề trong tài liệu sắp xếp nội dung theo sơ đồ. - Kiểm tra đảm bảo người tham gia hiểu được họ cần làm gì. Thông báo thời gian cho giai đoạn này là 50 phút. - Theo dõi các cá nhân và các nhóm làm việc và khi cần có các hỗ trợ kịp thời cho từng học viên và từng nhóm.	- Đọc hướng dẫn, yêu cầu giải thích nếu cần. - Từng HV và nhóm nhận nhiệm vụ GV giao cho và tự nghiên cứu cá nhân trong vòng 10 phút: + Đọc một bài hay mục trong bài. + Soạn một bài hay một mục vận dụng theo chuẩn KT - KN. - Mỗi nhóm thảo luận (10 phút) và trình bày các ý tưởng của nhóm trên bản trong để chiếu bằng máy overhead hoặc trình chiếu powerpoint (10 phút). Trong khi các nhóm trình bày, mỗi HV cần ghi lại những nội dung chính của bản báo cáo của nhóm đang trình bày và ghi ra giấy các ý kiến nhận xét tán đồng hay không cũng như các ý kiến bổ sung (nếu có).	Đây là hoạt động giúp HV khai thác nội dung tài liệu một cách linh hoạt, sáng tạo.

6. Tổng kết và đánh giá:

- Trả lời các thắc mắc của HV.
- Đánh giá kết quả làm việc của HV và của các nhóm.
- Chốt lại các điểm chính của hoạt động, hướng dẫn sử dụng tài liệu để soạn bài lên lớp.

Kết luận:

- + Nghiên cứu SGK và tài liệu tham khảo để xác định kiến thức minh họa cho chuẩn kiến thức, kỹ năng.
- + Vận dụng chuẩn kiến thức, kỹ năng và kỹ thuật dạy học tích cực để xây dựng các hoạt động lên lớp. Áp dụng các kỹ thuật dạy - học tích cực:
 - Kỹ thuật tư duy: Động não; Lược đồ tư duy.
 - Kỹ thuật đặt câu hỏi: 5W1H.
 - Kỹ thuật học hợp tác: Kỹ thuật “bê cá”; Kỹ thuật “ô bi”.
 - Kỹ thuật thảo luận nhóm: Kỹ thuật XYZ.
 - Kỹ thuật học tích cực: SQ3R
 - Kỹ thuật đánh giá nhanh: Kỹ thuật tia chớp; Kỹ thuật “3 lần 3”.

Một số kỹ thuật khác: Tranh luận ủng hộ – phản đối; Thông tin phản hồi trong quá trình dạy học; Điền khuyết; Đặt tiêu đề; Phương pháp liên tưởng.

Sử dụng sách giáo khoa trong dạy học sinh học

I. Vai trò của sách giáo khoa trong dạy học sinh học

1.1. Vai trò của sách giáo khoa trong dạy học

Trong dạy học nói chung và môn Sinh học nói riêng trong nhà trường hiện nay, sách giáo khoa (SGK) được coi là nguồn tài liệu chính thống quan trọng đối với cả giáo viên (GV) và học sinh (HS) vì:

1.1.1. Đối với HS:

SGK là tài liệu có nội dung kiến thức được trình bày ngắn gọn, súc tích, rõ ràng nhất để học sinh dựa vào đó chiếm lĩnh mục tiêu chương trình môn học. Nói cách khác, SGK là nguồn cung cấp tri thức quan trọng nhất đối với HS và SGK có thể sử dụng trong tất cả các khâu của quá trình học tập:

- Khâu học bài mới trên lớp;
- Khâu ôn tập và củng cố kiến thức lên lớp;
- Khâu tự học ở nhà.

1.1.2. Đối với GV:

Trong hoạt động giảng dạy, GV căn cứ vào yêu cầu chuẩn của chương trình và căn cứ vào SGK để tổ chức các hoạt động sư phạm phù hợp giúp HS chiếm lĩnh nội dung học tập. Ngoài ra, SGK còn có vai trò hỗ trợ rất đặc lực cho GV trong hoạt động dạy trên lớp, vì với thời gian giảng dạy có hạn trên lớp, GV không thể giảng hết mọi điều mà đối với những vấn đề không quá khó, GV phải hướng dẫn HS để họ về nhà hoàn thành các nhiệm vụ học tập thông qua hoạt động làm việc độc lập với SGK.

1.2. Một số hạn chế về nội dung và việc sử dụng của HS đối với SGK.

1.2.1. Một số hạn chế của SGK Sinh học khi học sinh dùng để tự học:

SGK hiện nay nói chung và môn Sinh học nói riêng bộc lộ một số hạn chế khiến cho hoạt động làm việc độc lập với sách để tự học của HS gặp nhiều khó khăn:

+ Không nêu rõ mục tiêu của từng phần, chương, bài nên trong khi làm việc độc lập với SGK, HS khó định hướng và không biết chuẩn đánh giá kết quả mà mình đã đạt được;

+ Không lí giải đầy đủ mọi vấn đề kiến thức của bài học mà chỉ trình bày cô đọng, nêu cốt lõi của vấn đề. Do đó khi làm việc độc lập với sách, HS khó nắm vững được các tri thức trong bài nếu không được GV hoặc có các tài liệu khác bổ sung.

+ Không có hoặc rất ít yếu tố phương pháp (tức là hướng dẫn học sinh cách học, cách tự KTĐG), do đó nếu không có GV hướng dẫn vấn đề này thì HS chỉ biết làm việc theo thói quen, hiệu quả hoạt động sẽ thấp.

Do các hạn chế trên, nên nếu không có các giải pháp khắc phục có hiệu quả thì HS sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình làm việc độc lập với SGK. Để khai thác tối đa vai trò của SGK, trước hết GV cần hướng dẫn cho HS biết phương pháp làm việc độc lập với sách, thông qua các buổi học trên lớp và các nhiệm vụ học tập giao về nhà.

1.2.2. Một số hạn chế trong việc sử dụng SGK Sinh học tại các trường THCS

Hiện nay, ở hầu hết các trường THCS chưa khai thác được đúng mức vai trò của SGK. Đối với học sinh, SGK chủ yếu để ôn bài khi tự học ở nhà. Trong quá trình học ở nhà, HS chủ yếu mở SGK để học thuộc các bài lí thuyết, trả lời các câu hỏi mà GV đã ra hoặc tra cứu các công thức, bài lập mẫu khi giải bài tập về di truyền, sinh thái...

Đối với GV, hầu hết không đánh giá đầy đủ vai trò của SGK trong quá trình dạy học, do đó việc sử dụng sách cũng rất hạn chế. Hiện nay, SGK được GV sử dụng như là "Bách khoa toàn thư", coi đó là đầy đủ, thậm chí nhiều GV không cần soạn giáo án (nếu không có sự kiểm tra của nhà trường). Từ SGK, GV lọc ra những điều cơ bản

nhất, tóm tắt, lược bỏ cái không bản chất để truyền đạt cho học sinh bằng *phương pháp giảng giải, đọc - chép*. Thậm chí có một số GV cho HS cầm SGK đọc to cho cả lớp nghe (như ở tiểu học), sau đó tóm tắt cho HS ghi. Một số giáo viên sử dụng SGK để hướng dẫn học sinh ôn bài và củng cố kiến thức đã học, dặn dò học sinh trả lời các câu hỏi trong sách hoặc đọc các bài đọc thêm.

Như vậy, tuy trong thực tế SGK có được sử dụng ở hầu hết các khâu trong quá trình dạy học, song đa phần do quan niệm chưa đầy đủ hoặc GV không có phương pháp hướng dẫn phù hợp nên SGK không phát huy được đầy đủ vai trò tích cực vốn có của nó. Trong quá trình dạy học, do GV sử dụng SGK không hợp lý, không hướng dẫn HS sử dụng SGK đúng cách nên vừa không hình thành được các kỹ năng cần thiết cho HS khi làm việc độc lập với sách, vừa tạo nên thói quen đọc sách tùy tiện, không có ý thức tìm tòi phương pháp đọc sách có hiệu quả.

Một số rất ít GV có hướng dẫn học sinh làm việc với SGK nhưng vì cách dạy này không có phương pháp nên chưa hình thành ở các em kỹ năng đọc sách, tự giành lấy kiến thức mới do vậy kết quả đạt được còn rất hạn chế.

Để nâng cao hiệu quả làm việc độc lập với SGK, điều trước hết phải hệ thống hoá và rèn luyện cho học sinh những kỹ năng đọc sách cơ bản, có như vậy mới tổ chức được các giờ học tích cực có sự hỗ trợ của sách.

1.3. Các kỹ năng cơ bản HS cần có khi làm việc độc lập với SGK

1.3.1 - Kỹ năng định hướng thu nhận thông tin khi đọc SGK:

Để làm việc với SGK có hiệu quả, trước hết HS cần có kỹ năng định hướng thu nhận thông tin thật cụ thể, chính xác. Muốn vậy, HS cần nắm vững mục tiêu học tập được cụ thể hoá bằng những chỉ dẫn hoạt động nhận thức trong quá trình làm việc với tài liệu. Mục tiêu học tập ở đây không theo nghĩa chung chung mà phải cụ thể để khi nêu ra có thể định hướng rõ ràng cho sự giải quyết. Có mục tiêu chung (cả chương trình), mục tiêu bộ phận (chương, chủ điểm hay bài), chỉ đề cập tới một số phần nhất định trong chương trình. Trước khi đọc sách, HS cần tự hỏi : “đọc để giải quyết vấn đề gì? đến mức độ nào”?... Câu trả lời chính là các cấp độ mục tiêu học tập. Ví dụ: Vì sao con cái sinh ra giống bố mẹ chúng? Câu hỏi này đặt ra mục chung cho cả phần cơ sở di truyền học. Để cụ thể hơn, đặt tiếp các câu hỏi: cơ sở vật chất để bố mẹ truyền tính trạng cho con cái là gì? và câu hỏi Quá trình truyền tính trạng từ cha mẹ sang con cái đã diễn ra như thế nào? (ở cấp độ phân tử, cấp độ tế bào). Từ các câu hỏi để định hướng mục tiêu học tập chung, tiếp tục dẫn dắt HS đến các câu hỏi, bài tập, tình huống cụ thể để giải quyết các mục tiêu bộ phận. Ví dụ: "Nguyên tắc bổ sung được thể hiện

trong cấu trúc di truyền ở cấp độ phân tử như thế nào?" là một câu hỏi mà khi tìm câu trả lời HS phải nghiên cứu một chuỗi các nội dung: Cấu trúc ADN, cơ chế tự nhân đôi của ADN, cơ chế tổng hợp ARN, cơ chế dịch mã. Tuy nhiên, với câu hỏi : "So sánh cơ chế tự sao và sao mã" thì HS được định hướng nghiên cứu chỉ 2 mục của SGK là "cơ chế tự nhân đôi của ADN" và "cơ chế tổng hợp ARN". Thậm chí mục tiêu đặt ra chỉ đề cập tới một phần cụ thể trong bài như: Nêu cấu trúc và chức năng của prôtêin. Từ mục tiêu học tập cụ thể, HS mới định hướng tìm kiếm thông tin khi làm việc với tài liệu: đọc chương, mục nào, cái gì? Nhờ định hướng đúng, HS nhanh chóng giải quyết được mục tiêu học tập với chất lượng cao, tiết kiệm được thời gian.

Hiện tại SGK không trình bày mục tiêu, vì vậy để HS tiết kiệm được thời gian, khi hướng dẫn cho HS ngay từ khi chuẩn bị GV cần giúp HS xác định được mục tiêu chung của bài và gợi ý để HS tiếp tục xác định các mục tiêu cụ thể.

1.3.2. Kỹ năng xác định nội dung trọng tâm và ghi chép thông tin khi đọc

Khi đã nắm vững mục tiêu bài học (định hướng rõ việc thu nhận thông tin), HS tiến hành làm việc với sách bằng việc đọc lướt và sau đó đọc kĩ. Để đọc sách có hiệu quả, HS cần có kĩ năng chọn lọc từ SGK những nội dung bản chất nhằm giải quyết mục tiêu học tập. Do vậy khi đọc, HS luôn luôn phải tự đặt câu hỏi: "phần này nói về cái gì? đề cập đến khía cạnh nào?", "nội dung này liên quan tới nhiệm vụ học tập thế nào? ". Để trả lời các câu hỏi đó HS phải có cách thu nhận thông tin đọc được bằng các cách khác nhau: đánh dấu vào những chỗ quan trọng trong sách, trích lục, ghi tóm tắt, lập dàn ý, đề cương... . Kỹ năng ghi chép thông tin khi làm việc với SGK rất quan trọng, vì nó giúp người đọc tiết kiệm rất nhiều thời gian, nâng cao chất lượng và hiệu quả của công việc. Kỹ năng ghi chép thông tin thể hiện ở một số mặt sau:

Đánh dấu vào SGK: HS dùng bút gạch chân hoặc bút dấu bằng mực màu nhằm làm nổi bật những câu, những đoạn quan trọng trong SGK.

- *Lập dàn ý:* là một tổ hợp các đề mục chứa đựng những ý cơ bản có trong bài đọc. Các phần của dàn ý là các đề mục trong SGK hoặc do người đọc xây dựng trên cơ sở chi tiết hoá từng mục trong SGK. Dàn ý có thể ở dạng khái quát hoặc chi tiết. Mỗi mục nhỏ có giới hạn tương đối và chứa đựng một "liều lượng nội dung" hoàn chỉnh nào đó. Để lập dàn ý cần tách ra các ý chính, sau đó thiết lập giữa chúng mối quan hệ và trên cơ sở đó chia nhỏ bài đọc, lựa chọn đề mục cho từng phần nhỏ. Quan hệ giữa các phần nhỏ với phần lớn hơn là quan hệ giữa bộ phận với toàn thể, giữa cái riêng và cái chung.

Đề cương là sự cụ thể hoá một bước của *dàn ý*: trong từng mục của đề cương còn có cả nội dung các luận điểm cơ bản, đoạn trích, lời bình luận hay nhận xét. Về mức độ, có thể lập đề cương tóm tắt hoặc đề cương chi tiết, là xây dựng những ý cơ bản của bài đọc được tóm tắt lại. Đề cương càng theo các đề mục đã nêu trong dàn bài nhưng trình bày các đối tượng, hiện tượng nghiên cứu một cách ngắn gọn.

- *Trích ghi và ghi tóm tắt* cũng là những cách ghi chép thông tin phổ biến và rất quan trọng. Ghi tóm tắt và ghi đại ý là một cách ghi tổng hợp mang tính khoa học cao nhất, đòi hỏi các thao tác tư duy của người học như: phân tích, tổng hợp, khái quát hoá, hệ thống hoá, . . .

Sau khi đã ghi chép các thông tin thu nhận được, căn cứ vào mục tiêu học tập HS nghiên cứu kỹ lại những chỗ đã đánh dấu hoặc đã ghi chép được (toàn chương, chủ điểm hay mục), trong những lần đọc trước. Khi nghiên cứu, HS cần phối hợp thu nhận thông tin từ 3 kênh: chữ, số và hình và phân loại chúng. Đó là sự phân tích thông tin để xác định được các ý chính, ý phụ, ý trọng tâm và loại bỏ các ý rườm rà ít có giá trị thông tin, xác định mối liên hệ giữa các ý để khu biệt các nhóm ý rồi tổng hợp và khái quát chúng thành các khái niệm, quy luật hay học thuyết, hoặc nội dung cơ bản của phần tài liệu và ghi nhớ chúng trên nền thông hiểu. Tất cả các thao tác nói trên đều được diễn ra bằng các thao tác tư duy, ngôn ngữ. Thực chất khâu này là sử dụng các thông tin thu nhận được vào việc giải quyết các mục tiêu học tập. Sau khi các tri thức quan trọng nhất đã được chọn lọc nhằm giải quyết mục tiêu bài học, các tri thức này cần được sắp xếp theo một logic chặt chẽ nhằm trả lời một hệ thống câu hỏi. Các câu hỏi có nhiều dạng khác nhau: tái hiện, phân tích sự kiện, hiện tượng, so sánh, thiết lập mối quan hệ nhân quả, khái quát hoá, trừu tượng hoá,... nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập ở các cấp độ khác nhau. Để trả lời được các loại câu hỏi đó HS phải sử dụng các tri thức đã thu nhận được qua làm việc với sách sắp xếp lại, trình bày theo cách hiểu của mình, bằng ngôn ngữ của mình chứ không phải đọc lại nội dung một phần nào đó của SGK.

1.3.3. Kỹ năng trình bày nội dung đọc được

Việc trình bày nội dung thông tin đọc được của một phần, một chương, một số bài, một bài, một số mục hay một mục để giải quyết một nhiệm vụ học tập nào đó đặt ra có thể được trình bày bằng nhiều hình thức khác nhau, nhưng *cốt yếu phải là ngôn ngữ của chính HS, diễn đạt theo cách hiểu của HS chứ không phải là chép lại SGK*. Việc trình bày này là sự cụ thể hoá hay chi tiết hoá của dàn ý đề cương nêu trên với các nội dung thông tin đầy đủ.

Nội dung thông tin sau khi thu nhận và xử lí, được xem là kết quả quan trọng để đánh giá hiệu quả của quá trình làm việc độc lập với tài liệu của HS. Để HS nhanh có được các kĩ năng làm việc này GV cần hướng dẫn cụ thể quy trình và các thao tác làm việc với SGK, để giúp HS có kĩ năng định hướng ghi chép và xử lí thông tin trong khi đọc.

Việc trình bày nội dung thông tin có tác dụng rèn luyện và phát triển các kĩ năng tư duy, nhất là các kĩ năng tổng hợp, khái quát hoá, hệ thống hoá, kĩ năng ngôn ngữ ở mức độ cao; giúp HS lưu giữ thông tin một cách vững chắc, tạo thuận lợi cho việc trình bày bằng lời trong thảo luận hay khi ôn tập để kiểm tra, thi cử. Về hình thức thể hiện, HS có thể trình bày nội dung thông tin bằng nhiều dạng khác nhau: bằng văn nói, văn viết, lập bảng, biểu so sánh và sơ đồ hoá:

- *Hình thức trình bày bằng văn viết* được sử dụng trong khi lập dàn ý, ghi tóm tắt tài liệu, làm bài thi, kiểm tra kiểu tự luận,... Để HS rèn luyện có hiệu quả kĩ năng trình bày thông tin bằng lời, sau mỗi buổi lên lớp, ngoài việc giao nhiệm vụ học tập về nhà, GV nêu một vấn đề nhỏ trong nhiệm vụ học tập sao cho HS không thể chép lại SGK đồng thời hướng dẫn để về nhà họ tự viết một bài luận ngắn.

- *Trình bày bằng văn nói* được HS sử dụng trong các buổi học tập trung và thảo luận tổ, nhóm. Để có thể diễn đạt được các thông tin bản thân thu nhận được bằng lời nói HS phải đọc và suy ngẫm để nhớ và hiểu bản chất các vấn đề cơ bản trong dàn ý, đồng thời thường xuyên tự mình đặt ra các câu hỏi, tự trả lời. Đối với các HS chưa quen trình bày cần phải tự biên soạn bằng ngôn ngữ viết thật ngắn gọn, logic rồi tự đọc to nhiều lần. Để hình thành và rèn luyện kĩ năng trình bày bằng lời, các lớp cần có quy định mỗi buổi một HS phải trình bày ít nhất một vấn đề (có thể là vấn đề mà GV đã yêu cầu HS viết bài luận) với thời gian nhất định.

- *Lập bảng hệ thống, so sánh* là dạng trình bày thông tin có hiệu quả, tuy vậy cách này đòi hỏi HS phải có khả năng hệ thống hoá, khái quát hoá nhất định. Trong dạy học, có thể hình thành và rèn luyện cho HS khả năng này qua thiết kế các phiếu học tập hoặc các bài tập ra về nhà, GV cần khai thác triệt để những nội dung có mối quan hệ tương thích trong bài học để yêu cầu HS so sánh như : So sánh cấu trúc, chức năng, quá trình tổng hợp ADN và ARN; hoặc so sánh hiện tượng di truyền độc lập với di truyền liên kết... Trong giờ học trên lớp GV cũng có thể dùng bảng so sánh để HS thảo luận hoặc trình bày kết quả tự đọc sách của mình.

Cũng cần chú ý rằng tài liệu trình bày nội dung thông tin có giá trị cao và được hoàn thiện chỉ sau khi được kiểm nghiệm thông qua trao đổi ở lớp, nhóm học tập, đặc biệt là việc đánh giá và bổ sung của GV.

- *Sơ đồ hoá nội dung thông tin* của tài liệu đọc được theo yêu cầu của nhiệm vụ học tập là một hình thức xử lí thông tin có ý nghĩa lớn cho việc ghi nhớ, củng cố tri thức, phát triển tư duy logic cũng như thuận tiện cho việc sử dụng về sau. Đây là sự biểu hiện khả năng khái quát hoá và hệ thống hoá nội dung tri thức ở mức độ cao của HS. Làm tốt khâu này chứng tỏ HS đã có được tính độc lập, tự chủ tích cực ở mức độ vững vàng. Sơ đồ hoá phản ánh được các nội dung tri thức cơ bản và các mối liên hệ của chúng dưới dạng cô đọng nhất. Sơ đồ hoá cũng là hình thức tóm tắt nội dung tri thức cô đọng mang tính khái quát, biện chứng nhất.

Việc sơ đồ hoá được thực hiện trên cơ sở của dàn ý, đề cương, bản tóm tắt hoặc thu hoạch. Đối với các nhiệm vụ học tập đặt ra có tính khái quát hay việc ôn tập, tổng kết phần, chương, chủ điểm thì cần phải sơ đồ hoá. Tuy nhiên không phải bất kỳ nội dung thông tin nào cũng phải sơ đồ hoá. Khi trình bày bằng lời trong buổi thảo luận, hội thảo, hội nghị... thì việc kết hợp sử dụng sơ đồ để trình bày là rất thuận lợi và ưu thế, dễ làm nổi bật các mối quan hệ logic.

3.4- Kỹ năng hệ thống hoá tài liệu đọc được

Để hoạt động làm việc độc lập với SGK có hiệu quả, học sinh cần được rèn luyện kỹ năng hệ thống hoá tri thức sau mỗi bài học, chương hoặc phần của chương trình. Có nhiều hình thức hệ thống hoá đó là các hình thức đơn giản như lập dàn ý, đề cương hoặc các hình thức phức tạp hơn như lập bảng tóm tắt, bảng so sánh, viết thu hoạch tóm tắt và sơ đồ hoá. Để hình thành và rèn luyện kỹ năng này cho HS, sau mỗi bài học, chương, GV cần ra các bài tập về nhà và hướng dẫn HS sử dụng SGK để hệ thống hoá các kiến thức đã học bằng một hình thức phù hợp. Ví dụ: Hãy lập bảng so sánh thành phần hoá học, cấu trúc, chức năng, quá trình tổng hợp giữa ADN; ARN hoặc lập sơ đồ mối quan hệ ADN; ARN; prôtêin...

BÀI TẬP VẬN DỤNG

Bạn hãy đọc nội dung sau đây và cho biết như vậy giáo viên đã soạn bài có phù hợp với chuẩn KT – KN không?

Bài 32: Thực hành mổ cá

Học sinh cần có năng lực về:

- Mổ động vật (cá chép), (Làm tiêu bản cả con).
- Xác định những cơ quan vĩ mô và tổ chức của cá chép.

- Phân tích hình thái và giải phẫu những đặc trưng trong cấu trúc phù hợp với chức năng của cá chép.

Nhiệm vụ này đòi hỏi HS phải có kiến thức về:

- Giải phẫu, hình thái, sinh lí các cơ quan của cá chép.
- Kỹ thuật sử dụng bộ đồ mổ.

Bài 32: Thực hành mổ cá

Câu 1: Quan sát mẫu mổ cá

- Mô tả cách mổ cá chép

.....

.....

.....

.....

.....

- Nhận xét tiêu bản sau mổ

.....

.....

.....

Câu 2: Học sinh quan sát mẫu mổ hoàn thành bảng:

Hệ cơ quan	Vị trí	Các phần quan sát được	Đặc điểm
Tiêu hóa
Tuần hoàn
Hô hấp
Bài tiết
Sinh dục

Câu 3:

1, Vẽ hình bộ não cá mà em quan sát được và chú thích.

.....

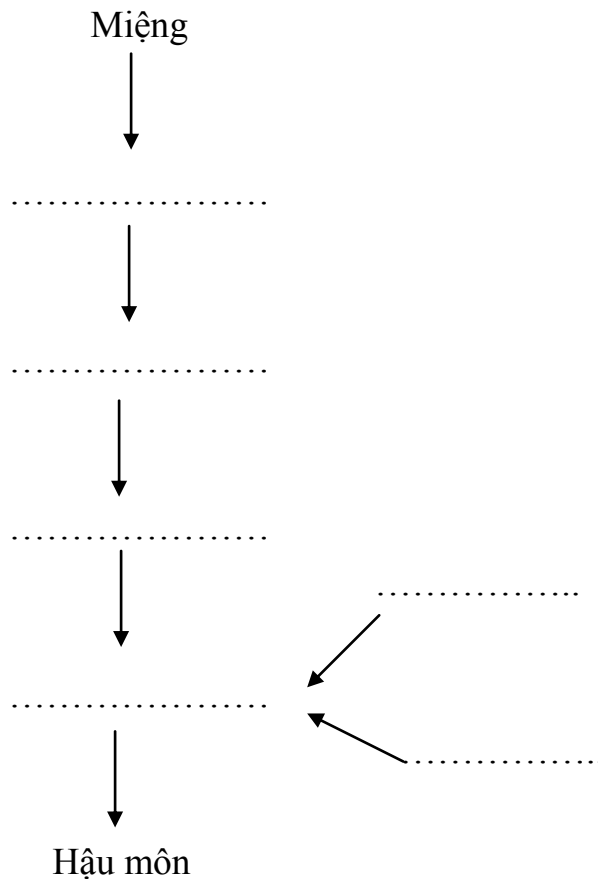
.....

.....
.....
.....
.....
2, So sánh với hình não cá có sẵn, tự nhận xét, bổ sung phần chưa quan sát được:
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 33: Cấu tạo trong của cá chép

Câu 1: Dựa vào kết quả thực hành và kiến thức SGK cung cấp trình bày hiểu biết của em về các hệ cơ quan theo hướng dẫn sau:

1) Hệ tiêu hóa: Sơ đồ hóa cấu tạo hệ tiêu hóa bằng cách tìm, và điền thông tin hoàn thành sơ đồ sau:



- Nêu vai trò của bóng hơi

.....

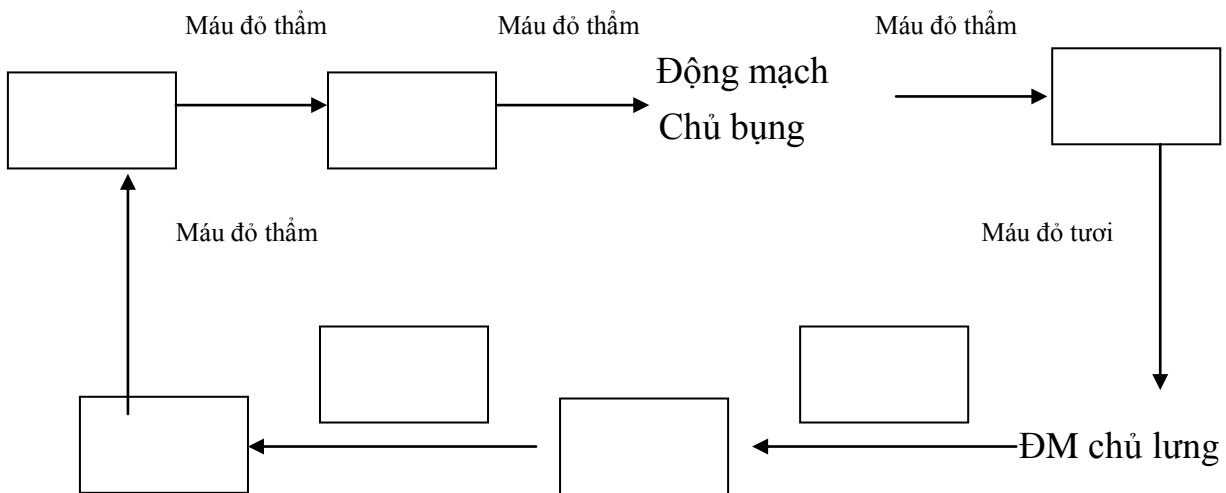
.....

.....

.....

.....

2) Sơ đồ hóa hệ tuần hoàn bằng cách tìm và điền các thông tin còn thiếu vào sơ đồ:



3. Đặc điểm hệ hô hấp của cá chép

-Cơ quan hô hấp:.....

-Hoạt động hô hấp:.....

.....

.....

*Tại sao trong ngày hè oi bức thường có hiện tượng cá ngoi đầu lên mặt nước?

.....

.....

.....

4. Đặc điểm thận cá chép và khả năng lọc máu của thận cá chép

.....

.....

.....

.....

.....

6. Sử dụng kết quả bài thực hành nêu đặc điểm cấu tạo của bộ não cá chép

.....
.....
.....
.....
.....

- Đặc điểm giác quan của cá chép thích nghi với đời sống như thế nào?

.....
.....
.....

Bài củng cố:

Bài 1: Vẽ sơ đồ hệ tuần hoàn của cá chép, chú thích và đánh mũi tên đường vận chuyển máu.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 2: Đánh dấu X vào ý trả lời đúng:

1. Tim của cá có:

- A. 1 ngăn
- B. 2 ngăn
- C. 3 ngăn
- D. 4 ngăn

2. Cá nhận biết kích thích về áp lực và tốc độ dòng nước, các vật cản trên đường đi tránh là nhờ:

- A. Cơ quan thị giác
- B. Cơ quan thính giác
- C. Cơ quan khứu giác
- D. Cơ quan đường bên

Bài 3: Tìm và điền từ thích hợp vào chỗ chấm

Cá là động vật có xương sống, thích nghi với đời sống hoàn toàn ở nước, di chuyển bằng....., hô hấp bằng, tim.....ngăn,.....vòng tuần hoàn, máu nuôi cơ thể là,thận, thụ tinh....., đẻ, nhiệt.

HOẠT ĐỘNG 4.

Hướng dẫn thực hành ngoại khóa tham quan thiên nhiên

1. Mục tiêu:

- Học viên nêu được tầm quan trọng của hình thức dạy học tham quan thiên nhiên
- Học viên biết cách lựa chọn các địa điểm tham quan thiên nhiên phù hợp với mục đích dạy học.
- Học viên xác định được các bước tổ chức hoạt động tham quan (khâu chuẩn bị, khâu tiến hành).
- Vận dụng được các kỹ thuật đã học vào bài dạy.

2. Kết quả mong đợi:

- HV tiến hành tham quan thiên nhiên đạt hiệu quả, hoàn thành các nhiệm vụ được giao.
- HV soạn được một bài bằng hình thức tham quan thiên nhiên.
- Trao đổi, thảo luận làm rõ các vấn đề HV còn vướng mắc.

3. Phương tiện đánh giá:

- Báo cáo trình bày của nhóm, ý kiến chia sẻ của HV
- Bản thu hoạch của nhóm
- Quan sát các thành viên tham gia

4. Tài liệu cần:

- Sách giáo khoa, HD thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng của lớp 6, 7, 8, 9
- Bảng phụ hoặc giấy torôki, bút dạ, băng dính hai mặt.

5. Tiến trình thực hiện:

- GV yêu chia nhóm và đặt tên cho nhóm trong hoạt động này
- Phát biểu mục tiêu hoạt động 4.
- GV giao nhiệm vụ cho học viên: chia 6 nhóm, giới thiệu nhiệm vụ của mỗi nhóm:
 - + *Nhóm 1, 2: Tìm hiểu về tài nguyên đất ở địa phương*
 - + *Nhóm 3, 4: Tìm hiểu về tài nguyên nước*
 - + *Nhóm 5, 6: Tìm hiểu tài nguyên đa dạng sinh học*
- Hướng dẫn nhiệm vụ cần thực hiện: Tìm hiểu nội dung chủ đề “Quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên”. Cụ thể:
 - + *Xác định các dạng tài nguyên thiên nhiên nơi tham quan*

- + *Tìm hiểu các hình thức sử dụng tài nguyên, việc sử dụng là bền vững hay không bền vững? Có gây ô nhiễm môi trường hay không?*
- + *Làm gì để sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững? Đề xuất biện pháp cụ thể, cần thiết để nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.*
- Từ hoạt động tham quan rút ra kết luận về: Vai trò của hoạt động tham quan thiên nhiên trong dạy học Sinh học THCS; Các địa điểm có thể tổ chức hoạt động tham quan; Cách tiến hành tổ chức hoạt động tham quan (chuẩn bị như thế nào? Tiến hành ra sao?).

Tgian	Hoạt động của NHD	Hoạt động của NTG	Ghi chú
5 phút	GV giao nhiệm vụ cho nhóm.	- Phát biểu mục tiêu hoạt động 4	Chuẩn bị tâm lí để học tập tích cực
90 phút	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn nhiệm vụ cần thực hiện - Tổ chức cho các nhóm tham quan địa phương tìm hiểu về chủ đề đã giao - Theo dõi các cá nhân và các nhóm làm việc và khi cần có các hỗ trợ kịp thời cho từng học viên và từng nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao trong thời gian quy định - HV hoạt động theo nhóm tới địa điểm phân công để tìm hiểu các vấn đề được giao. Ghi chép các vấn đề đã tìm hiểu - Mỗi nhóm cử đại diện báo cáo kết quả làm việc của nhóm và viết bản thu hoạch để nộp. Trong khi các nhóm trình bày, mỗi HV cần ghi lại những nội dung chính của bản báo cáo của nhóm đang trình bày và ghi ra giấy các ý kiến nhận xét tán đồng hay không cũng như các ý kiến bổ sung (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> Đây là hoạt động giúp HV thực hành được hình thức dạy học tham quan qua đó có kiến thức và kinh nghiệm để tổ chức các giờ tham quan đạt hiệu quả dạy học.

6. Tổng kết và đánh giá:

- Trả lời các thắc mắc của HV.

- Đánh giá kết quả làm việc của HV và của các nhóm.
- Chốt lại các điểm chính của hoạt động.

Bài tập vận dụng:

Anh (Chị) hãy lập kế hoạch tổ chức cho lớp HS thực hành tham quan thiên nhiên theo chương trình môn học.

Thông tin bổ sung

1. Tầm quan trọng của các hoạt động ngoài giờ lên lớp nói chung, hoạt động tham quan nói riêng.

Giáo dục là quá trình kết hợp vai trò chủ đạo của giáo viên với sự tự giác tích cực, tự rèn luyện của học sinh nhằm hình thành ý thức, tính cách và chủ yếu là hành vi thói quen đạo đức với các chuẩn mực xã hội quy định. Nhân cách học sinh được hình thành qua hai con đường cơ bản: Con đường dạy học trên lớp và con đường hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là một hoạt động quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường. Chính từ những hoạt động như: lao động, sinh hoạt tập thể, hoạt động xã hội đã góp phần rất lớn trong việc hình thành nhân cách của học sinh. Giúp các em biết tự giáo dục, tự rèn luyện, tự hoàn thiện mình. Có thể nói việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp là xây dựng cho các em các mối quan hệ phong phú, đa dạng, một cách có mục đích, có kế hoạch có nội dung và phương pháp nhất định, gắn giáo dục với cộng đồng, tạo sự thân thiện trong mọi tình huống. Biến các nhu cầu khách quan của xã hội thành những nhu cầu của bản thân học sinh.

Nhân cách được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động có ý thức. Chính trong quá trình sống, học tập, lao động, giao lưu, vui chơi giải trí... con người đã tự hình thành và phát triển nhân cách của mình. Vì thế, hoạt động ngoài giờ lên lớp có liên quan đến việc mở rộng kiến thức, tư tưởng, tình cảm, năng lực nâng cao thể lực, thể chất và tinh thần của học sinh. Do vậy, cần thiết phải kết hợp việc học tập trên lớp với việc rèn luyện kỹ năng thực hành, giúp học sinh hiểu sâu hơn và nắm bản chất của sự vật hiện tượng, tạo niềm tin và óc sáng tạo cho học sinh, giải quyết mối quan hệ giữa học và chơi - chơi và học.

2. Địa điểm tổ chức hoạt động tham quan

Tùy theo mục đích, chủ điểm mà tổ chức tham quan ở các địa điểm thích hợp. Trong DSHH địa điểm tham quan phổ biến là:

- ***Tham quan thiên nhiên***

- Mục đích: phát triển các khái niệm về sinh thái, học thuyết tiến hóa, phân loại, bảo vệ thiên nhiên.
- Địa điểm chủ yếu thường là: rừng, đồi savan, đầm lầy, ao hồ, rừng ngập mặn, đồng cỏ.
- Kết quả: Qua tham quan, HS tích lũy được kiến thức thực tế về hệ sinh thái như một hệ thống hoàn chỉnh, ổn định tương đối, được đặc trưng bởi các yếu tố cấu trúc và chức năng tự điều chỉnh, nhờ mạng lưới phức tạp các quan hệ, chịu sự tác động của nhiều yếu tố. Tham quan thiên nhiên, kết hợp quan sát với những hiện tượng học, với hoàn thành các bài tập sẽ tạo điều kiện cho HS tích lũy được vốn kiến thức về hệ sinh thái địa phương, về sự đa dạng các khu hệ động, thực vật, phát triển lòng yêu thiên nhiên.
- Lưu ý: Cần xác định các chủ đề cụ thể với các bài tập có định hướng rõ ràng.
- ***Tham quan ở góc sinh giới vườn trường và khu thực hành***
 - Mục đích: Phát triển các khái niệm về chọn lọc nhân tạo, chọn lọc tự nhiên, chọn giống, sinh thái học...
 - Địa điểm: Vườn trường, khu thí nghiệm, thực hành
- ***Tham quan cơ sở sản xuất, viện nghiên cứu***
 - Mục đích: hình thành và phát triển các khái niệm về kĩ thuật tổng hợp, là cơ sở của việc nuôi trồng, tạo giống mới và công nghệ sinh học.
 - Kết quả: tiến hành tham quan cơ sở sản xuất giới thiệu cho HS được nhiều lĩnh vực, các dạng hoạt động chính trong nền kinh tế sản xuất nông nghiệp. HS thấy được ý nghĩa thực tiễn của việc áp dụng các kiến thức sinh học vào thực tiễn trong việc tạo ra các thứ cây trồng, vật nuôi của địa phương, hiểu cơ sở khoa học của các biện pháp điều khiển sinh trưởng, phát triển. các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại, biện pháp đấu tranh sinh tồn. Ngoài ra, còn giúp HS mở rộng và cụ thể hóa những kiến thức về sinh học...
- ***Tham quan viện bảo tàng, phòng triển lãm, vườn bách thú, bách thảo***
 - Mục đích: Tìm hiểu về tập tính của động vật, đặc điểm thích nghi của sinh vật với điều kiện sống của chúng.
 - Kết quả: Mở rộng kiến thức về sinh học, Giới thiệu được cho HS các thành tựu của nông nghiệp, y học...

3. Các bước tổ chức tham quan

3.1. Chuẩn bị cho tham quan

- ***Giáo viên:***

- Lập kế hoạch, xác định vị trí, mục đích các bài tham quan trong chương trình.
- Xác định địa điểm tham quan, tiền trạm để xây dựng kế hoạch cụ thể về đường đi, thời gian, nơi dừng, nơi HS quan sát độc lập, nơi thu mẫu, nơi tổng kết tham quan
- Xác định nhiệm vụ tham quan tức các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong quá trình tham quan bằng việc xây dựng các bài tập cụ thể cho HS.
- Xác định các tài liệu liên quan mà HS cần tham khảo.

- **Học sinh:**

- Đọc tài liệu, ôn tập, tìm hiểu thêm kiến thức về chủ đề sẽ tham quan, về địa điểm tham quan.

3.2. Tiến hành tham quan

- **Giáo viên:**

- Chia nhóm HS, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm. Mỗi nhóm đều gồm trưởng nhóm chịu trách nhiệm quản lí nhóm, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong nhóm về dụng cụ, đề tài quan sát, loài vật mẫu cần thu thập... chú ý về khâu an toàn cho tất cả thành viên trong nhóm.
- Trong tiến trình tham quan, GV thăm các nhóm, gợi ý các nhóm hoàn thành đề tài, tập hợp các nhóm theo thời gian quy định để tiến hành tổng kết. Khái quát kiến thức, nhận xét, tổng kết buổi tham quan.

- **Học sinh:**

- Làm việc theo nhóm, độc lập quan sát, thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm
- Báo cáo kết quả quan sát, thu thập mẫu, số liệu, làm bản thu hoạch.

* Ví dụ: Tổ chức hoạt động tham quan với chủ đề: “Tìm hiểu tính đa dạng và tính thích nghi của sinh vật ở một khu vực Chùa cổ”

Bước 1: GV nêu mục đích, yêu cầu, giới thiệu kế hoạch chung (tổ chức, địa điểm, bài tập...)

Bước 2: Chia HS thành nhiều nhóm nhỏ (5-7HS/nhóm). Mỗi nhóm chiếm lĩnh một nơi trong khu vực tham quan để thu thập tài liệu và thực hiện các bài tập:

- Về tính đa dạng của sinh vật:
 - Quan sát và thu thập cây
 - Quan sát và thu thập cây hoang dại
 - Quan sát động vật hoang dại (chim, bướm, sâu bọ...). Có thể thu thập mẫu về các loại sâu bọ.
- Về tính thích nghi của sinh vật với môi trường:

- Quan sát và sưu tầm một số loài cây sống trong điều kiện ánh sáng khác nhau (bóng râm, nắng trực tiếp, dưới nước...).
- Quan sát và sưu tầm một số loài cây sống ở những nơi có độ ẩm khác nhau.
- Quan sát và sưu tầm sự thích nghi của thực vật với các lối thụ phấn nhờ sâu bọ, nhờ gió.

Bước 3: GV đến từng nhóm làm việc để hướng dẫn sự quan sát, sưu tầm mẫu vật.

Bước 4: Tổng kết tham quan

GV cho các nhóm báo cáo kết quả, tổng kết kinh nghiệm, hướng dẫn HS làm tường trình. Các mẫu vật thu được có thể ép khô làm tiêu bản trưng bày trong phòng sinh học hoặc trồng ở vườn trường.

Một số nội dung có thể cung cấp cho HS trong hoạt động tham quan thiên nhiên

Vai trò của Đấu tranh sinh học

Các bạn ạ ! Người ta thường nói “*vỏ quýt dày có móng tay nhọn*”. Câu tục ngữ này thật chính xác khi khi chúng ta liên hệ tới việc sử dụng các loài động vật để kim hãm hoặc tiêu diệt các sinh vật khác gây bệnh, hay có hại hoặc có thể nói dùng sinh vật này để khống chế sự phát triển của sinh vật khác. Biện pháp này gọi là “*đấu tranh sinh học*”. Vậy động vật có vai trò như thế nào trong đấu tranh sinh học?

Chắc các bạn đã biết ở địa phương mình có những thiên địch rất gần gũi với con người như: mèo diệt chuột, gia cầm (vịt, gà...) diệt các loài sâu bọ, cua, ốc mang những vật chủ trung gian gây bệnh.

Ngoài ra chúng ta còn biết đến một số động vật được sử dụng làm thiên địch như: Cá đui cò ăn ấu trùng sâu bọ: thằn lằn, cóc, sáo ăn sâu bọ, rắn, điều hâu, cú vọ, mèo rừng ăn chuột.

Chúng ta cũng có thể sử dụng thiên địch để trứng kí sinh vào sinh vật gây hại hay trứng của sâu bệnh gây hại.

Có lẽ trong chúng ta ai cũng biết đến cây xương rồng, nó được nhập vào nhiều nước để làm bờ rào và thuốc nhuộm. Khi cây xương rồng này phát triển quá mạnh, người ta đã sử dụng một số loài bướm đêm từ Achentina để kim hãm bớt sự phát triển của loại cây này, sự thật là thế nào mà loài bướm này có thể tiêu diệt được cây xương rồng to khỏe và đầy gai góc như thế? Chẳng có gì là khó khăn cả, bướm đêm chỉ cần đẻ trứng lên cây xương rồng, ấu trùng của nó nở ra ăn cây xương rồng như vậy là cây xương rồng vừa là chỗ đẻ trứng của bướm vừa làm thức ăn cho ấu trùng bướm. Thế là bọn xương rồng đã bị khống chế rồi phải không các bạn.

Tương tự như vậy người ta cũng sử dụng ong mắt đỏ để tiêu diệt trứng của sâu xám gây hại cho cây ngô. Ong mắt đỏ cũng chỉ việc đẻ trứng lên trứng của sâu xám, khi ấu trùng của ong mắt đỏ nở nó sẽ chén ngay ấu trùng của sâu xám.

Ngoài biện pháp sử dụng thiên địch ra chúng ta còn có thể sử dụng vi khuẩn gây bệnh truyền nhiễm cho sinh vật gây hại nữa. Các bạn biết không một sự kiện không hay đã xảy ra vào năm 1859, ở Oxtraylia người ta đã nhập về 12 đôi thỏ và đến năm 1900 số thỏ này lên tới vài trăm triệu con và trở thành động vật gây hại. Người ta đã phải sử dụng vi khuẩn Myonma gây bệnh cho thỏ. Và sau 10 năm chỉ còn lại 1% số thỏ sống sót nhưng số thỏ này đã được miễn dịch và phát triển mạnh. Sau đó người ta đã phải dùng đến vi khuẩn Calixi thì thảm họa về thỏ mới cơ bản được giải quyết.

Một biện pháp khác cũng rất có hiệu quả đó là gây vô sinh cho động vật gây hại. Ví dụ như ở miền nam nước Mỹ, để tiêu diệt loài ruồi gây loét da ở bò, người ta đã làm tuyệt sản ruồi đực. Và ruồi cái tất nhiên là không thể sinh sản được nữa rồi. Biện pháp này có vẻ hơi phức tạp và đòi hỏi kỹ thuật khoa học phải không các bạn.

Như vậy là việc sử dụng “Đấu tranh sinh học” đã mang lại những hiệu quả rất cao trong việc tiêu diệt những loài sinh vật có hại. Không những thế nó còn ưu việt hơn so với việc sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc diệt chuột. Những loài thuốc này vừa gây ra ô nhiễm môi trường, ô nhiễm rau quả vừa gây hiện tượng quen thuốc mà giá thành lại còn cao nữa chứ.

Lợi ích của đa dạng sinh học động vật

Như các bạn đã biết động vật phân bố rất rộng rãi trên trái đất. Ước tính số loài động vật hiện nay được biết có khoảng 1,5 triệu loài. Đa dạng sinh học biểu hiện rõ nét nhất là ở số loài sinh vật và sự đa dạng về loài lại được thể hiện bằng sự đa dạng về hình thái và tập tính của từng loài.

Các bạn biết không sở dĩ có sự đa dạng về loài là do khả năng thích nghi cao của động vật đối với các điều kiện sống rất khác nhau trên các môi trường địa lí khác nhau của động vật.

Ở môi trường đới lạnh chúng ta có thể bắt gặp các động vật như: gấu trắng, hải cẩu, cá voi, chim cánh cụt... hoặc nhiều loài thú có tập tính di cư tránh rét, một số thì ngủ suốt mùa đông.

Ở hoang mạc, nơi mà quanh năm nắng nóng và khô rát thì sao. Thật kì diệu vẫn có những loài động vật có thể tồn tại và sống được ở đây như: chuột chân dài, lạc đà, cáo... chúng có đệm thịt dày, có khả năng chịu khát rất tuyệt vời các bạn ạ.

Không khắc nghiệt như ở môi trường đới nóng và đới lạnh, môi trường nhiệt đới gió mùa có số loài động vật cao hơn rất nhiều đó là do điều kiện môi trường ở đây tương đối ổn định và hợp lí. Do đó mà động vật ở đây rất đa dạng và phong phú về số loài và đặc biệt các loài động vật ở đây tuy cùng sống trong một môi trường nhưng không hề cạnh tranh nhau khốc liệt về nguồn sống bởi một lý do rất đơn giản vì nhu cầu thức ăn của các động vật này là khác nhau vì vậy mà chúng có thể tận dụng hết tất cả các nguồn sống của môi trường. Đây là một trong những lí do làm cho số lượng của các loài động vật ở đây tăng lên rõ rệt.

Một điều mà tất cả chúng ta hiểu rõ hơn hết đó là giá trị của đa dạng động vật đem đến cho con người chúng ta. Nó được biểu hiện cụ thể ở các nguồn tài nguyên về động vật. Nguồn tài nguyên này cung cấp cho con người thực phẩm, sức kéo, dược liệu, sản phẩm công nghiệp (da, lông...) nông nghiệp (thức ăn gia súc, phân bón...), trong đấu tranh sinh học, giá trị văn hóa (cá cảnh, chim cảnh...), giống vật nuôi (gia cầm, gia súc...).

Như vậy các bạn có thể thấy rằng tài nguyên động vật là tài nguyên chung, có vai trò quyết định tới sự phát triển bền vững của đất nước ta nói riêng, thế giới nói chung.

Nhưng các bạn có biết không hiện nay đa dạng sinh học động vật đang bị đe dọa bởi chính hành động vô ý thức và cố ý của con người. Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến giảm sút đa dạng sinh học như: phá rừng, khai thác gỗ và lâm sản, du canh, du cư, khai hoang, nuôi trồng thủy sản, xây dựng đô thị, nhà máy, làm mất môi trường sống của động vật, vật nuôi, bán động vật hoang dã, việc sử dụng tràn lan thuốc trừ sâu, việc thải các chất thải của nhà máy, khai thác dầu khí, giao thông trên biển ...

Vậy để bảo vệ đa dạng sinh học nhất là đa dạng sinh học động vật con người chúng ta phải làm gì? Bởi tình trạng tuyệt chủng của động vật hiện nay đang ở mức độ nguy cấp đáng báo động.

Chúng ta những chủ nhân của tương lai cần ngăn chặn ngay việc đốt phá rừng bừa bãi, săn bắn, bán động vật, đẩy mạnh các biện pháp chống ô nhiễm môi trường để trả lại sự đa dạng cho trái đất.

Bảo vệ loài hoa của biển

Các bạn có biết không, đã từ lâu người ta đã tưởng san hô là cây và đã xem chúng như một loài hoa của biển mãi tới đầu thế kỷ XVIII, sau khi một bác sĩ hàng hải người Pháp đã nhìn thấy những cánh hoa nhỏ bé của san hô vờ và nuốt sống những con tôm rất nhỏ, người ta mới khẳng định nó là những con vật. San hô là nhóm động vật độc đáo, nổi tiếng về vẻ đẹp và sự đa dạng, đặc biệt phong phú ở vùng biển nhiệt đới,

trong đó có vùng biển nước ta. Những con vật nhỏ bé này ban ngày thì sống ẩn nấp, ban đêm mới chui ra săn mồi vì lúc này thức ăn ở dưới đáy biển nổi lên nhiều hơn.

Và một điều đặc biệt là san hô không sống tách biệt nhau, chúng thường sống thành quần thể tạo nên những rạn san hô đồ sộ. Mỗi năm, rạn san hô chỉ lớn lên vài milimét nhưng san hô đã xây dựng được nhiều công trình thiên nhiên lớn nhất thế giới. Thế mới biết có công góp nhặt có ngày nên non các bạn nhỉ!

Thế giới của san hô thì vô cùng đa dạng, chiếm diện tích tới 190 triệu kilômet vuông đáy, như vậy là đã lớn gấp 20 lần Châu Âu rồi.

Các bạn biết không, chỉ cần chúng ta lặn xuống bờ đảo san hô sâu chừng 3 – 4 mét là được chứng kiến một dải rừng san hô mênh mông và khác thường ...

Và thật kì diệu, ở đó, sóng biển yếu ớt nhưng ánh sáng còn rục rờ, làm hiện rõ một vùng rừng cây đa dạng về hình dáng (hình cây thông, hình bụi rậm, hình quạt, hình nấm..) và phong phú về màu sắc (từ xanh, đỏ, tím, vàng, đến nâu, đen..). Chỗ này chúng có hình lông nhím với những gai nhọn đâm ra tua tủa, chỗ kia có hình ống sáo nổi với nhau nhờ những mặt phẳng song song trông như chiếc đại phong cầm, có chỗ hình lông chim nhưng cao tới 1m và phủ lên đáy biển mênh mông như một đồng cỏ.

Và một điều nữa chắc các bạn chưa biết đến đó là vào ban đêm, cảnh san hô càng đặc biệt huyền ảo: nhiều cơ thể san hô sáng rục trong ánh sáng phát quang của các vi khuẩn cộng sinh. Các động vật khác bơi lội qua lại tạo nên những vệt sáng ngang dọc như cảnh xe cộ đi lại ban đêm ở các đô thị lớn.

Nhưng cũng chính vẻ đẹp huyền bí kia mà hàng năm con người chúng ta đã khai thác hàng triệu tấn san hô để làm vật trang trí và đồ trang sức phục vụ cho cuộc sống của mình. Một câu hỏi đặt ra cho tôi và cho các bạn rằng một ngày nào đó chúng ta có còn được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của đảo san hô – một khu bảo tàng động vật sống dưới đáy biển nữa hay không nếu như con người chúng ta cứ khai thác kiệt quệ như vậy. Chính vì lợi ích trước mắt mà con người đã lấy đi những gì đẹp nhất của biển cả. Hiện nay mức độ khai thác san hô đã tới mức báo động. Chúng ta hãy lên tiếng để bảo vệ loài san hô - loài hoa của biển cả.

Các loài thú trong họ mèo đang có nguy cơ tuyệt chủng

Họ mèo thuộc về bộ thú có tên là Carnivora, từ này có nghĩa là “thú ăn thịt” và được mệnh danh là một trong những bộ “cao cấp” nhất trong bậc xếp loại của tự nhiên.

Một điều rất đặc biệt là trong các loài thú ăn thịt không có loài nào vượt qua được loài này về sự dũng cảm, duyên dáng, sức mạnh, tốc độ và sự táo bạo.

Họ nhà mèo rất đông các thành viên. Đặc biệt là nhóm mèo rừng gồm nhiều loại động vật ăn thịt cỡ lớn như sư tử, hổ, báo, linh miêu ...

Nhưng thật xót xa biết bao khi nhìn vào thực tế trong thiên nhiên thì họ mèo lại đang trong tình trạng báo động với nguy cơ tuyệt chủng cao nhất, hiện nay số lượng của chúng còn lại rất ít.

Vâng! Hàng ngàn con đã bị con người giết hại, một số liệu quá lớn phải không các bạn. Vậy thì lí do gì khiến họ nhà mèo lâm vào tình trạng như vậy?

Thật đáng buồn con người nghĩ rằng chúng có thể gây nguy hiểm cho con người khi vào rừng và chúng thường bắt gia súc của con người như trâu, bò, dê, cừu, lợn ...

Nhưng liệu đó có phải là lí do chính để con người chúng ta hành động như vậy không? Sự thật thì con người đã săn bắn những con vật đáng quý này do giá trị mà của chính những con vật này đem lại. Các sản phẩm được làm từ chúng là những mặt hàng rất có giá trị như bộ da hổ, báo; hoặc từ thịt, xương, thậm chí cả răng và vuốt hổ ... Họ đâu có biết rằng chúng đóng vai trò rất quan trọng trong sự cân bằng của cả hệ sinh thái.

Thật đáng buồn vì con người đã không hiểu được trong thiên nhiên tất cả các loài đều có mối quan hệ với nhau hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp. Cỏ, cây, hoa, lá làm thức ăn cho các loài động vật ăn thực vật như trâu, bò, hươu, nai, thỏ... Những động vật ăn thực vật này lại làm thức ăn cho những loài động vật ăn thịt như hổ, báo, sư tử ... Tất cả các loài chết đi, được vi sinh vật phân hủy thành các chất khoáng cung cấp cho cây. Như vậy, vòng tuần hoàn các chất được khép kín, có như vậy thiên nhiên mới được ổn định, đó là trạng thái cân bằng của tự nhiên. Việc giết thịt quá nhiều động vật ăn thịt sẽ làm mất cân bằng sinh thái. Bởi vì, khi số lượng các loài động vật ăn thịt như hổ, báo, sư tử ... bị giảm đi hoặc không còn nữa làm cho số lượng các loài động vật ăn thực vật tăng lên sẽ tàn phá cây cối nhanh hơn. Giữa chúng sẽ xuất hiện một mối quan hệ cạnh tranh để giành thức ăn. Như vậy, toàn bộ hệ sinh thái bị thay đổi, không còn giữ được sự cân bằng nữa. Vậy thì tại sao chúng ta không sớm ngăn chặn điều này khi vẫn còn chưa muộn! Hãy cùng nhau lên tiếng để bảo vệ họ nhà mèo các bạn nhé!

Vai trò của thiên nhiên với sức khỏe con người

Các bạn ạ! Người xưa thường nói “ thiên nhân hợp nhất” và con người lúc nào cũng phải hòa mình với thiên nhiên thì mới có sức khỏe, tại sao vậy nhỉ?

Các bạn biết không! Thiên nhiên được xem như là cái nôi của sự sống. Dù thiên nhiên có khắc nghiệt, nhưng cơ thể người đã thích nghi với nó từ rất lâu rồi. Các bạn có biết giữa biển cát Sa-ha-ra hiếm nước, nhiệt độ trong bóng râm khoảng 45°C mà

những bộ lạc du mục Tu-bu vẫn sống và đặc biệt hơn nữa là họ chỉ ăn những quả trà là vậy mà khi về già bộ răng của họ vẫn chắc, đi bộ mấy chục kilômet mà nhịp tim, huyết áp vẫn cứ như lúc mới khởi hành. Cuộc sống của họ suốt ngày là ngoài trời và dãi dầu sương gió.

Còn ngược lại sức khỏe những ông hoàng trong cung cấm ngày xưa thì sao ?

Thê tử Trịnh Cán khi còn ẵm ngửa đã mắc trúng cam, danh y bốn phương như Nguyễn Trục, Chu Nghĩa Long, Lãn Ông về “hầu mạch”, thuốc thang tốn kém cả trăm nghìn thang, lễ bái đèn nhang cầu khẩn ngày đêm mà bệnh không qua khỏi, rồi cũng chết yểu.

Chúa Trịnh Sâm thì sợ nắng sợ gió, thường ở luôn trong thâm cung, nến thắp suốt ngày đêm. Sập gụ trong phủ chúa có chướng thủy tinh che kín. Kiệu chúa đi cũng che rèm thủy tinh. Kiên kỹ nắng gió như vậy nên bệnh tình của chúa đã không khỏi mà ngày càng nặng thêm.

Xã hội thượng lưu quý tộc phương tây cũng có những mệnh phụ, tiểu thư khuê phòng sống các ly với thiên nhiên như thế. Bà quý tộc và cô con gái trong chuyện “Bức chân” dung của văn hào Nga N.Gô-gôn nước da lúc nào cũng vàng khè. Và sự thật thì khi vẽ bức chân dung này thì đã bắt xóa đi cái màu vàng ốm yếu ấy trên khuôn mặt để thay vào đó làm một nước da trắng hồng.

Thì ra sống trong lòng thiên nhiên vẫn cứ là một nhu cầu của con người, dù đó là người bình thường hay là các bậc quyền quý. Và đã không có biết bao nhiêu những bệnh nhân đang nằm dưỡng bệnh cũng mong muốn được hòa nhập cùng thiên nhiên tươi đẹp bên ngoài kia.

Đặc biệt là những người bệnh liệt giường, họ rất thèm ra ngoài trời, thèm được vận động thân thể trong thiên nhiên phóng khoáng. Và cái cảm giác vui sướng ấy dường như làm quên lãng đi những đau đớn và nỗi lo bệnh tật.

Năm 1906, nhà bác học Pap-lốp phải lên bàn mổ sau hôm đó ông xin một chậu nước, nhúng tay trong đó, làm nước chảy giữa những kẽ tay và ông đã giải thích rằng: “Tôi làm hồi lại cái cảm giác sung sướng khi đi tắm biển, vì như vậy sẽ giúp tôi vượt qua được tình trạng yếu đuối do bệnh tật gây nên. Ngày thứ ba ông đòi hoa đình hương vì trước kia, ông trồng nhiều loại hoa này và muốn nhớ lại những ngày ông đi hái hoa và chăm sóc hoa. Ông nói đó là điều thật sự hạnh phúc và sung sướng với tôi.

Các bạn thấy đây khao khát được sống với thiên nhiên và hòa mình vào thiên nhiên được xem như là bất tận và không thể thiếu của con người chúng ta. Vậy thì còn chờ đợi gì nữa mà chúng ta không tạo cho mình cơ hội được hòa nhập với thiên nhiên?

Câu hỏi trắc nghiệm về môi trường

1. Trong xử lý rác thải bằng phương pháp sinh học người ta sử dụng:

A. Vi sinh vật

B. Đốt

C. Hóa chất

D. Bằng thiết bị đặc biệt

2. Vi sinh vật thường dùng diệt sâu bọ là:

A. *Lactobacillus acidophilus*

B. *Bacillus thuringiensis*

C. *Streptococcus mutans*

D. *Escheria coli*

3. Nhóm vi khuẩn có vai trò quan trọng trong chuyển hóa vật chất là

A. Nhóm vi khuẩn lưu huỳnh.

B. Nhóm vi khuẩn nitơ.

C. Nhóm vi khuẩn sắt.

D. Nhóm vi khuẩn gây bệnh.

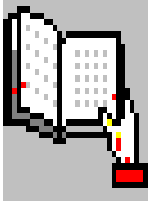
4. Vì sao phải cấm sử dụng xăng pha chì?

A. Chì gây ô nhiễm môi trường.

B. Chì bay trong không khí kết hợp với nước gây ô nhiễm không khí và nước.

C. Chì xâm nhập vào cơ thể do ăn uống, hô hấp, qua da, máu.

D. Chì có thể đọng lại trong xương, thận, não, máu gây những rối loạn gọi chung là chứng nhiễm độc chì.



2.3

Nội dung 2.3:

Tổ chức KTĐG theo chuẩn KT - KN

Nội dung 2.3: TỔ CHỨC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THEO CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG



Nguyên tắc chung:

- Phải thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, khi ra đề kiểm tra (*dưới 1 tiết, 1 tiết, học kì*) phải bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình.

– Trong cả năm học phải dành 04 tiết để kiểm tra. Trong đó có 02 tiết dành cho kiểm tra học kì (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết); 02 tiết kiểm tra một tiết (học kì I: 1 tiết; học kì II: 1 tiết); kiểm tra thực hành được đánh giá trong tất cả các bài thực hành.

Đánh giá bài thực hành của học sinh bao gồm 2 phần:

- + Phần đánh giá kỹ năng thực hành, kết quả thực hành;
- + Phần đánh giá báo cáo thực hành.

Điểm của bài thực hành bằng trung bình cộng điểm của hai phần trên.

Giáo viên có thể tính điểm bình quân các bài thực hành trong mỗi học kì hoặc lấy điểm bài đạt điểm cao nhất của học sinh nhưng phải đảm bảo mỗi học kì có ít nhất một điểm. Sau mỗi tiết *Bài tập và thực hành* phải có đánh giá và cho điểm. Phải dùng điểm này làm ít nhất 1 điểm (hệ số 1) trong các điểm để xếp loại học lực của học sinh.

– Phải đảm bảo thực hiện đúng, đủ các tiết kiểm tra, kiểm tra thực hành, kiểm tra học kì như trong PPCT.

– Phải đánh giá được cả kiến thức, kĩ năng, cả lí thuyết và thực hành và phải theo nội dung, mức độ yêu cầu được quy định trong chương trình môn học.

– Việc kiểm tra học kì phải được thực hiện ở cả hai nội dung lí thuyết và thực hành. Tỷ lệ điểm phần lí thuyết và điểm phần thực hành của bài kiểm tra học kì có thể cân đối: lí thuyết 60 - 70% và thực hành 30 - 40%. Giáo viên tự lựa chọn một trong hai tỉ lệ nêu trên cho phù hợp với tình hình thực tế. Việc kiểm tra học kì có thể được tiến hành theo một trong hai cách sau:

+ *Cách 1*: Nếu có đủ điều kiện, thì tiến hành kiểm tra cả lí thuyết và thực hành trong tiết kiểm tra học kì. Giáo viên tự phân chia hợp lí thời lượng của tiết kiểm tra học kì cho phần lí thuyết và phần thực hành (kiểm tra thực hành trên giấy).

+ *Cách 2*: Trong tiết kiểm tra học kì chỉ kiểm tra và lấy điểm phần lí thuyết, còn điểm phần thực hành được lấy bằng cách tính trung bình điểm các bài thực hành trong học kì.

– Do đặc trưng của môn học, giáo viên cần sử dụng hình thức trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh. Giáo viên cần phối hợp cả 2 hình thức để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Đổi mới kiểm tra, đánh giá (KTĐG):

- Những yêu cầu quan trọng trong đổi mới KTĐG là:

+ Giáo viên đánh giá sát đúng trình độ học sinh với thái độ khách quan, công minh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá năng lực của mình;

+ Trong quá trình dạy học, cần kết hợp một cách hợp lý hình thức tự luận với hình thức trắc nghiệm khách quan trong KTĐG kết quả học tập của học sinh, chuẩn bị tốt cho việc đổi mới các kỳ thi theo chủ trương của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện đúng quy định của Quy chế Đánh giá, xếp loại học sinh THCS, học sinh THPT do Bộ GDĐT ban hành, tiến hành đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ cả lí thuyết và thực hành.

Cần coi trọng đổi mới KTĐG theo hướng hạn chế chỉ ghi nhớ máy móc, không nắm vững kiến thức, kĩ năng môn học. Trong quá trình dạy học, cần đổi mới KTĐG bằng cách nêu vấn đề mở, đòi hỏi học sinh phải vận dụng tổng hợp kiến thức, kĩ năng và biểu đạt chính kiến của bản thân.

HOẠT ĐỘNG 1. Tìm hiểu về

Thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn học

(Thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân)

1. GIỚI THIỆU

Đánh giá nhằm thu được những tín hiệu phản hồi giúp đo được kết quả học tập của học sinh xem đã đạt mục tiêu đề ra như thế nào. Căn cứ vào đó để điều chỉnh cách dạy và cách học cho thích hợp và có hiệu quả tốt.

Các hình thức kiểm tra truyền thống, các loại hình trắc nghiệm khách quan - kể cả trắc nghiệm bằng sơ đồ, hình vẽ - nhằm giúp học sinh tự kiểm tra trình độ nắm kiến thức toàn chương trình, tăng nhịp độ thu nhận thông tin phản hồi để kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy và học. Cách đánh giá không chỉ qua kiểm tra đầu giờ, kiểm tra củng cố bằng hỏi miệng, bằng câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận mà còn phải quan tâm tới việc đánh giá qua hoạt động học tập của học sinh trong suốt tiến trình của tiết học và quá trình học tập trong năm học về môn học, phát triển năng lực tự đánh giá của học sinh. Đó có phải là thực trạng công tác kiểm tra đánh giá trong dạy học sinh học hiện nay trong nhà trường phổ thông?

2. MỤC TIÊU

2.1. Về kiến thức

- Đánh giá tình hình và trao đổi kinh nghiệm về công tác chỉ đạo, thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học môn học;

- Xác định trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học môn học trong thời gian tới cho phù hợp với đặc điểm tình hình địa phương, trường học;

- Định hướng cho giáo viên thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học môn học;

- Kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về giải pháp thực hiện.

2.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng thu thập số liệu, thông tin phản hồi.

- Kỹ năng báo cáo, trình bày kết quả.

3. NỘI DUNG VÀ CÁCH TIẾN HÀNH

NHD yêu cầu NTG đọc thông tin dưới đây rồi cho biết ý kiến cá nhân về những vấn đề đã đọc (đúng hay không đúng với thực trạng ở trường mình; có bổ sung gì thêm?).

Về thực trạng kiểm tra đánh giá

a) Trong quản lí chỉ đạo đã chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của đổi mới thi, kiểm tra, đánh giá đối với tạo động cơ, thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học, thể hiện:

- Về thi, kiểm tra, đánh giá hiện vẫn còn nặng về yêu cầu học sinh học thuộc lòng, nhớ máy móc; ít yêu cầu ở các mức độ cao hơn như hiểu, vận dụng kiến thức, rèn luyện kĩ năng và giáo dục tình cảm, thái độ.

- Chưa vận dụng linh hoạt các hình thức kiểm tra, chưa coi trọng đánh giá, giúp đỡ học sinh học tập thông qua kiểm tra mà chỉ tập trung chú ý việc cho điểm bài kiểm tra. Một số giáo viên, nhà trường lạm dụng hình thức trắc nghiệm.

- Tình trạng trên đang là một trong những rào cản chính đối việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học của học sinh; làm thui chột hứng thú và động cơ học tập đúng đắn.

b) Đã có những giáo viên, nhà trường tích cực và thu được kết quả tốt trong đổi mới kiểm tra, đánh giá đồng bộ với cố gắng đổi mới phương pháp dạy học nhưng chưa có nhiều và chưa được các cấp quản lí giáo dục quan tâm khuyến khích, nhân rộng điển hình.

Về định hướng và yêu cầu của việc đổi mới kiểm tra đánh giá

- Đổi mới KTĐG phải gắn với việc thực hiện cuộc vận động “*Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục*” và gắn với phong trào thi đua “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”. Coi trọng việc phân tích kết quả kiểm tra, qua đó giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy học, giúp đỡ học sinh phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu trong học tập; các cấp quản lí cũng điều chỉnh các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá một cách kịp thời.

- Thực hiện đúng quy định của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh. Đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng.

- Phải đảm bảo sự cân đối các yêu cầu kiểm tra về kiến thức (nhớ, hiểu, vận dụng), rèn luyện kĩ năng và yêu cầu về thái độ đối với học sinh và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện năng lực tự học và tư duy độc lập.

- Quán triệt đặc trưng của nhóm môn học để tăng hiệu quả dạy học các môn KHXH-NV. Khắc phục tình trạng thiên về kiểm tra ghi nhớ kiến thức; tăng cường ra đề “mở” nhằm kiểm tra mức độ *thông hiểu* và *vận dụng tổng hợp tri thức* để giải quyết vấn đề; rèn luyện các kĩ năng và học sinh được tự do biểu đạt chính kiến khi trình bày,

hiểu biết và tôn trọng các giá trị lịch sử, văn hóa của quê hương đất nước.

+ Coi trọng KTĐG kỹ năng diễn đạt, trình bày một chủ đề bằng lời nói, chữ viết và bồi dưỡng tình cảm hứng thú học tập, thái độ trân trọng tiếng mẹ đẻ, yêu di sản văn hóa của nhân loại và truyền thống văn hóa dân tộc, biết coi đó là vốn văn hóa tôi cần thiết đối với mỗi con người.

+ Coi trọng KTĐG kỹ năng diễn đạt các sự kiện bằng lời nói, chữ viết; đọc và khai thác sơ đồ, lược đồ, hiện vật; sử dụng máy tính, máy chiếu và các thiết bị nghe nhìn; giáo dục quan điểm duy vật lịch sử thông qua rèn luyện kỹ năng phân tích, bình luận, đánh giá các sự kiện.

+ Coi trọng KTĐG kỹ năng thái độ đối với các vấn đề toàn cầu về bảo vệ môi trường sống, nhu cầu tìm hiểu bổ sung vốn hiểu biết về tài nguyên sinh học của quê hương, đất nước.

- Vận dụng linh hoạt các hình thức và xác định rõ yêu cầu về KTĐG phù hợp với thời lượng và tính chất đề kiểm tra:

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Bao gồm kiểm tra nói (cho điểm hoặc đánh giá bằng nhận xét) có thể tiến hành vào đầu giờ hoặc trong quá trình dạy học; kiểm tra viết 15 phút, kiểm tra viết 1 tiết, cần vận dụng linh hoạt giữa câu hỏi trắc nghiệm và tự luận. Khi kiểm tra nói, cần chú ý rèn luyện kỹ năng nói, kỹ năng diễn đạt trước tập thể.

+ Trong kiểm tra, đánh giá học kì cần chú trọng đánh giá kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát hoá kiến thức, rèn luyện khả năng vận dụng các kiến thức vào giải quyết các vấn đề trong học tập và thực tiễn, đặc biệt chú ý kỹ năng viết, kỹ năng trình bày một vấn đề.

+ Khuyến khích vận dụng các hình thức kiểm tra đánh giá thông qua các hoạt động học tập ngoài lớp học của học sinh như bài tập nghiên cứu nhỏ, dựa trên các hoạt động sưu tầm; tham quan thực địa, bảo tàng; phân tích đánh giá các số liệu, sơ đồ, làm đồ dùng dạy học ... và lấy điểm thay cho các bài kiểm tra trong lớp học.

Về trách nhiệm chỉ đạo của các cơ quan quản lý giáo dục và nhà trường

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ mỗi cơ quan quản lý giáo dục, cơ quan nghiên cứu và nhà trường cần làm tốt các việc sau:

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến trong nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục và xã hội về chủ trương, định hướng đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục; về định hướng, yêu cầu và ý nghĩa của đổi mới thi, kiểm tra, đánh giá trong quá trình đổi mới giáo dục phổ thông.

- Tiếp tục tổ chức bồi dưỡng giáo viên về kỹ năng ra đề, đáp án và chấm bài thi,

kiểm tra bằng hình thức tự luận, trắc nghiệm, bài tập nghiên cứu...đáp ứng yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng theo 3 mức độ: *Nhận biết, thông hiểu, vận dụng*; phân hóa đối tượng học sinh, khuyến khích sáng tạo, tư duy độc lập trong Chương trình Giáo dục phổ thông.

- Lập dữ liệu nguồn mở các câu hỏi, bài tập để mọi giáo viên đều có thể tham khảo trong việc xây dựng các đề kiểm tra, đề thi phù hợp với tiến độ dạy học, đối tượng học sinh và mục đích chính của mỗi kì thi, kiểm tra.

- Thường xuyên nắm vững tình hình thực hiện của các trường, của giáo viên về đổi mới KTĐG các môn học, lồng ghép nội dung kiểm tra việc thực hiện trong các đợt thanh tra chuyên môn đối với trường học, giáo viên.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, cuộc thi, sinh hoạt chuyên môn, khuyến khích động viên giáo viên nghiên cứu, viết sáng kiến kinh nghiệm về đổi mới KTĐG gắn liền với đổi mới phương pháp dạy học để phổ biến rộng rãi trong trường, từng địa phương và trong cả nước.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp, nhằm hỗ trợ, đảm bảo sự linh hoạt về hình thức dạy học và kiểm tra đánh giá, rèn luyện năng lực, kỹ năng hoạt động xã hội của học sinh.

- Các cơ quan nghiên cứu, các cấp quản lý chỉ đạo cần biên soạn, phổ biến các tài liệu hướng dẫn tài liệu tham khảo về đổi mới kiểm tra đánh giá các môn học nói chung, môn Sinh học nói riêng.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo phải “đi đầu” trong việc đổi mới ra đề thi tốt nghiệp, thi tuyển sinh, thi chọn học sinh giỏi...coi đây là một trong những giải pháp chính tạo động lực đổi mới kiểm tra, đánh giá và đổi mới phương pháp dạy học trong các nhà trường.

HOẠT ĐỘNG 2.

Quan niệm đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn Sinh học

Yêu cầu đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá theo chuẩn KT - KN của môn học

1. GIỚI THIỆU

Ngay từ buổi đầu tiên lên lớp giảng dạy, mỗi thầy cô giáo chúng ta đã thường xuyên kiểm tra đánh giá học sinh, vì vậy có thể nói chúng ta rất quen thuộc công việc này. Vậy tại sao phải đổi mới khâu kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh? Có phải chuyển từ hình thức kiểm tra này sang hình thức kiểm tra khác là đổi mới hay không? Thế nào là kiểm tra đánh giá theo chuẩn KT – KN? Hy vọng qua bài học này mỗi thầy cô chúng ta sẽ tìm ra được câu trả lời cho chính mình.

2. MỤC TIÊU

2.1. Về kiến thức

- Học viên trình bày được các loại phương pháp kiểm tra đánh giá, phân biệt được ưu nhược điểm của các hình thức kiểm tra nói, kiểm tra viết bằng câu trả lời tự luận hay bằng trắc nghiệm khách quan.

- Học viên phân tích được sự thay đổi vai trò của giáo viên và của học sinh trong phương pháp kiểm tra đánh giá phát huy tính tích cực học tập của HS, bên cạnh đánh giá của GV, cần tăng cường tự đánh giá của HS trong hoạt động hợp tác trong nhóm.

- Học viên phân tích được thế nào là kiểm tra đánh giá theo chuẩn KT – KN, cho ví dụ về kiểm tra đánh giá theo chuẩn KT – KN.

2.2. Về kỹ năng

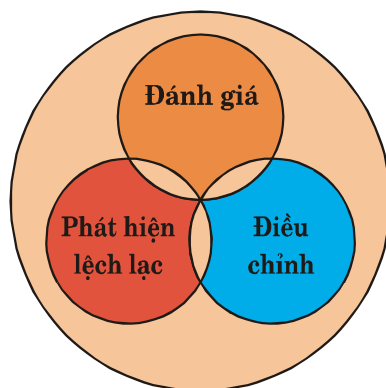
- Học viên dự giờ (hoặc xem băng hình) 1 tiết có đổi mới khâu đánh giá, sau đó học viên có thể đánh giá mức độ vận dụng "đổi mới đánh giá".

3. NỘI DUNG VÀ CÁCH TIẾN HÀNH

3.1. NỘI DUNG 1:

Hiểu biết của bạn về KTĐG?

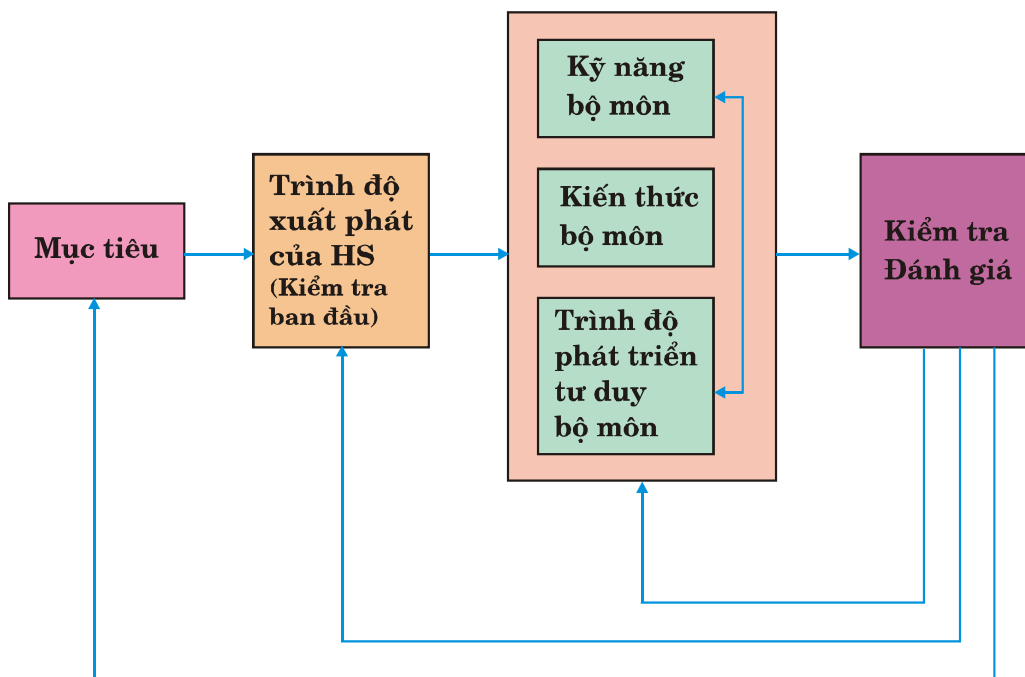
Theo bạn hình sơ đồ dưới đây mô tả vấn đề gì? (hãy phân tích)



Bạn hiểu các thuật ngữ dưới đây như thế nào? (hãy ghi lời giải thích ra giấy)

- Đo
- Lượng giá (lượng giá theo chuẩn, lượng giá theo tiêu chí)
- Đánh giá
 - + Đánh giá chuẩn đoán
 - + Đánh giá từng phần
 - + Đánh giá tổng kết
- Ra quyết định.

Hãy phân tích hình dưới đây để nêu bật vị trí của KTĐG trong quá trình dạy học:



Thông tin phản hồi ND1: (giúp bạn đối chiếu bổ sung cho các câu trả lời của bạn).

1.1 Khái niệm kiểm tra có thể hiểu là việc thu thập những dữ liệu, thông tin về một lĩnh vực nào đó là cơ sở cho việc đánh giá. Nói cách khác thì kiểm tra là xem xét tình hình thực tế để đánh giá, nhận xét.

Khái niệm đánh giá có thể hiểu là căn cứ vào các kiến thức, số liệu, biểu đồ, các dữ liệu, các thông tin để ước lượng năng lực hoặc phẩm chất để nhận định, phán đoán và đề xuất quyết định. Nói ngắn gọn thì đánh giá là nhận định giá trị.

1.2 Hình 1: Ba chức năng của kiểm tra:

Ba chức năng này liên kết thống nhất với nhau.

a. Đánh giá kết quả học tập của HS là quá trình xác định trình độ đạt tới những chỉ tiêu của mục đích dạy học, xác định xem khi kết thúc một giai đoạn (một bài, một chương, một học kỳ, một năm...) của quá trình dạy học đã hoàn thành đến một mức độ về kiến thức và kỹ năng.

b. Phát hiện lệch lạc (theo lý thuyết thông tin) phát hiện ra những mặt đã đạt được và chưa đạt được mà môn học đề ra đối với HS, qua đó tìm ra những khó khăn và trở ngại trong quá trình học tập của HS. Xác định được những nguyên nhân lệch lạc về phía người dạy cũng như người học để đề ra phương án giải quyết.

c. Điều chỉnh qua kiểm tra (theo lý thuyết điều kiện) GV điều chỉnh kế hoạch dạy học (nội dung và phương pháp sao cho thích hợp để loại trừ những lệch lạc, tháo gỡ những khó khăn trở ngại, thúc đẩy quá trình học tập của HS).

1.3. Các thuật ngữ:

Đo: Kết quả trả lời hay làm bài của mỗi học sinh, ghi nhận bằng 1 số đo theo quy tắc đã định thông thường (bằng điểm số theo thang bậc nhất định). Điểm số là những ký hiệu gián tiếp, phản ánh trình độ của mỗi học sinh về mặt định tính (giỏi, khá, trung bình...) và định hạng thứ bậc cao thấp của học sinh trong học tập. Cần lưu ý rằng điểm số không có ý nghĩa về mặt định lượng. Ví dụ không thể nói, trình độ của HS đạt điểm 10 là cao gấp đôi HS đạt điểm 5.

- Lượng giá: Dựa vào số đo mà đưa ra những thông tin ước lượng trình độ kiến thức của HS.

+ Lượng giá theo chuẩn: là sự so sánh tương đối với chuẩn trung bình của lớp HS.

+ Lượng giá theo tiêu chí: là sự đối chiếu với các tiêu chí đã đề ra

- Đánh giá:

+ Đánh giá chẩn đoán: Được tiến hành trước khi dạy một nội dung nào đó, nhằm giúp GV nắm được tình hình về những kiến thức có liên quan với bài học. Từ đó có kế hoạch dạy học phù hợp.

+ Đánh giá từng phần: được tiến hành nhiều lần trong quá trình dạy học, nhằm cung cấp những thông tin ngược để GV và HS kịp thời điều chỉnh cách dạy và cách học.

+ Đánh giá tổng kết: được tiến hành khi kết thúc kỳ học hay năm học khoá học (thi).

- Ra quyết định: Đây là khâu cuối cùng trong quá trình đánh giá, GV quyết định những biện pháp cụ thể để giúp đỡ học sinh có sai sót đặc biệt.

1.4. Hình 2, vị trí của kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học. Đầu tiên dựa vào mục tiêu của dạy học, GV đánh giá trình độ xuất phát của học sinh (kiểm tra đầu vào) trên cơ sở đó mà có kế hoạch dạy học: Kiến thức bộ môn rèn kỹ năng bộ môn để phát triển tư duy bộ môn. Kiến thức khoá học lại kiểm tra đánh giá (đánh giá đầu ra) để phát hiện trình độ HS, điều chỉnh mục tiêu và đưa ra chế độ dạy học tiếp theo.

Bản chất của khái niệm kiểm tra thuộc phạm trù phương pháp, nó giữ vai trò liên hệ nghịch trong hệ điều hành quá trình dạy học, nó cho biết những thông tin về kết quả vận hành, nó phần quan trọng quyết định cho sự điều khiển tối ưu của hệ (cả GV và HS).

Kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học là hết sức phức tạp luôn luôn chứa đựng những nguy cơ sai lầm, không chính xác. Do đó người ta thường nói: "Kiểm tra - đánh giá" hoặc đánh giá thông qua kiểm tra "để chúng tỏ mối quan hệ tương hỗ và thúc đẩy lẫn nhau giữa hai công việc này.

2. NỘI DUNG 2: Phân tích một số đề kiểm tra đánh giá, bạn hãy so sánh hai cách hỏi dưới đây, theo bạn mỗi cách hỏi có thể áp dụng trong những trường hợp cụ thể nào? Câu hỏi như vậy có đáp ứng nhu cầu kiểm tra đánh giá theo chuẩn KT – KN của môn học không?

Câu hỏi 1: Tại sao muốn nhìn rõ một vật nào đó, ta phải hướng trục mắt về phía vật cần quan sát?

Đáp án

Có thể nêu 4 ý:

Ý 1: Hướng trục mắt về phía vật cần quan sát, hình ảnh của vật tập trung tại điểm vàng.

Ý 2: Điểm vàng là nơi tập trung các tế bào nón là tế bào cảm nhận màu sắc.

Ý 3: Mỗi tế bào nón được liên hệ với 1 tế bào thần kinh thị giác thông qua 1 tế bào lưỡng cực (theo cơ chế 1/1) do đó nhìn rõ từng chi tiết của vật.

Ý 4: Các tế bào ở xung quanh càng xa điểm vàng càng không rõ vì phần lớn là các tế bào que và một số lượng lớn các tế bào que mới được liên hệ với một tế bào thần kinh thị giác.

Câu hỏi 2:

Điều phát biểu nào dưới đây là đúng ? Hãy đánh dấu (x) vào ô ở đầu câu trả lời đúng:

Cơ quan phân tích thị giác gồm:

- a Màng lưới trong cầu mắt
- b Dây thần kinh thị giác
- c Vùng chẩm của vỏ đại não
- d a và b
- e Cả a,b và c

Đáp án: e

Thông phản hồi:

Cách hỏi thứ nhất là câu hỏi kiểm tra chủ quan thường được GV sử dụng (quen thuộc) trong nhiều năm, loại câu hỏi này có ưu điểm là GV có thể "đo" được mức độ hiểu sâu kiến thức của HS, đồng thời rèn cho học sinh khả năng trình bày qua bài viết. Nhưng loại câu hỏi này có hạn chế là chỉ kiểm tra được ít kiến thức (không kiểm tra được diện rộng) và đòi hỏi nhiều thời gian. nếu GV không đầu tư thời gian để ra câu hỏi thì có nhiều câu sẽ mang tính học thuộc máy móc HS để học "tủ" , học "vẹt". Loại câu hỏi thứ 2 là câu trắc nghiệm khách quan. Loại câu hỏi này có ưu điểm là trong một thời gian ngắn có lại có thể kiểm tra được rất nhiều kiến thức khác nhau (kiểm tra trên diện rộng) HS không thể học "tủ" hay học "vẹt" được mà phải học hiểu. Loại câu hỏi này nhìn chung phải phù hợp với các môn đòi hỏi phải ghi nhớ nhiều như môn sinh học. Loại câu hỏi này cũng dễ chấm đối với GV và rất khách quan (không có sự khác nhau trong chấm bài ở nhiều GV khác nhau). Tuy nhiên loại câu hỏi này có nhược điểm là không phản ánh được quá trình diễn biến tư duy của HS. Để khắc phục nhược điểm này khi sử dụng GV cần tăng cường số lượng và chất lượng các câu kiểm tra.

Loại câu hỏi 1 thường được dùng để tạo tình huống khi vào bài mới hay kiểm tra cuối giai đoạn dạy học (cuối bài, cuối học kỳ, thi...). Loại câu hỏi 2 thường được dùng để kiểm tra cuối bài, cuối năm học (sau khi HS đã học xong cả khoá học).

3. NỘI DUNG 3: Tập sử dụng trắc nghiệm khách quan

Bạn hãy trả lời các câu hỏi sau:

3.1 Bạn biết những câu trắc nghiệm khách quan nào

3.2 Bạn hãy hoàn thành bài tập sau bằng cách sắp xếp từng câu hỏi cho sẵn dưới đây phù hợp với tên loại câu hỏi trước.

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| a. Câu nhiều lựa chọn | d. Đánh dấu (✓) |
| b. Câu ghép đôi | e. Điền vào chỗ trống |
| c. Câu đúng sai | g. Hoàn thiện một câu. |

Câu 1: Trong các nhận định sau đây em đồng ý hay không đồng ý với nhận định nào.

- Tế bào là đơn vị cấu tạo và đơn vị chức năng của cơ thể.
- Tất cả các tế bào của cơ thể người đều có: màng, chất tế bào và nhân.
- Chỉ có thận mới là cơ quan làm nhiệm vụ bài tiết các chất cặn bã.
- Cận thị là tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần.

Câu 2:

Hãy lựa chọn và ghép các thông tin ở cột (B) tương ứng với các thông tin ở cột (A)

Da (A)	Cấu tạo da (B)
a. Lớp biểu bì	1 - Lông và bao lông
	2 - Tầng sừng
	3 - Thụ quan
b. Lớp bì	4 - Cơ co chân lông
	5 - Tầng tế bào sống
	6 - Tuyến mồ hôi
c - Lớp mỡ dưới da	7 - Dây thần kinh
	8 - Lớp mỡ
	9 - Tuyến nhờn
	10 - Mạch máu

Câu 3:

Hãy lựa chọn các từ hay cụm từ sau để điền vào chỗ trống trong câu để câu trở nên hoàn chỉnh và hợp lý:

A - Hệ thần kinh

G - Sợi trục

B - Noron này

H - Cúc xi nấp

C - 1 Thân

I - Nhánh

D - Tiếp giáp

K - Trục

E - Cơ quan trả lời

L - Nao miêlin

Noron là đơn vị cấu tạo nên (1) Mỗi noron bao gồm (2)....., nhiều sợi (3) và một sợi (4) Sợi trục thường có (5) Tận cùng (6), có các (7) là nơi (8) giữa các (9) với noron khác hoặc với (10).....

Câu 4: Điền vào chỗ chấm (...) cho đúng với nội dung của nhận định sau:

"Cây xanh hút khí... trong không khí khi hô hấp"

Thông tin phản hồi:

3.1 Những loại câu trắc nghiệm khách quan :

- Câu hỏi lựa chọn
- Câu hỏi đúng sai
- Câu hỏi tìm sự tương ứng
- Câu điền thêm
- Câu hỏi trả lời ngắn.

3.2. Câu 1: Câu đúng / sai

Câu 2: Câu ghép đôi

Đáp án : a : 2, 3, 4, 5, 9

b: 1, 6, 7, 10

c: 8

Câu 3: Điền chỗ trống.

Đáp án : 1 - A

6 - G

2 - C

7 - H

3 - I

8 - D

4 - K

9 - B

5 - L

10 - E

4. NỘI DUNG 4: Tự đánh giá mức độ vận dụng đổi mới khâu kiểm tra đánh giá trong dạy học bộ môn. Bạn hãy trả lời các câu hỏi và bài tập sau:

4.1 Việc đánh giá kết quả học tập đang được hoàn thiện theo những xu hướng nào?

4.2 Cần chú ý những gì trong câu hỏi kiểm tra?

4.3 Bạn vừa chấm xong tập bài kiểm tra của 1 lớp HS theo thang điểm 10 bậc, bạn có những thông tin sau:

- Số bài làm : 40
- Số trung bình chung : 6,5
- Điểm cao nhất : 8,0
- Điểm thấp nhất : 2,0
- Điểm của HS (A) : 7,0
- Điểm của HS (B) : 5,0

(A) và (B) là những HS trung bình của lớp. Bạn hãy xác định các khâu lượng giá, đánh giá, ra quyết định đối với HS (A) và HS (B).

Kết luận:

1. Kiểm tra đánh giá không phải là vấn đề mới đối với GV nhưng đa số GV trong thực tiễn dạy học lại chưa thực sự quan tâm tới vấn đề này nên việc kiểm tra đánh giá còn mang tính chiếu lệ, hời hợt không kích thích học tập tích cực của HS. Vì vậy việc đổi mới khâu kiểm tra đánh giá trong quá trình dạy học là yêu cầu cấp thiết của việc đổi mới nội dung và phương pháp dạy học.

2. Đổi mới khâu kiểm tra đánh giá trước hết là đổi mới trong suy nghĩ của GV về vấn đề này. Giáo viên cần vận dụng nhiều hình thức kiểm tra khác nhau (nói, viết) nhiều kiểu câu hỏi kiểm tra khác nhau (kiểm tra chủ quan, kiểm tra khách quan...) đánh giá không chỉ đơn thuần là cho điểm câu trả lời hay bài làm của HS thấy những sai lầm và cách sửa chữa các sai lầm đó, là việc thay đổi nội dung và phương pháp dạy học của GV để đạt các mục tiêu dạy học (đánh giá).

3. Kiểm tra đánh giá theo yêu cầu chuẩn KT – KN là một trong những yêu cầu đổi mới kiểm tra đánh giá hiện nay. Mỗi GV cần chủ động và vận dụng sáng tạo chuẩn KT – KN trong kiểm tra đánh giá đáp ứng yêu cầu đổi mới đánh giá chất lượng giáo dục trong nhà trường hiện nay.

HOẠT ĐỘNG 3.

Hướng dẫn kiểm tra đánh giá theo chuẩn KT-KN

(xác định mục đích kiểm tra đánh giá; biên soạn câu hỏi, bài tập, đề kiểm tra; tổ chức kiểm tra; xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá)

Tìm hiểu yêu cầu của việc sử dụng tài liệu Hướng dẫn chuẩn KT-KN trong kiểm tra đánh giá

1. Mục tiêu:

- Tìm hiểu mục tiêu của môn học;
- Xác định nội dung và phương pháp KTĐG trong dạy học Sinh học THCS.
- Yêu cầu sử dụng tài liệu Hướng dẫn Chuẩn KT - KN trong KTĐG.

2. Kết quả mong đợi:

- HV xác định được mục tiêu của môn học.
- HV mô tả đúng nội dung và phương pháp KTĐG trong dạy học Sinh học THCS.
- HV sử dụng tài liệu Hướng dẫn chuẩn KT-KN trong kiểm tra đánh giá.

3. Phương tiện đánh giá:

- Sản phẩm các nội dung thảo luận nhóm.
- Quan sát các thành viên tham gia.
- Nghe các thành viên trao đổi tại các nhóm.

4. Tài liệu cần:

- Các mảnh ghép
- Văn bản có chỗ trống để HV điền tiếp nội dung
- Đoạn Video

5. Tiến trình thực hiện:

Khởi động: Trò chơi "Phóng viên"

- Tổ chức: Chơi theo nhóm (mỗi nhóm gồm 5-7 thành viên).
- Cách tiến hành: Mỗi nhóm có 1 HV xung phong làm "phóng viên" để phỏng vấn các HV trong nhóm mình về cách sử dụng tài liệu. Một HV làm thư ký ghi lại ý chính. thu được trong quá trình phỏng vấn. Sau đó, đổi lại, một người được phỏng vấn lại là "phóng viên", một người ghi chép để phỏng vấn lại đảm bảo ai cũng trả lời câu hỏi phỏng vấn. Các HV tham gia chơi có thể đặt thêm các câu hỏi khác.
- Kết thúc trò chơi, GV yêu cầu đại diện các nhóm tóm tắt lại kết quả thu được của trò chơi "Phóng viên" và bình luận: Qua trò chơi các bạn rút ra được điều gì?



- Phát biểu mục tiêu hoạt động.
- GV giao nhiệm vụ cho học viên: chia 4 nhóm, phát tài liệu cho mỗi nhóm, giới thiệu cách làm việc của mỗi nhóm.
- Hướng dẫn nhiệm vụ cần thực hiện: đọc một số chủ đề trong tài liệu rồi sắp xếp nội dung theo sơ đồ.

Điền từ vào chỗ chấm chấm trong câu sau:

“Khái niệm mức phản ứng: Tập hợp các của cùng một tương ứng với các là mức phản ứng của kiểu gen”.

Tgian	Hoạt động của NHD	Hoạt động của NTG	Ghi chú
10 phút	GV giao nhiệm vụ cho nhóm. Tổ chức trò chơi	- Theo dõi. - Thực hiện trò chơi. - Phát biểu mục tiêu hoạt động	
35 phút	- Hướng dẫn nhiệm vụ cần thực hiện: đọc một số chủ đề trong tài liệu sắp xếp nội dung theo sơ đồ. - Kiểm tra đảm bảo người tham gia hiểu được họ cần làm gì. Thông báo thời gian cho giai đoạn này là 35 phút. - Theo dõi các cá nhân và các nhóm làm việc và khi cần có các hỗ trợ kịp thời cho từng học viên và từng nhóm. - <i>Nêu vấn đề cho HV thảo luận: nếu trả lời câu hỏi theo đúng chuẩn KT – KN thì đã đạt điểm tối đa chưa hay phải trả lời đầy đủ như SGK mới đạt điểm tối đa?</i>	- Đọc hướng dẫn, yêu cầu giải thích nếu cần. - Từng HV và nhóm nhận nhiệm vụ GV giao cho và tự nghiên cứu cá nhân trong vòng 05 phút: + Đọc một số chủ đề - Mỗi nhóm thảo luận (10 phút) và trình bày các ý tưởng của nhóm trên bản trong để chiếu bằng máy overhead hoặc trình chiếu powpoint (5 phút). Trong khi các nhóm trình bày, mỗi HV cần ghi lại những nội dung chính của bản báo cáo của nhóm đang trình bày và ghi ra giấy các ý kiến nhận xét tán đồng hay không cũng như các ý kiến bổ sung (nếu có).	Đây là hoạt động tìm hiểu yêu cầu sử dụng tài liệu nên có ý nghĩa giúp HV khai thác nội dung tài liệu một cách đúng yêu cầu.

6. Tổng kết và đánh giá:

- Trả lời các thắc mắc của HV.
- Đánh giá kết quả làm việc của HV và của các nhóm.
- Chốt lại các điểm chính của hoạt động, về nội dung, về kĩ thuật, hướng dẫn sử dụng.

Kết luận:

- Đánh giá phải đối chiếu với mục tiêu, nhằm thu được những tín hiệu phản hồi giúp đánh giá được kết quả học tập của HS xem đã đạt được mục tiêu đề ra hay chưa, đồng thời giúp GV điều chỉnh phương pháp dạy nhằm đạt kết quả tối ưu.

Đánh giá, do vậy phải đảm bảo tính chính xác, khách quan và toàn diện. Ngoài đánh giá của GV, phải giúp HS nâng dần năng lực tự đánh giá.

Đánh giá một mặt động viên khích lệ việc học tập của HS, mặt khác phải giúp HS điều chỉnh và xác định cách học.

Cách đánh giá không chỉ qua kiểm tra đầu giờ, kiểm tra củng cố bằng hỏi miệng, bằng câu hỏi viết, bằng câu hỏi trắc nghiệm mà còn phải quan tâm tới đánh giá qua hoạt động học tập của HS trong suốt tiến trình của tiết học và qua quá trình học tập trong năm học về bộ môn.

HOẠT ĐỘNG 4.

Thực hành sử dụng Hướng dẫn chuẩn KT - KN kết hợp với SGK soạn đề kiểm tra Sinh học THCS

1. Mục tiêu:

- Học viên thực hành biên soạn một đề kiểm tra; biết xác định đúng mục tiêu về kiến thức và kỹ năng của bài kiểm tra.
- Học viên biết cách sử dụng Hướng dẫn chuẩn KT - KN, SGK để soạn đề kiểm tra.
- Vận dụng được các kỹ thuật đã học vào soạn đề kiểm tra.

2. Kết quả mong đợi:

- HV soạn giảng được một đề kiểm tra, biết vận dụng nội dung chuẩn KT-KN, biết cách sử dụng HD chuẩn KT-KN kết hợp với SGK trong quá trình soạn đề kiểm tra.
- Vận dụng được các kỹ thuật đã học để thiết kế các câu hỏi của bài đề kiểm tra.
- Trao đổi, thảo luận làm rõ các vấn đề học viên còn vướng mắc

3. Phương tiện đánh giá:

- Đề kiểm tra của các nhóm
- Báo cáo của nhóm, các ý kiến chia sẻ
- Quan sát các thành viên tham gia

4. Tài liệu cần:

- Sách giáo khoa, HD thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng của lớp 6, 7, 8, 9
- Bảng phụ hoặc giấy tròki, bút dạ, băng dính hai mặt.

5. Tiến trình thực hiện:

Khởi động: Trò chơi “Con gái “...” hơn con trai?”

GV viết lên bảng câu “Con gái ‘mơ mộng’ hơn con trai?”. Chia lớp thành 2 đội, cử 2 trọng tài theo dõi. Các đội lần lượt thay phiên nhau tìm các từ láy bắt đầu bằng chữ “m” để thay vào trong ngoặc thế cho từ “mơ mộng” (Ví dụ: mạnh mẽ, mơ màng...); đội nào “hết vốn, cạn từ” trước sẽ thua. Lưu ý nêu luật chơi (không dùng từ có tính chất xúc phạm, từ nghĩa xấu/bậy, v.v. Nếu phạm luật sẽ bị xử thua).



- Phát biểu mục tiêu hoạt động 4.

- GV giao nhiệm vụ cho học viên: chia 4 nhóm, giới thiệu cách làm của mỗi nhóm.
- Hướng dẫn nhiệm vụ cần thực hiện: đọc một số chủ đề trong tài liệu Hướng dẫn dạy học theo chuẩn KT - KN so sánh với Chương trình và SGK soạn 1 đề kiểm tra 45 phút.
- Hướng dẫn cách sử dụng tài liệu kết hợp với sử dụng SGK
- Những lưu ý khi sử dụng tài liệu. Lưu ý khi soạn đề kiểm tra thực hành.

Tgian	Hoạt động của NHD	Hoạt động của NTG	Ghi chú
5 phút	GV giao nhiệm vụ cho nhóm. Tổ chức trò chơi	- Theo dõi. Thực hiện trò chơi. - Phát biểu mục tiêu hoạt động 4	Chuẩn bị tâm lí để học tập tích cực
35 phút	- Hướng dẫn nhiệm vụ cần thực hiện: đọc một số chủ đề trong tài liệu sắp xếp nội dung theo sơ đồ. - Kiểm tra đảm bảo người tham gia hiểu được họ cần làm gì. Thông báo thời gian cho giai đoạn này là 35 phút. - Theo dõi các cá nhân và các nhóm làm việc và khi cần có các hỗ trợ kịp thời cho từng học viên và từng nhóm.	- Đọc hướng dẫn, yêu cầu giải thích nếu cần. - Từng HV và nhóm nhận nhiệm vụ GV giao cho và tự nghiên cứu cá nhân trong vòng 5 phút: + Đọc tài liệu, xác định mục tiêu kiểm tra. + Soạn một đề kiểm tra 45 phút. - Mỗi nhóm thảo luận (10 phút) và trình bày các ý tưởng của nhóm trên bản trong để chiếu bằng máy overhead hoặc trình chiếu powpoint (20 phút). Trong khi các nhóm trình bày, mỗi HV cần ghi lại những nội dung chính của bản báo cáo của nhóm đang trình bày và ghi ra giấy các ý kiến nhận xét tán đồng hay không cũng như các ý kiến bổ sung (nếu có).	Đây là hoạt động giúp HV áp dụng chuẩn KT – KN để ra đề kiểm tra.

6. Tổng kết và đánh giá:

- Trả lời các thắc mắc của HV.

- Đánh giá kết quả làm việc của HV và của các nhóm.
- Chốt lại các điểm chính của hoạt động, hướng dẫn sử dụng tài liệu.

THẢO LUẬN

Chủ đề 1. Định hướng đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh: Đánh giá cái gì? Nhằm mục đích gì? Dùng hình thức gì?

Chủ đề 2. Đánh giá quá trình

Chủ đề 3. Đánh giá kết quả đầu ra

Chủ đề 4. Các hình thức đánh giá: Tự luận và trắc nghiệm

Chủ đề 5. Thực hành xây dựng câu hỏi trắc nghiệm khách quan.

Chủ đề 6. Hướng dẫn học sinh tự đánh giá bằng hình thức trắc nghiệm khách quan.

Bài tập:

Đọc và phân tích các đề kiểm tra sau (đây là các đề đã kiểm tra ở một trường THCS của tỉnh Cà Mau trong năm học 2009 - 2010), theo bạn mỗi đề kiểm tra này đã được biên soạn phù hợp với đổi mới kiểm tra đánh giá theo chuẩn KT – KN hay chưa?

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ MÔN SINH 6

NĂM HỌC: 2009 - 2010

I. Trắc nghiệm(3đ)

Câu 1: (1đ)

Khoanh tròn vào câu trả lời đúng

1/Cây nào sau đây thuộc nhóm dương xỉ

- Cây ráng
- Cây gạc nai(rau cần trôi)
- Cây rau má
- Cả a & b

2/Những cây nào sau đây có rễ biến dạng thành củ

- khoai tây, su hào, gừng
- Khoai tây, cà rốt, củ bán
- Khoai mi, cà rốt, củ cải
- Củ lạc, củ nghệ, khoai lang

Câu 2: (1đ)

Em hãy điền vào chỗ trống sao cho phù hợp

1/Thân dài ra doở mô phân sinh ngọn

2/..... dài ra rất nhanh

3/..... lớn rất chậm

4/Cây lấy..... thường được bấm ngọn

Câu 3: (1đ)

Em hãy đánh dấu “X” vào kiểu xếp lá của các loại cây sao cho tương ứng

Tên cây	Mọc cách	Mọc đối	Mọc vòng
1.Cây tắc			
2.Cây khế			
3.Cây trúc đào			
4.Cây bàng			

II.Tự luận (7đ)

Câu 1: Có mấy loại thân? Kể tên số cây có những loại thân đó? (3đ)

Câu 2: Tại sao phải thu hoạch các cây có rễ củ trước khi chúng ra hoa? (1đ)

Câu 3: Hô hấp là gì? Vì sao hô hấp có ý nghĩa quan trọng đối với cây? (3đ)

ĐÁP ÁN

I.Trắc nghiệm

Câu 1: 1d, 2b

Mỗi ý đúng (0,5đ)

Câu 2:

a/sự phân chia tế bào

b/thân leo

c/than gỗ

d/ quả,hạt

Câu 3:

Cây tắc: mọc cách

Cây khế: mọc đối

Cây trúc đào: mọc vòng

Cây bàng: mọc cách

II.Tự luận

Câu 1: Có 3 loại thân chính

_Thân đứng có 3 dạng (1đ)

+Thân gỗ: cứngcao, có cành: mít, xoài, ổi.

+Thân cột: cứng, cao, không cành: cau, dừa, cọ.

+Thân cỏ: mềm, yếu, thấp: cây lạc, cây mần trâu.

_ Thân leo: leo bằng thân quấn hay tua cuốn như khoai mỡ, trầu không (1đ)

_ Thân bò: Khoai lang, rau má (1đ).

Câu 2:

Vì cây ra hoa kết quả chất dinh dưỡng dự trữ trong củ bị giảm đi nên phải thu hoạch trước khi cây ra hoa kết quả (1đ).

Câu 3:

_ Nêu đúng khái niệm (2đ)

_ Sản sinh năng lượng cần cho mọi hoạt động sống của cây (1đ).

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - MÔN SINH 7

NĂM HỌC: 2009 - 2010

I. Trắc nghiệm

Câu 1: Khoanh tròn câu trả lời đúng (1đ)

1/ Đặc điểm cấu tạo và hoạt động của trùng roi

a. Tự dưỡng, có diệp lục, ko di chuyển

b. Tự dưỡng, dị dưỡng, có nhân, có roi, có diệp lục, có khả năng di chuyển

c. Dị dưỡng, có diệp lục, có nhân, ko có roi

d. Tự dưỡng, có lục lạp và có roi

2/ Hoạt động chằng lưới của nhện gồm những bước nào?

a. Chằng dây tơ khung

b. Chằng dây tơ phóng xạ

c. Chằng các sợi tơ vòng và chờ mồi

d. Cả a, b, c

Câu 2:

Tìm cụm từ phù hợp điền vào chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn sau (2đ)

Giáp xác rất sống ở các môi trường nước, một số ở cạn, số nhỏ kí sinh.

Các đại diện như: tôm sông, cua, mọt ẩm.... có tập tính phong phú. Hầu hết giáp xác đều có lợi. Chúng là nguồn của cá và là quan trọng của con người là loại thủy sản hàng đầu của nước ta hiện nay.

II. Tự luận

Câu 1: Đặc điểm chung và vai trò của giun đốt? (2đ)

Câu 2:

Hãy phân biệt giữa ngành ruột khoang và giun dẹp và các đặc điểm cấu tạo cơ thể, lối sống, sinh sản? (3đ)

Câu 3: Thế nào là biến thái hoàn toàn? Ví dụ? (2đ)

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm

Câu 1: 1b, 2d

Câu 2: đa dạng, thường gặp, thức ăn, thực phẩm, xuất khẩu

II. Tự luận

Câu 1:

_ Đặc điểm chung (1đ)

- + Cơ thể phân đốt, đối xứng 2 bên, có thể xoang
- + Hệ tiêu hóa hình ống, phân hóa
- + Di chuyển nhờ chi bên, tơ hay hệ cơ trên thành cơ thể
- + Hô hấp bằng da hay mang

_ Vai trò: (1đ)

- + Làm đất tơi xốp có vai trò quan trọng đối với cây trồng
- + Làm thức ăn cho động vật khác
- + Làm thức ăn cho người
- + Có hại cho động vật và người

Câu 2:

	Ruột khoang	Ngành giun dẹp
Cấu tạo(1đ)	- Cơ thể có dạng túi - Đối xứng toả tròn - Không có giác bám	- Cơ thể dẹp - Đối xứng 2 bên - Có giác bám phát triển
Lối sống(1đ)	- Sống tự do đơn độc hay tập đoàn	- Sống tự do hay kí sinh
Sinh sản(1đ)	- Vô tính và hữu tính - Ấu trùng không qua vật chủ trung gian	- Hữu tính - Ấu trùng phát triển qua vật chủ trung gian

Câu 3:

Biến thái hoàn toàn là quá trình phát triển mà trong đó cá thể non có thể khác biệt lớn với cá thể trưởng thành về hình dạng và cấu tạo cơ thể. Nói cách khác là có sự biến đổi hình thái sinh vật trong quá trình phát triển. (1đ)

Ví dụ: Sâu non qua giai đoạn ấu trùng rồi mới phát triển thành bướm. (1đ)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - MÔN SINH 8
NĂM HỌC 2009 - 2010

I. Trắc nghiệm

Câu 1:(1đ)Tìm các cụm từ thích hô điền vào chỗ trống.....thay cho các số 1,2,3... để hoàn thành đoạn sau

Giống như phần lớn các đoạn khác của ống tiêu hóa..... có cấu tạo 4 lớp cơ bản (lớp màng bọc bên ngoài, lớp cơ, lớp dưới niêm mạc và lớp niêm mạc trong cùng). Đặc biệt dạ dày có hình dạngthắt hai đầu với dung tích khoảng 3 lit và lớp cơ (gồm 3 lớp cơ dọc,cơ vòng và cơ chéo), lớp niêm mạc với nhiều tuyến

Câu 2:

Hãy đánh dấu ”+” là truyền máu được, dấu ”-” là truyền máu không được giữa người cho và người nhận trong bảng sau (2đ)

Huyết tương của người nhận có ngưng kết tổ	Hồng cầu các nhóm máu người cho			
	A	B	AB	O
B (α)				
A (β)				
O (α và β)				
AB (o)				

II. Tự luận

Câu 1: (1,5đ)

Các bạch cầu đã tạo nên hàng rào phòng thủ để bảo vệ cơ thể như thế nào?

Câu 2: (3đ)

Trình bày tóm tắt quá trình hô hấp ở người?

Câu 3: (2,5đ)

Các chất cần thiết cho cơ thể như nước, muối khoáng ,các loại vitamin khi vào cơ thể theo đường tiêu hóa thì cần phải qua những hoạt động nào của hệ tiêu hoá?Cơ thể người có thể nhận các chất này theo con đường nào khác không?

ĐÁP ÁN

I. Trắc nghiệm

Câu 1: thành dạ dày, một cái túi, rất dày và khỏe, tiết dịch vị.

Mỗi ý đúng 0,25đ.

Câu 2

Huyết tương của người nhận có ngưng kết tổ	Hồng cầu của các nhóm máu người cho			
	A	B	AB	O
B(α)	-	+	-	+
A(β)	+	-	-	+
O (α và β)	-	-	-	+
AB (O)	+	+	+	+

Mỗi ý đúng 0,5đ.

II. Tự luận

Câu 1:

Các bạch cầu đã tạo nên 3 hàng rào phòng thủ bảo vệ cơ thể là:

- _ Sự thực bào do các bạch cầu trung tính và đại thực bào thực hiện
- _ Tế bào B tiết ra kháng thể để vô hiệu hóa kháng nguyên
- _ Tế bào T nhận diện và tiếp xúc để phá hủy tế bào bị nhiễm VK

Mỗi ý đúng đạt 0,5đ.

Câu 2:

_ Nhờ hoạt động của lồng ngực và các cơ hô hấp mà hít vào và thở ra, làm cho không khí trong phổi thường xuyên được đổi mới → đây là giai đoạn thông khí.

_ Trao đổi khí ở phổi gồm sự khuếch tán của O_2 từ không khí phế nang vào máu và của CO_2 từ máu vào không khí phế nang.

_ Trao đổi khí ở tế bào gồm sự khuếch tán của O_2 từ máu vào tế bào và của CO_2 từ tế bào vào máu.

Câu 3:

_ Các chất cần thiết cho cơ thể như nước, muối khoáng, các loại vitamin khi vào cơ thể theo đường tiêu hóa cần phải trải qua các hoạt động như: ăn, đẩy thức ăn trong ống tiêu hoá, hấp thu thức ăn. (1,5đ)

_ Cơ thể người có thể nhận các chất này theo con đường khác tiêm qua tĩnh mạch vào hệ tuần hoàn máu. (1đ)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - MÔN SINH 9
NĂM HỌC:2009 - 2010

I.Trắc nghiệm (3đ)

Câu 1: (1đ)

 Tìm các cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống thay cho các số 1,2,3 để hoàn thành câu sau:

 Sự sắp xếp khác nhau của 20 loạiđã tạo nên tínhcủa protêin.Mỗi phân tử prôtêin không chỉbởi thành phần, số lượng và trình tự sắp xếp của các a.amin mà còn dokhông gian, số chuỗi axit amin.

Câu 2:(2đ)

Em hãy sắp xếp các đoạn sau theo thứ tự đúng của quá trình tự nhân đôi ADN:

 A.Phân tử ADN tháo xoắn, hai mạch đơn tách nhau dần dần.

 B.Hai phân tử ADN con đóng xoắn, quá trình tự nhân đôi phân tử ADN con kết thúc

 C.ADN được hình thành sau tự nhân đôi được chia đều cho tế bào con thông qua quá trình tự phân bào

 D.Các nuclêotit trên mỗi mạch đơn của phân tử ADN lần lượt liên kết các nuclêotit trong môi trường nội bào theo NTBS hình thành mạch mới.

 Lựa chọn:

II.Tự luận (7đ)

 Câu 1: Đột biến gen là gì? Nêu các dạng đột biến cấu trúc gen? Nguyên nhân phát sinh đột biến gen? (3đ)

 Câu 2: Trình bày cơ chế sinh con trai, con gái ở người. Quan niệm cho rằng sinh con trai hay con gái là do phụ nữ đúng không? Giải thích? (2đ)

 Câu 3: Giao phối chuột đen lông dài với chuột trắng lông ngắn ở F₁ thu được 100% chuột đen lông ngắn.Hãy xác định kết quả F₂? (2đ)

ĐÁP ÁN

I.Trắc nghiệm

 Câu 1: axit amin,đa dạng,đặc trưng,cấu trúc

 Mỗi ý đúng (0,25đ)

 Câu 2: Lựa chọn: A, D, B, C

 Mỗi ý đúng (0,5đ)

II.Tự luận

Câu 1: -Nêu đúng khái niệm (1đ)

-Nêu đúng 4 dạng đột biến (1đ)

-Nêu đúng 2 nguyên nhân do yếu tố bên ngoài và bên trong (1đ)

Câu 2:

Ở nam khi giảm phân cho 2 loại giao tử X và Y có tỉ lệ bằng nhau, ở nữ khi giảm phân cho 1 loại trứng X → Sự kết hợp 2 lại tinh trùng của bố với trứng của mẹ tạo nên 2 hợp tử XX và XY phát triển thành con trai và con gái với tỉ lệ bằng nhau (0,5đ)

-Sơ đồ:

$$\begin{array}{lcl}
 P: & (44NSTA + XX) & \times & (44NSTA + XY) \\
 G_p: & 22NSTA+X & & 22NSTA+X ; 22NSTA+Y \\
 F_1: & 44NSTA+XX & & 44NSTA+XY \\
 & (\text{con gái}) & & (\text{con trai})
 \end{array}$$

Đúng sơ đồ (1đ)

-Theo cơ chế NST giới tính xác định giới tính thì việc sinh con trai hay con gái là do bố quyết định chứ không do mẹ quyết định. (0,5đ)

Câu 3:

a/Ở F₁ thu được toàn chuột đen lông ngắn → Lông đen trội hoàn toàn so với lông trắng, lông ngắn trội hoàn toàn so với lông dài.

Quy ước: Lông đen: A Lông ngắn: D

Lông trắng: a Lông dài : d

Đúng quy ước (0,5đ)

P: Lông đen dài x lông trắng ngắn

AAdd aaDD

G_p: Ad aD

F₁: AaDd (100% lông đen ngắn) (0,5đ)

F₁: AaDd x AaDd

G_{F1} AB; Ab; aB; ab

	AB	Ab	aB	ab
AB	AABB	AAbb	AaBB	AaBb
Ab	AABb	AAbb	AaBb	Aabb
aB	AaBB	AaBb	aaBB	aaBb
Ab	AaBb	AAbb	aaBb	aabb

Kiểu gen: 9A-B- : 3A-bb : 3aaB- : 1aabb

Viết đúng kiểu gen (0,5đ)

Kiểu hình: 9 đen ngắn: 3 đen dài: 3 trắng ngắn: 1 trắng dài (0,5đ)

Phần

3

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC TẬP HUẤN TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG



HOẠT ĐỘNG 1.

Nghiên cứu mục tiêu, nội dung, đối tượng, điều kiện bồi dưỡng

1. MỤC TIÊU

1.1. Về kiến thức

- HV xác định đúng mục tiêu, nội dung, đối tượng, điều kiện bồi dưỡng GV tại địa phương mình.
- HV liệt kê được các mục tiêu, nội dung, đối tượng, điều kiện bồi dưỡng GV tại địa phương mình.

1.2. Về kỹ năng

- HV rèn được kỹ năng tổ chức tập huấn ở địa phương.

2. NỘI DUNG VÀ CÁCH TIẾN HÀNH

- Nội dung và hình thức tập huấn ở các địa phương cần tiến hành như Bộ đã tập huấn cho giáo viên cốt cán.
- Cần nghiên cứu mục tiêu, nội dung, đối tượng, điều kiện bồi dưỡng bằng các phiếu khảo sát, thăm dò (xem mẫu phiếu khảo sát ở hoạt động 3 và ở phần phụ lục).
- Xây dựng kế hoạch chi tiết đợt bồi dưỡng, tập huấn (thời gian, địa điểm, số lượng, yêu cầu).
- Xác định nhu cầu, đánh giá kết quả đợt bồi dưỡng (thông qua các mẫu phiếu thăm dò, khảo sát trước và sau đợt bồi dưỡng).
- Chú ý đến việc tổ chức các hoạt động của GV, giảng viên tạo điều kiện cho tất cả GV đều được suy nghĩ nhiều, làm nhiều và trao đổi nhiều.
- Tăng cường tính thực hành trong đợt tập huấn.
- Phát huy tính chủ động sáng tạo của GV trong đợt tập huấn.

Toàn bộ tài liệu của Bộ mà trang bị cho HV là những tài liệu để tập huấn. Căn cứ vào tài liệu này, HV vận dụng cho phù hợp với từng địa phương của mình. Cụ thể:

1. Đối với cán bộ quản lý.

- Nắm vững chủ trương đổi mới giáo dục phổ thông của Đảng, Nhà nước; nắm vững mục đích, yêu cầu, nội dung đổi mới thể hiện cụ thể trong các văn bản chỉ đạo của Ngành về chương trình, chuẩn KT – KN và SGK; về PPDH, sử dụng phương tiện, thiết bị dạy học, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Nắm vững yêu cầu dạy học bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình GDPT, đồng thời tích cực đổi mới PPDH (chống đọc – chép).

- Có biện pháp quản lý và thực hiện đổi mới PPDH có hiệu quả; thường xuyên kiểm tra đánh giá, thực hiện hoạt động dạy học theo định hướng dạy học bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng và tích cực đổi mới PPDH.

- Động viên khen thưởng kịp thời những GV thực hiện có hiệu quả đồng thời phê bình những GV chưa tích cực đổi mới PPDH, dạy quá tải do không bám sát Chuẩn kiến thức, kỹ năng.

2. Đối với giáo viên

- Bám sát Chuẩn kiến thức, kỹ năng để thiết kế bài giảng nhằm đạt được các yêu cầu cơ bản, tối thiểu về kiến thức, kỹ năng. Không quá tải và quá lệ thuộc hoàn toàn vào SGK, không cố dạy hết toàn bộ nội dung SGK.

- Dựa trên cơ sở yêu cầu về kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kỹ năng giáo viên vận dụng sáng tạo, linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, tự giác học tập của học sinh.

- Trong tổ chức các hoạt động học tập trên lớp giáo viên cần linh hoạt hơn, tổ chức các hoạt động học tập phù hợp với đối tượng học sinh của mình.

- Thiết kế và hướng dẫn HS trao đổi, trả lời các câu hỏi, bài tập nhằm nắm vững, hiểu được những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng.

- Đa dạng hoá các hình thức tổ chức dạy học nhằm tạo sự hứng thú cho HS qua đó giúp HS nắm vững và hiểu sâu sắc chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông.

- Trong việc dạy học theo Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần chú trọng việc sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học; đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học một cách hợp lý.

HOẠT ĐỘNG 2.

Xây dựng kế hoạch chi tiết đợt bồi dưỡng, tập huấn

1. MỤC TIÊU

1.1. Về kiến thức

- HV xây dựng được kế hoạch bồi dưỡng GV tại địa phương mình.
- HV liệt kê được các nội dung bồi dưỡng GV tại địa phương mình.

1.2. Về kỹ năng

- HV rèn được kỹ năng tổ chức tập huấn ở địa phương.

2. NỘI DUNG VÀ CÁCH TIẾN HÀNH

- Hướng dẫn cách thực hiện nhiệm vụ: lên kế hoạch bồi dưỡng cho nhóm chuyên môn ở trường cần dựa trên kế hoạch giảng dạy của trường và tài liệu tập huấn của Bộ GD&ĐT.

- Hướng dẫn cách viết kế hoạch: những nội dung cần trình bày.
- Những lưu ý khi viết kế hoạch: những sai lầm có thể có, cách khắc phục.

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu một kế hoạch bồi dưỡng để các HV tham khảo

KẾ HOẠCH CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN GIÁO DỤC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ Môn Công nghệ THCS

1. Thời gian và địa điểm tập huấn tập huấn

- Từ ngày 15 đến ngày 16 tháng 12 năm 2009
- Địa điểm: Tại Cao đẳng Sư phạm Trung Ương

2. Mục tiêu tập huấn

❖ Mục tiêu chung:

- ✓ Nâng cao năng lực cho Giáo viên cốt cán môn Công nghệ THCS để thực hiện được PPDH tích hợp nội dung giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

❖ Mục tiêu cụ thể

- ✓ Cung cấp kiến thức và phương pháp về giảng dạy nội dung giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong môn Công nghệ THCS.
- ✓ Cung cấp phương pháp, vận dụng kỹ thuật dạy học tích cực cho giáo viên;
- ✓ Giới thiệu về tài liệu giảng dạy nội dung giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- ✓ Lấy ý kiến của học viên trao đổi kinh nghiệm về PPDH tích hợp nội dung giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Kết quả mong đợi

Sau khóa tập huấn người tham gia có thể:

- ❖ Lĩnh hội và nâng cao nhận thức, kiến thức về giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả của giáo viên Công nghệ THCS.
- ❖ Có khả năng khai thác các nội dung về giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong môn học.
- ❖ Nêu được mục tiêu, nội dung, địa chỉ và mức độ tích hợp giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
- ❖ Có khả năng vận dụng các kỹ thuật học tập tích cực vào soạn, giảng các bài tích hợp giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong môn Công nghệ THCS.
- ❖ Có thái độ tích cực trong việc triển khai, thực hiện việc dạy học tích hợp nội dung giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong môn Công nghệ THCS.

4. Phương tiện đánh giá

- Quan sát hoạt động của các thành viên và của các nhóm
- Kết quả báo cáo và giảng bài của các nhóm

Tài liệu cần:

- Sách giáo khoa Công nghệ THCS/bản photo bài cần soạn giảng
- Giấy A0, bút dạ, kéo, băng dính
- Giấy trắng A4
- Giấy màu A4
- Tờ rời tài liệu phục vụ cho dạy các kỹ thuật học tích cực

5. Kế hoạch

Thời gian	Hoạt động của người hướng dẫn	Hoạt động của người tham gia	Ghi chú
Buổi 1	1. Làm quen – Tổ chức lớp	Giới thiệu và ổn định tổ chức lớp	
	2. Tổ chức tìm hiểu mục đích, phương pháp của khóa tập huấn	Tìm hiểu mục đích của khóa tập huấn	GV chuẩn bị
	3. Tổ chức hoạt động với các	- Tham gia các hoạt động	- Hoạt động

	kỹ thuật học tập tích cực. GV chuẩn bị các tài liệu cho hoạt động.	- Báo cáo kết quả - Các nhóm chia sẻ	nhóm
Buổi 2	1. Tổ chức hoạt động tìm địa chỉ, nội dung tích hợp trong môn Công nghệ THCS	- Tham gia các hoạt động - Báo cáo kết quả - Các nhóm chia sẻ	Sử dụng các kỹ thuật dạy học tích cực
	2. Vận dụng các kỹ thuật học tích cực vào soạn bài cụ thể tích hợp nội dung sử dụng NLTK và hiệu quả	Các nhóm soạn bài	GV chuẩn bị giấy A0, hoặc bản trong
Buổi 3	1. Soạn bài cụ thể tích hợp nội dung sử dụng NLTK và hiệu quả có kết hợp với đánh giá về giáo dục sử dụng NLTK và hiệu quả.	Các nhóm soạn bài	Giấy A0
	2. Tổ chức cho học viên giảng bài.	Đại diện nhóm giảng bài tích hợp	Giấy A0
	3. Đánh giá khóa tập huấn	HV đánh giá. HV viết phiếu trả lời.	Phiếu đánh giá
	4. Tổng kết khóa tập huấn		

Bài tập vận dụng:

1. Theo anh (chị) kế hoạch nêu trên có những điểm nào thành công và cần bổ sung thêm nội dung gì để có một kế hoạch hoàn chỉnh.
2. Anh (chị) hãy soạn ra kế hoạch bồi dưỡng GV môn Sinh học THCS ở địa phương mình trong 03 ngày. Theo anh (chị), trong điều kiện hiện nay ở địa phương mình nếu tổ chức bồi dưỡng GV môn Sinh học THCS thì cần bồi dưỡng nội dung gì và có thể gặp những khó khăn nào? Cách khắc phục những khó khăn trở ngại đó?

HOẠT ĐỘNG 3.

Xác định nhu cầu, đánh giá kết quả đợt bồi dưỡng thông qua các mẫu phiếu thăm dò, khảo sát (trước và sau đợt bồi dưỡng)

1. Mục tiêu:

- HV làm được kế hoạch và nội dung tập huấn bồi dưỡng giáo viên bộ môn ở địa phương (tổ chuyên môn trong mỗi trường).
- HV vận dụng các kĩ thuật lên lớp để tổ chức các hoạt động dựa trên tài liệu tập huấn này.
- Tổng kết đánh giá khóa tập huấn giúp GV và các HV nhìn nhận lại các công việc đã làm, đánh giá mặt thành công cũng như những vấn đề còn hạn chế cần khắc phục để định hướng cho những hoạt động tiếp theo.

2. Kết quả mong đợi:

- Mỗi HV đều tự mình xây dựng được kế hoạch và nội dung bồi dưỡng giáo viên bộ môn ở tổ chuyên môn trong mỗi trường.
- Mỗi HV đều vận dụng thành công các kĩ thuật lên lớp để tổ chức các hoạt động dựa trên tài liệu tập huấn này.
- Mỗi HV đều vận dụng thành công nội dung chuẩn kiến thức, kĩ năng và biết dạy học, kiểm tra đánh giá theo chuẩn.
- Tổng kết đánh giá khóa tập huấn thành công.

3. Phương tiện đánh giá:

- Tờ kế hoạch của các cá nhân.
- Báo cáo của HV, các ý kiến chia sẻ.
- Quan sát các thành viên tham gia.

4. Tài liệu cần:

- Sách giáo khoa, HD thực hiện chuẩn kiến thức, kĩ năng của lớp 6,7,8, 9
- Kế hoạch hoạt động của trường THCS.

5. Tiến trình thực hiện:

Khởi động: Trò chơi “Làm quen – nhớ tên”

GV chia lớp thành 4 đội, cử 2 trọng tài theo dõi. Các đội lần lượt thay phiên nhau lên bảng đứng một hàng theo trình tự tên HV. Luật chơi: đứng theo vần a, b, c. Nếu HV phạm luật sẽ hát hoặc kể chuyện hoặc làm một hành động nào đó. Lưu ý: có thể thay đổi luật cho các đội như đứng theo trình tự năm sinh, năm công tác, hay theo 12 con giáp,... để tạo không khí vui nhộn.



- Phát biểu mục tiêu hoạt động 3.
- GV giao nhiệm vụ cho học viên: làm việc cá nhân, giới thiệu nhiệm vụ của mỗi HV.

Tgian	Hoạt động của NHD	Hoạt động của NTG	Ghi chú
5 phút	GV giao nhiệm vụ cho HV. Tổ chức trò chơi.	- Theo dõi. Thực hiện trò chơi. - Phát biểu mục tiêu hoạt động 3	
30 phút	- Hướng dẫn nhiệm vụ cần thực hiện: lên kế hoạch bồi dưỡng cho nhóm chuyên môn ở trường. - Kiểm tra đảm bảo người tham gia hiểu được họ cần làm gì. Thông báo thời gian cho giai đoạn này là 35 phút. - Theo dõi các cá nhân làm việc và khi cần có các hỗ trợ kịp thời cho từng học viên.	- Đọc hướng dẫn, yêu cầu giải thích nếu cần. - Từng HV nhận nhiệm vụ GV giao cho và tự nghiên cứu cá nhân + Đọc tài liệu, xác định mục tiêu bồi dưỡng cho đồng nghiệp ở trường. + Soạn một kế hoạch bồi dưỡng 10 phút. - Một số HV trình bày các ý tưởng của mình (05 phút). Trong khi các HV trình bày, mỗi HV cần ghi lại những nội dung chính của bản báo cáo của HV đang trình bày và ghi ra giấy các ý kiến nhận xét tán đồng hay không cũng như các ý kiến bổ sung (nếu có).	Đây là hoạt động giúp HV có thể chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp.

6. Tổng kết và đánh giá:

- Trả lời các thắc mắc của HV. Đánh giá kết quả làm việc của HV.
- Chốt lại các điểm chính của hoạt động, hướng dẫn lập kế hoạch bồi dưỡng.

Hướng dẫn GV trả lời các bảng sau:

I- GIẢNG DẠY TRÊN LỚP

1. Tính trên tổng số thời gian giáo viên dạy trong 1 năm, thời gian trung bình học sinh:	Không	10% hoặc ít hơn	11 - 25%	26 - 50%	Nhiều hơn 50%
1. Nghe giáo viên giảng bài và					

hướng dẫn giải các bài toán					
2. Ghi chép từ bài giảng và SGK					
3. Sử dụng máy vi tính giải bài tập trong sách giáo khoa hoặc bài tập do giáo viên giao					
4. Trình bày hoặc mô tả các bước giải bài toán trước cả lớp					
5. Sử dụng các thiết bị dạy toán					
6. Sử dụng các dụng cụ đo đạc (VD: Thước kẻ, Compa, cân)					
7. Sử dụng các phương pháp thu thập dữ liệu (VD: Các khảo sát, thăm dò)					
8. Tự làm các bài tập					
9. Làm các bài tập theo nhóm					
10. Tham gia các hoạt động ngoại khoá theo lớp					
11. Sử dụng máy tính để học					
12. Sử dụng máy vi tính để học					
13. Học các khái niệm từ các tài liệu ngoài SGK					
14. Làm bài trắc nghiệm, kiểm tra					

II- KIỂM TRA & ĐÁNH GIÁ

2. Thường bao lâu Thầy/ Cô sử dụng một trong những cách sau đây để đánh giá/kiểm tra học sinh trong lớp	Không bao giờ	1 - 4 lần/năm	1 - 3 lần/năm	1 - 3 lần/tuần	4 - 5 lần/tuần
1. Hình thức khách quan (VD: đánh trắc nghiệm, chọn đúng hoặc sai)					
2. Đặt những câu hỏi trả					

lời ngắn ví dụ yêu cầu học sinh thực hiện các thao tác bằng máy vi tính					
3. Đặt những câu hỏi mở mà học sinh phải giải thích hoặc chứng minh					
4. Làm các bài tập thực hành					
5. Thuyết trình cá nhân hoặc theo nhóm					

III- YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC GIẢNG DẠY

Những yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng đến công tác giảng dạy của Thầy/ Cô và mức độ ảnh hưởng	A	B	C	D	E	G
1. Kiến thức khi còn học ở Đại học						
2. Kinh nghiệm khi tham gia các lớp bồi dưỡng giáo viên						
3. Khung chương trình chuẩn quốc gia						
4. Khung chương trình chuẩn của Sở GD&ĐT						
5. SGK và sách hướng dẫn giáo viên						
6. Sự chuẩn bị kiến thức cho học sinh lớp cao hơn						
7. Sự chuẩn bị của HS cho các kỳ thi						
8. Phản hồi, đánh giá của cấp quản lý						
9. Các nhu cầu đặc biệt của học sinh						
10. Phụ huynh học sinh/ xã hội						

Ghi chú: A: Không áp dụng; B: Có ảnh hưởng rất xấu; C: Có chút ảnh hưởng xấu; D: Ảnh hưởng ít hoặc không ảnh hưởng; E: Có chút ảnh hưởng tốt; G: Ảnh hưởng rất tốt.

IV- CÁC CHUẨN BỊ CHO GIỜ GIẢNG TRÊN LỚP:

Thầy/ Cô nhận thấy mình đã chuẩn bị ở mức độ nào để...	A	B	C	D

1. Dạy môn học được phân công				
2. Có quan tâm đến học sinh khi soạn bài giảng				
3. Nâng cao khả năng nhận thức của học sinh đối với môn học				
4. Tổ chức cho học sinh thực hành				
5. Cho học sinh làm việc theo nhóm				
6. Nghe và đặt các câu hỏi để đánh giá mức độ hiểu bài của học sinh				
7. Sử dụng SGK				
8. Sử dụng các trang thiết bị dạy học				
9. Sử dụng nhiều cách đánh giá kết quả học tập của học sinh				
10. Khuyến khích các học sinh nữ tham gia tích cực các hoạt động trong lớp				
11. Khuyến khích các học sinh dân tộc thiểu số tham gia tích cực các hoạt động trong lớp				

Ghi chú: A: Chuẩn bị không tốt; B: Chuẩn bị ít; C: Chuẩn bị tốt; D: Chuẩn bị rất tốt

V- CÁC TRỞ NGẠI

5. Yếu tố nào sau đây Thầy/Cô cho là khó khăn cho công tác giảng dạy của giáo viên và ở mức độ nào	Không trở ngại nhiều	Ít trở ngại	Không có ý kiến	Có trở ngại	Rất nhiều trở ngại
1. Trình độ học sinh thấp hơn trình độ chung của lớp					
2. Sĩ số lớp học					
3. Học sinh nghỉ học					
4. Có sẵn SGK và Sách hướng dẫn giáo viên					
5. Có sẵn các tài liệu học tập khác					
6. Địa điểm trường học					
7. Cơ sở vật chất nhà trường					

HOẠT ĐỘNG 4.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ LỚP HỌC BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN

1. Mục tiêu:

- Giúp NHD phát hiện những gì cần phát huy cũng như những yếu kém trong quá trình tập huấn để có biện pháp khắc phục trong các khóa bồi dưỡng tiếp theo.
- Thông qua hình thức tự đánh giá mình, NHD muốn tự mình đưa ra ví dụ về cách thu thập thông tin phản hồi trong tự đánh giá để học viên tham khảo.

2. Chuẩn bị:

Chuẩn bị phiếu đánh giá với các câu hỏi cụ thể để học viên điền nhằm thu thập thông tin phản hồi về khóa học.

3. Tiến trình thực hiện:

Tgian	Hoạt động của GV	Hoạt động của học viên	Ghi chú
5 phút	GV giao nhiệm vụ cho HV.	- Theo dõi. Phát biểu mục tiêu hoạt động 7	
10 phút	- Hướng dẫn nhiệm vụ cần thực hiện: cách thức trả lời các câu hỏi ghi trong phiếu trung cầu ý kiến học viên. - Kiểm tra đảm bảo người tham gia hiểu được họ cần làm gì. Thông báo thời gian cho giai đoạn này là 10 phút. - Theo dõi các cá nhân làm việc. - Đánh giá tổng kết. Nêu những thành công và điểm còn hạn chế của khóa tập huấn.	- Đọc hướng dẫn, yêu cầu giải thích nếu cần. - Từng HV Đề nghị học viên điền vào phiếu trả lời và nộp lại cho giảng viên.. - HV trả lời phiếu (10 phút). HV có thể phát biểu cá nhân hoặc hát chia tay,...	Đây là hoạt động đánh giá khóa tập huấn

4. Tổng kết và đánh giá:

- Trả lời các góp ý của học viên nếu có.
- Cảm ơn sự đánh giá của HV.

Phiếu góp ý cho khóa bồi dưỡng

Mỗi HV trước hết hãy nghiên cứu các câu hỏi ghi trong bảng trung cầu ý kiến học viên và xin vui lòng trả lời đầy đủ các câu hỏi càng chi tiết càng tốt. Ngoài ra, nếu có những gì cần góp ý thêm xin mọi người hãy điền thêm vào. Học viên có thể đề tên mình hoặc không cần đề tên vào phiếu trung cầu.

I. Về tổ chức khóa bồi dưỡng:

Câu 1: Bạn thấy thời gian tập huấn như vậy là:

- A. Tạm đủ.
- B. Không đủ
- C. Quá thừa
- D. Theo bạn bao ngày là thích hợp

Câu 2: Bạn thấy phân bố nội dung tập huấn như chương trình có thích hợp không? Nếu cần điều chỉnh thì nên điều chỉnh như thế nào?

.....
.....
.....

Câu 3: Bạn thấy khâu tổ chức khóa bồi dưỡng có điều gì hài lòng, điều gì chưa hài lòng (nếu có nên cho ý kiến cụ thể).

.....
.....
.....
.....

Câu 4: Bạn có góp ý gì khác cho Ban tổ chức?

.....
.....
.....
.....

II. Về giảng viên

Câu 5: Bạn có hài lòng về đội ngũ báo cáo viên (giảng viên) nói chung?

.....
.....

Câu 6: Báo cáo viên nào bạn ưng ý nhất? (Nêu cụ thể điểm gì bạn thấy tâm đắc)

.....
.....
.....

Câu 6: Báo cáo viên nào bạn thấy chưa đạt yêu cầu? Nêu lí do cụ thể nếu có thể.

.....
.....

Câu 7: Bạn có ý kiến gì khác cho các báo cáo viên (xin ghi càng cụ thể càng tốt).

.....
.....

PHỤ LỤC

1. Các mẫu biểu, phiếu sử dụng trong đợt tập huấn

Bảng 1. VẤN ĐỀ BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN

Xin Thầy/ Cô vui lòng đánh dấu vào các cột dưới đây:

1. Tổng số thời gian Thầy/ Cô tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn.	Trong vòng 12 tháng	Trong vòng 3 năm
Không có tham gia		
Ít hơn 6 giờ		
6 - 15 giờ		
16 - 35 giờ		
Nhiều hơn 35 giờ		

2. Trong tất cả các khóa bồi dưỡng chuyên môn Thầy/ Cô tham gia trong 3 năm vừa qua, những yếu tố nào sau đây được chú trọng	A	B	C	D	E
1. Đào sâu hơn về kiến thức chuyên môn					
2. Biết được HS hiểu gì về môn học					
3. Học được cách sử dụng các chiến lược giảng dạy theo hướng đặt vấn đề					
4. Học được cách sử dụng SGK					
5. Học được cách sử dụng ĐDDH					
6. Học được cách sử dụng công nghệ khi dạy trên lớp					
7. Học được cách đánh giá kết quả học tập của HS					

Ghi chú: A: Không được chú trọng; B: Hầu như không được chú trọng; C: Chú trọng một ít; D: Khá chú trọng; E: Được chú trọng rất nhiều.

3. Trong tất cả các khóa bồi dưỡng chuyên môn Thầy/ Cô tham gia, hãy đánh giá mức độ ảnh hưởng của các khóa bồi dưỡng trong 3 năm vừa qua ở các yếu tố sau:	Ảnh hưởng ít hoặc không ảnh hưởng	Chắc chắn Thầy/ Cô đang áp dụng trên lớp học	Là nguyên nhân để Thầy/ Cô thay đổi cách dạy
1. Đào sâu hơn về kiến thức chuyên môn			
2. Thu được thông tin HS hiểu gì về			

môn học			
3. Học được cách sử dụng các chiến lược dạy học theo phương pháp tích cực			
4. Học được cách sử dụng SGK, SGV			
5. Học được cách sử dụng đồ dùng dạy học			
6. Học được cách sử dụng công nghệ khi giảng dạy trên lớp			
7. Học được cách đánh giá kết quả học tập của học sinh			
8. Học được cách sử dụng CT và Chuẩn KT - KN			

1.2. Các Phiếu học tập

Phiếu số 1. Bài tập điền từ và đặt tiêu đề cho đoạn văn

Sử dụng các từ hay cụm từ cho trước sau đây để điền vào chỗ trống trong mỗi câu sau sao cho phù hợp. Lưu ý: một từ hay một cụm từ có thể được dùng 1 lần hoặc nhiều hơn 1 lần hay không sử dụng đến. Khi hoàn thành bạn hãy đặt tiêu đề cho đoạn trích đó.

Các từ và cụm từ cho trước: Người quản lí, Người điều hành, Người thừa hành; mục đích, mục tiêu, kì vọng; khả năng, kĩ năng; tương đồng, tương tự, tương xứng.

- Cách thức quản lí mà tất cả những người có kiến thức, và đều được tham gia vào việc ra quyết định.
- Về bản chất con người không phải là thụ động hay chống đối của tổ chức mà họ chỉ là kết quả của nền giáo dục trong nhà trường và môi trường xã hội (môi trường bên ngoài).
- Con người luôn có sẵn động cơ,, trách nhiệm, và sẵn sàng đáp ứng được công việc.
- “.....“ chính là các điều phối viên thực thụ lựa chọn các điều kiện và phương pháp thực hiện tốt nhất để tổ chức có thể đạt tới mong muốn.
- Vì thế nên của các nhân viên cũng tương tự và có liên quan đến của tổ chức.

f. Mọi quan hệ của các tổ chức được xây dựng trên cơ sở sự về và lĩnh vực công việc. Việc ra quyết định và mức độ quyền hạn về những vấn đề khác nhau lại phụ thuộc vào và lĩnh vực phụ trách của từng nhóm. Thường thì mô hình phổ biến là theo chiều ngang hơn là theo hướng từ trên ngọn xuống gốc.

Đáp án Phiếu học tập số 1

- a. Cách thức quản lí mà tất cả những người có kiến thức, **kĩ năng** và **khả năng** đều được tham gia vào việc ra quyết định.
- b. Về bản chất con người không phải là thụ động hay chống đối **mục tiêu** của tổ chức mà họ chỉ là kết quả của nền giáo dục trong nhà trường và môi trường xã hội (môi trường bên ngoài).
- c. Con người luôn có sẵn động cơ, **khả năng**, trách nhiệm, và sẵn sàng đáp ứng được công việc.
- d. “**Người quản lí**“ chính là các điều phối viên thực thụ lựa chọn các điều kiện và phương pháp thực hiện tốt nhất để tổ chức có thể đạt tới **mục tiêu** mong muốn.
- e. Vì thế nên **mục tiêu** của các nhân viên cũng tương tự và có liên quan đến **mục tiêu** của tổ chức.
- f. Mọi quan hệ của các tổ chức được xây dựng trên cơ sở sự **tương đồng** về **mục tiêu** và lĩnh vực công việc. Việc ra quyết định và mức độ quyền hạn về những vấn đề khác nhau lại phụ thuộc vào **kĩ năng** và lĩnh vực phụ trách của từng nhóm. Thường thì mô hình phổ biến là theo chiều ngang hơn là theo hướng từ trên ngọn xuống gốc.

Chủ đề: **PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ MỚI**

(Trích lược từ cuốn “Training for Transformation, Book III,, của S. Timmel et al)

2. Các tài liệu, giáo án, đề kiểm tra tham khảo

2.1. Các tài liệu tham khảo

Kỹ thuật thiết kế câu hỏi (5W1H)

Các CH nên diễn đạt sao cho có thể kiểm tra được nhiều lĩnh vực và mức độ học khác nhau của HS như: nhớ, hiểu, vận dụng, kỹ năng, thái độ. Có thể sử dụng các từ nghi vấn chung về phẩm chất, về phương thức, về nguyên nhân, về kết quả, về mối quan hệ, so sánh, chứng minh, ... để tạo ra các CH cụ thể.

1. Những CH nhằm khai thác vốn tri thức, vốn sống, những hiểu biết đã có của HS có thể dùng các từ hỏi chung như sau:

- Em đã biết gì về.....?

- Cho một ví dụ về.....?

2. Những CH đòi hỏi HS phải giải thích có thể dùng các từ hỏi chung như sau:

- Hãy giải thích tại sao.....?

- Em có thể giải thích như thế nào về?

3. Những câu hỏi đòi hỏi HS phải phân tích, so sánh có thể dùng các từ hỏi chung như sau:

- Nêu rõ những điểm giống nhau, khác nhau giữavà.....là gì?

- Những đặc điểm nào chứng tỏ.....?

4. Những CH đòi hỏi HS nêu lên những phán đoán, những dự đoán, những giả định của mình (trong giải quyết vấn đề, nghiên cứu,...) có thể dùng các từ hỏi chung như sau:

- Điều gì sẽ xảy ra nếu.....?

- Thử dự đoán xem.....như thế nào? khi/nếu.....

- Hiện tượng đó có thể xảy ra không nếu.....

Ngoài ra, trong CH nên sử dụng các động từ như: phân tích, chứng minh, so sánh, định nghĩa, đánh giá, giải thích, xác định, minh họa, liên hệ, tóm tắt, mô tả quá trình,...

Kỹ thuật thiết kế bài tập

Khi thiết kế BT sinh học, điều quan trọng là nắm vững các dấu hiệu bản chất của hệ thống khái niệm sinh học, tính quy luật của hiện tượng sinh học, mối liên quan giữa các yếu tố cấu trúc nên từng cấp độ tổ chức sống và đặc biệt là phải đặt các đối tượng trong MT của nó. Trên cơ sở đó cho phép khái quát hoá tri thức sinh học thành mô hình BT, bài toán có sự hỗ trợ của công cụ toán học, giúp ta có thể giải được hàng loạt các bài toán sinh học nảy sinh trong thực tiễn. Có nhiều BT là những yêu cầu hay lệnh để HS tự lực làm trước ở nhà (sưu tập mẫu tài liệu trực quan, nghiên cứu SGK, ...). Thường những BT loại này nhằm tạo thông tin cho việc đặt và trả lời các CH. Như vậy cấu trúc các bài tập loại này thường có 2 phần chính: Lệnh thực hiện tạo ra thông tin, tài liệu có tính “nguyên liệu” để cung cấp cho phần thứ hai của BT là phần CH mà HS phải gia công tư liệu do phần thứ nhất cung cấp.

Có nhiều BT là những đề toán, khi đó HS phải sử dụng công cụ toán học để giải. Bài toán bao giờ cũng được cấu trúc bởi hai phần chính là điều kiện, cái đã cho và cái cần tìm.

Tuy nhiên, khi sử dụng công cụ tính toán để thiết kế các BT, giải các BT cần lưu ý ra thêm CH để HS lý giải, biện luận làm cho tri thức sinh học được sâu sắc hơn



tránh toán học hoá nội dung sinh học, nghĩa là làm cho mục đích làm toán nổi trội hơn mục đích lĩnh hội kiến thức sinh học.





Như vậy khi dùng các mô hình, công thức toán học cố gắng hướng vào giải thích các vấn đề sinh học mà ở đó có thể lượng hoá các quan hệ bằng các đại lượng toán học

Phiếu "Hướng dẫn thực hành kỹ thuật 6 chiếc mũ tư duy"

Ý nghĩa của từng loại mũ

- Dùng 6 cái mũ đại diện cho 6 kiểu/dạng thức của suy nghĩ. Nó đề cập đến chiều hướng suy nghĩ hơn là tên gọi. Mỗi mũ có một màu (mà màu này chỉ đại diện cho duy nhất 1 cách thức của suy nghĩ).
- Mọi người đều sẽ tham gia góp ý. Tùy theo kiểu ý kiến mà người đó sẽ đề nghị đội mũ màu gì.
- Các mũ không được dùng để phân loại cá nhân mặc dù hành vi hay thói quen của cá nhân đó “dường như” hay có vẻ thuộc về loại nào đó. Nó chỉ có tác dụng định hướng suy nghĩ trong khi thành viên trong nhóm cho ý kiến đội lên mà thôi. Lưu ý rằng, 6 chiếc mũ này chỉ là một cách thức tượng trưng, không cần phải có 6 cái mũ thật khi tiến hành kỹ thuật này.

Mũ	Kiểu/dạng thức của suy nghĩ trước một vấn đề
 Mũ trắng	Nhìn nhận sự vật, hiện tượng hay vấn đề xảy ra một cách khách quan. Một số câu hỏi có thể sử dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Chúng ta có những thông tin gì về vấn đề này? - Chúng ta cần có những thông tin nào liên quan đến vấn đề đang xét? - Chúng ta thiếu mất những thông tin, dữ kiện nào?
 Mũ đỏ	Nhìn nhận sự vật, hiện tượng hay vấn đề xảy ra theo cảm tính, trực giác. Một số câu hỏi có thể sử dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Cảm giác của tôi ngay lúc này là gì? - Trực giác của tôi mách bảo điều gì về vấn đề này? - Tôi thích hay không thích vấn đề này?

 <p>Mũ vàng</p>	<p>Nhìn nhận sự vật, hiện tượng hay vấn đề xảy ra theo góc độ cách lạc quan, logic, chú ý đến mặt tích cực, các lợi ích của vấn đề. Một số câu hỏi có thể sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những lợi ích của vấn đề/dự án,...đang được xem xét là gì? - Đây là mặt tích cực của vấn đề/dự án này? - Liệu vấn đề/dự án
 <p>Mũ đen</p>	<p>Nhìn nhận sự vật, hiện tượng hay vấn đề xảy ra theo góc độ phê phán, bi quan, chú ý đến mặt hạn chế, tiêu cực của vấn đề. Một số câu hỏi có thể sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những rắc rối, nguy hiểm nào có thể xảy ra? - Những khó khăn nào có thể phát sinh khi tiến hành làm điều này? - Những nguy cơ nào đang tiềm ẩn?
 <p>Mũ xanh lá cây</p>	<p>Nhìn nhận sự vật, hiện tượng hay vấn đề xảy ra theo góc độ sáng tạo, phát triển. Một số câu hỏi có thể sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có những cách thức khác để thực hiện điều này không? - Chúng ta có thể làm gì khác trong trường hợp này? - Các lời giải thích cho vấn đề này là gì?
 <p>Mũ xanh da trời</p>	<p>Nhìn nhận sự vật, hiện tượng hay vấn đề xảy ra theo góc độ người tổ chức, kiểm soát quá trình tư duy, người lãnh đạo/trưởng nhóm. Vai trò của người đội mũ xanh da trời là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định trọng tâm và mục đích thảo luận cho nhóm (Chúng ta ngồi ở đây để làm gì? Chúng ta cần tư duy về điều gì? Mục tiêu cuối cùng là gì?). - Sắp xếp trình tự cho các chiếc mũ trong suốt buổi thảo luận. Người đội mũ xanh da trời cần bảo đảm nguyên tắc vàng sau: “Tại một thời điểm nhất định, mọi người phải đội mũ cùng màu”. - Cuối cùng, tập hợp mọi ý kiến, tóm tắt, kết luận và

	ra kế hoạch (Chúng ta đã đạt được gì qua buổi thảo luận? Chúng ta có thể bắt đầu hành động chưa? Chúng ta có cần thêm thời gian và thông tin để giải quyết vấn đề này?).
--	--

Phiếu bài tập

Tên Nhóm: _____

1. Tổ chức

Hoàn thành bảng phân công nhiệm vụ

Nhiệm vụ	Tên
1. Điều hành nhóm	
2. Nhắc nhở thời gian và điền Bảng phân công nhiệm vụ	
3. Thư ký, ghi chép kết quả thảo luận nhóm	
4. Tóm tắt lại nội dung thảo luận nhóm và trình bày trước lớp	
5. Thực hiện phần đánh giá quá trình làm việc nhóm	

2. Làm việc nhóm

Nhiệm vụ 1. Đọc kỹ tài liệu Phiếu "Hướng dẫn thực hành kỹ thuật 6 chiếc mũ tư duy": đảm bảo tất cả các thành viên trong nhóm đều nắm vững ý nghĩa của từng chiếc mũ.

Nhiệm vụ 2. Thực hành sử dụng "Kỹ thuật 6 chiếc mũ tư duy" để phân tích, giải quyết vấn đề: "Học sinh nói chuyện trong lớp". Lần lượt cả nhóm cùng đội từng loại mũ để thảo luận về vấn đề được giao.

Kết quả thảo luận nhóm được ghi lại vào giấy Ao.

2.3 Đánh giá làm việc nhóm (2 phút)

Cho điểm từ 1-5: 1 là điểm chỉ không có thành viên nào thực hiện; 2 điểm: 1/4 thành viên thực hiện; 3 điểm 2/4 thành viên thực hiện; 4 điểm: 3/4 thành viên thực hiện; 5 điểm: 4/4 thành viên thực hiện

Nội dung	Thang điểm				
	1	2	3	4	5
1. Các thành viên trong nhóm đều hoàn thành được các nhiệm vụ học tập ghi trong phiếu bài tập.					
2. Các thành viên trong nhóm đối xử tốt với nhau					

3. Các thành viên tôn trọng các ý kiến của bạn mình					
4. Các thành viên thấy thoải mái đóng góp ý kiến					
5. Nếu có điều gì chưa rõ, các thành viên hỏi/ giúp nhau trước khi hỏi giáo viên					

**Gợi ý về sử dụng kỹ thuật 6 chiếc mũ tư duy để giải quyết vấn đề
“Học sinh nói chuyện trong lớp”**

Mũ	Kiểu/dạng thức của suy nghĩ trước một vấn đề
	<p>Phản ánh các sự kiện :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các học sinh nói chuyện trong khi cô giáo đang giảng bài. - Lớp ồn ào làm cho các học sinh khác bị xao lãng hoặc không nghe được (cô giáo nói gì). Học sinh không biết làm gì sau khi cô giáo đã hướng dẫn cách thức. - Nhiều học sinh bực mình hay không muốn học nữa.
	<p>Phản ánh cảm xúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV bực mình, có cảm giác bị xúc phạm. - Các học sinh khác khó chịu, bực mình vì không nghe được hướng dẫn/bài giảng của GV. - Các HS nói chuyện trong lớp có cảm giác vui vẻ vì được nói và nghe tán dóc.
	<p>Phản ánh các mặt tiêu cực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lãng phí thì giờ. - Buổi học bị làm ngắt quãng. - Nhiều người bị xúc phạm cho rằng bị thiếu tôn trọng vì người nói không có người nghe. - Mất trật tự trong lớp.
	<p>Phản ánh các mặt tích cực :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mọi người được nói những gì họ nghĩ. - Có thể tạo ra không khí vui vẻ. - Mọi người không phải đợi tới lượt của mình để nói nên sẽ không bị quên cái gì mình muốn nói. - Không chỉ những học sinh giỏi mới được nói.



Phản ánh các cách giải quyết vấn đề :

- Cần xem lại “thời lượng” GV nói.
- GV sẽ cố gắng thực hiện dạy học tương để cho phép nhiều đối tượng HS tham gia) không chỉ với các học sinh “giỏi”.
- Học sinh sẽ được giao việc để không phải phát biểu "linh tinh".
- Học sinh sẽ tự hỏi “điều muốn nói có liên hệ đến bài học hay không?” và có cần chia sẻ ý kiến đó với các bạn khác hay không?
- Sẽ cần thảo luận thêm để làm sao học sinh vượt qua khó khăn này!
- Học sinh sẽ suy nghĩ rằng có nên "mất trật tự" phá việc học tập của người khác hay không?
- Lưu lại bản tường trình về nguyên nhân và giải pháp để giải quyết vấn đề HS mất trật tự trong lớp để làm tài liệu xem xét xem sau này có tiến bộ hay không?



Tổng kết những thứ đạt được :

- GV rút kinh nghiệm: cần phải giảm thời gian nói.
- GV cần tạo điều kiện cho nhiều HS tham gia thảo luận và ưu tiên hơn đến những học sinh ít khi phát biểu hay là các học sinh chỉ thụ động im lặng chờ được gọi trả lời.
- GV cần để học sinh có thời gian suy nghĩ trước khi họ tham gia thảo luận. Thời gian dành cho học sinh suy nghĩ trong tiết học là quan trọng và cần thiết.
- Học sinh hiểu rằng “nói chuyện làm ồn trong lớp” sẽ làm cho các học sinh khác bị ảnh hưởng và bực mình.
- Học sinh hiểu rằng chỉ cần cười giỡn trong một tí thì cũng đủ phá hỏng việc học của người khác.
- Học sinh ý thức rằng nói bất kì lúc nào mình muốn là hành động thiếu kỷ luật.
- Học sinh và giáo viên cần xem lại đề tài này để kiểm điểm xem có tiến bộ hay không.

Lược đồ tư duy

1. Khái niệm

Lược đồ tư duy (còn được gọi là bản đồ khái niệm) là một sơ đồ nhằm trình bày một cách rõ ràng những ý tưởng mang tính kế hoạch hay kết quả làm việc của cá nhân hay nhóm về một chủ đề. Lược đồ tư duy có thể được viết trên giấy, trên bản trong, trên bảng hay thực hiện trên máy tính.

2. Cách làm

- Viết tên chủ đề ở trung tâm, hay vẽ một hình ảnh phản ánh chủ đề.
- Từ chủ đề trung tâm, vẽ các nhánh chính. Trên mỗi nhánh chính viết một khái niệm, phản ánh một nội dung lớn của chủ đề, viết bằng CHỮ IN HOA. Nhánh và chữ viết trên đó được vẽ và viết cùng một màu. Nhánh chính đó được nối với chủ đề trung tâm. Chỉ sử dụng các thuật ngữ quan trọng để viết trên các nhánh.
- Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ để viết tiếp những nội dung thuộc nhánh chính đó. Các chữ trên nhánh phụ được viết bằng chữ in thường.
- Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo.

3. Ứng dụng của lược đồ tư duy

Lược đồ tư duy có thể ứng dụng trong nhiều tình huống khác nhau như

- Tóm tắt nội dung, ôn tập một chủ đề;
- Trình bày tổng quan một chủ đề;
- Chuẩn bị ý tưởng cho một báo cáo hay buổi nói chuyện, bài giảng;
- Thu thập, sắp xếp các ý tưởng;
- Ghi chép khi nghe bài giảng.

4. Ưu điểm của lược đồ tư duy

- Các hướng tư duy được đề mở ngay từ đầu;
- Các mối quan hệ của các nội dung trong chủ đề trở nên rõ ràng;
- Nội dung luôn có thể bổ sung, phát triển, sắp xếp lại;
- HS được luyện tập phát triển, sắp xếp các ý tưởng.

2.2. Các giáo án tham khảo

MỘT SỐ GIÁO ÁN SINH HỌC 9

Bài 63. Ôn tập phần sinh vật và môi trường

I. Mục tiêu:

- Hệ thống hoá được các kiến thức cơ bản về sinh vật và môi trường.
- Biết vận dụng lí thuyết vào thực tiễn sản xuất đời sống.
- Rèn luyện kĩ năng tư duy, so sánh tổng hợp, hệ thống hoá..

II. Chuẩn bị:

- Bảng phụ
- Kẻ sẵn 6 bảng trong sách giáo khoa vào vở bài tập.

III. Các hoạt động dạy học:

LỚP ĐỐI CHỨNG

1. Hệ thống hoá kiến thức

* Mục tiêu: HS hoàn thành được các bảng hệ thống hoá kiến thức.

* Tiến hành: GV chia lớp làm 6 nhóm

Nhóm 1: Hoàn thành bảng 63.1; Nhóm 2: Hoàn thành bảng 63.2

Nhóm 3: Hoàn thành bảng 63.3; Nhóm 4: Hoàn thành bảng 63.4

Nhóm 5: Hoàn thành bảng 63.5; Nhóm 6: Hoàn thành bảng 63.6

Sau 10 phút đại diện từng nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét bổ sung.

GV nhận xét, trợ giúp các em hoàn thành tốt.

Ngoài các bảng biểu trong sách giáo khoa, khi dạy giáo viên có thể sử dụng các bảng biểu khác.

2. Câu hỏi ôn tập

Hướng dẫn

Câu 1: Có, vì các nhân tố sinh thái ảnh hưởng đến hình thái của sinh vật.

Câu 2: Những điểm khác biệt về quan hệ cùng loài và quan hệ khác loài:

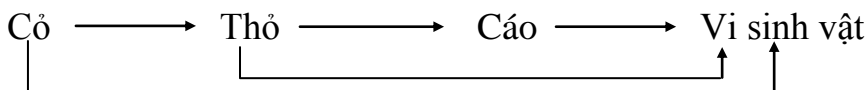
- Sinh vật cùng loài thường hỗ trợ hoặc cạnh tranh lẫn nhau
- Sinh vật khác loài có quan hệ hỗ trợ hoặc đối địch

Câu 3: Quần thể người khác quần thể sinh vật: quần thể người có các đặc trưng kinh tế xã hội, pháp luật, hôn nhân, giáo dục, văn hoá. Do con người có tư duy, có trí thông minh nên con người có khả năng tự điều chỉnh các đặc điểm sinh thái trong quần thể, đồng thời cải tạo thiên nhiên.

Câu 4: Quần xã và quần thể phân biệt nhau về những mối quan hệ:

Quần thể	Quần xã
<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp các cá thể cùng loài sống trong một sinh cảnh - Mọi quan hệ giữa các cá thể chủ yếu là thích nghi về mặt dinh dưỡng, nơi ở 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp các quần thể của các loài khác nhau cùng sống trong một sinh cảnh - Ngoài mối quan hệ thích nghi còn có các quan hệ hỗ trợ và đối địch

Câu 5:



Câu 6:

Những hoạt động tích cực	Những hoạt động tiêu cực
<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên - Không săn bắt động vật quý hiếm - Sử dụng đúng mức thuốc trừ sâu và hoá chất thực vật - Trồng cây gây rừng - Tuyên truyền cho mọi người có ý thức bảo vệ môi trường sống 	<ul style="list-style-type: none"> Phun thuốc trừ sâu Đổ rác thải ra sông Săn bắt động vật quý hiếm Chặt phá rừng làm củi lấy gỗ Khai thác khoáng sản bừa bãi

Câu 7: Dựa vào nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường để giải thích.

Câu 8: Sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách tiết kiệm và hợp lí là hình thức sử dụng vừa đáp ứng nhu cầu sử dụng tài nguyên của xã hội hiện tại vừa bảo đảm duy trì lâu dài các nguồn tài nguyên cho các thế hệ con cháu mai sau.

Câu 9: Cần phải bảo vệ hệ sinh thái vì hiện nay trên trái đất nhiều vùng bị suy thoái, cần phải bảo vệ các loài sinh vật và môi trường sống của chúng nhằm tránh ô nhiễm môi trường và cạn kiệt tài nguyên. Mỗi quốc gia và tất cả mọi người dân đều phải có trách nhiệm bảo vệ hệ sinh thái, bảo vệ môi trường sống trên Trái đất.

Câu 10:

- Cần có luật bảo vệ môi trường vì: Luật bảo vệ môi trường được ban hành nhằm điều chỉnh hành vi của cả xã hội để ngăn chặn khắc phục các hậu quả xấu do hoạt động của con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường tự nhiên.

- Nội dung cơ bản trong Luật bảo vệ môi trường Việt Nam:

+ Các tổ chức cá nhân có trách nhiệm giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp, cải thiện môi trường, bảo đảm cân bằng sinh thái, ngăn chặn khắc phục các hậu quả xấu do con người thiên nhiên gây ra, khai thác sử dụng hợp lí và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

+ Cấm nhập khẩu các chất thải vào Việt Nam.

+ Các tổ chức cá nhân phải có trách nhiệm xử lí chất thải bằng công nghệ thích hợp.

+ Các tổ chức cá nhân gây ra sự cố môi trường có trách nhiệm bồi thường và khắc phục hậu quả về mặt môi trường.

Lưu ý: Phần trả lời câu hỏi ôn tập, GV hướng dẫn học sinh tự làm.

IV. Dặn dò:

Về nhà ôn lại kiến thức lớp 6, 7.

Chuẩn bị tốt bài 64.

LỚP THỰC NGHIỆM

1. Học sinh xác định mục tiêu học tập:

+ Phân tích nhiệm vụ nhận thức do giáo viên đặt ra: hệ thống hóa kiến thức phần Sinh vật và môi trường.

+ Để HS đạt kết quả đó thì phải xác định các điều kiện, phương pháp giải quyết nhiệm vụ, trong đó trước hết phải định hướng tìm, nghiên cứu nguồn thông tin, tài liệu giáo khoa: Tìm thông tin trong SGK và vở ghi bài cho nội dung các bảng 63.1. – 63.6.

2. Tìm và lựa chọn thông tin để giải quyết nhiệm vụ nhận thức nhằm đạt mục tiêu hệ thống hóa kiến thức:

+ Xác định những thông tin, tài liệu cần thu thập, từ đó tìm nguồn thông tin cần hệ thống hóa: môi trường và các nhân tố sinh thái; quan hệ cùng loài và khác loài; quần thể; quần xã; hệ sinh thái;...

+ Xác định mối quan hệ giữa các thông tin cần hệ thống hóa với hiểu biết đã có (HS trao đổi thảo luận theo nhóm để xác định mối quan hệ giữa các thông tin)

+ Tóm tắt nội dung hệ thống hóa theo một bố cục rõ ràng (làm việc nhóm).

3. Xác lập quan hệ giữa các nội dung thông tin theo mục tiêu hệ thống hóa kiến thức:

+ Có thể căn cứ vào đặc điểm hình thái để phân biệt được tác động của nhân tố sinh thái với sự thích nghi của sinh vật.

+ Những điểm khác biệt về các mối quan hệ cùng loài và khác loài.

+ Những điểm khác biệt giữa quần thể và quần xã.

+ Những điểm khác biệt và mối quan hệ giữa chuỗi và lưới thức ăn.

4. Lựa chọn hình thức diễn đạt nội dung hệ thống hóa và trình bày nội dung thu nhận được theo hình thức được chọn:

+ Các bảng 63.1. – 63.6.

+ Dùng bản đồ khái niệm.

Bài 64-65-66

Tổng kết chương trình toàn cấp

I. Mục tiêu:

- HS hệ thống hoá được các kiến thức cơ bản của sinh học toàn cấp THCS.
- Biết vận dụng lí thuyết vào thực tiễn sản xuất và đời sống.
- Rèn luyện kĩ năng tư duy lí luận, so sánh, tổng hợp, hệ thống hoá.

II. Chuẩn bị:

- Bảng phụ
- Các mảnh giấy ghi các số tương ứng với các nhóm thực vật
- Phiếu học tập
- HS kẻ sẵn các bảng vào vở bài tập

III. Các hoạt động dạy học:

LỚP ĐỐI CHUNG

1. Đa dạng sinh học

a. Các nhóm sinh vật

- GV treo bảng phụ ghi sẵn nội dung bảng 64.1 lên bảng
- Gọi 2 HS lên điền vào bảng: 1 em điền cột “đặc điểm chung”, 1 em điền cột “vai trò”. HS còn lại tự hoàn thành vào vở bài tập.

- Sau 7 phút HS nhận xét. GV bổ sung thêm để hoàn thành bảng 64.1 SGK.

- HS chữa vào vở bài tập.

b. Các nhóm thực vật

GV treo bảng phụ ghi sẵn nội dung bảng 64.2 SGK lên bảng.

Gọi 2 HS lên bảng: 1 em hoàn thành đặc điểm của “tảo, rêu” 1 em hoàn thành đặc điểm của “quyết, hạt trần, hạt kín”

HS còn lại tự hoàn thành vào vở bài tập.

Sau 5 phút HS nhận xét.

GV nhận xét cho điểm từng em.

Đáp án đúng bảng 64.2 SGK.

HS chữa vào vở bài tập.

c. Phân loại cây hạt kín

GV phát phiếu học tập với nội dung sau:

Hãy đánh dấu x vào ô trống phù hợp với nội dung trong bảng 64.3

Đặc điểm	Cây một lá mầm	Cây hai lá mầm
Một lá mầm		
Hai lá mầm		
Rễ chùm		
Rễ cọc		
Gân lá hình cung hoặc song song		
Số cánh hoa 6 hoặc 3		
Số cánh hoa 5 hoặc 4		
Thân cỏ (chủ yếu)		
Thân gỗ, thân cỏ, thân leo..		

HS hoạt động theo nhóm 3 phút

Sau 3 phút giáo viên thu kết quả 3 nhóm, nhận xét và cho điểm.

d. Các nhóm động vật

GV treo bảng phụ ghi sẵn nội dung bảng 64.4 SGK lên bảng.

Nội dung của bảng này tương đối khó, vì thế giáo viên gợi ý giúp đỡ HS hoàn thành trong thời gian 10 phút.

Đáp án đúng bảng 64.4 SGK.

e. Các lớp động vật có xương sống.

GV yêu cầu HS tự điền nội dung vào bảng 64.5 SGK.

HS tự hoàn thành vào vở bài tập.

GV nhắc nhở giúp đỡ học sinh hoàn thành trong thời gian 8 phút.

GV treo bảng chuẩn ghi sẵn bảng 64.5 SGK.

HS đối chiếu và chữa vào vở bài tập.

2. Tiến hoá của động vật và thực vật

a. Phát sinh và phát triển của thực vật

GV vẽ phác hoạ sơ đồ cây phát sinh thực vật hình 64.1 SGK lên bảng.

Dùng các mảnh giấy ghi các số tương ứng với các nhóm thực vật

Gọi HS lên dán các số vào sơ đồ cây phát sinh.

HS khác nhận xét.

GV trợ giúp để HS hoàn thành trong thời gian 5 phút.

b. Sự tiến hoá của giới động vật

GV phát phiếu học tập

Hãy ghép các chữ a, b, c, d, e, g, h, i với các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 theo trật tự tiến hoá của giới động vật.

<i>Các ngành động vật</i>	<i>Trật tự tiến hoá</i>
a. Giun dẹp	1
b. Ruột khoang	2
c. Giun đốt	3
d. Động vật nguyên sinh	4
e. Giun tròn	5
g. Chân khớp	6
h. Động vật có xương sống	7
i. Thân mềm	8

HS hoạt động theo nhóm trong thời gian 3 phút

Đại diện 1 - 2 nhóm trình bày

Nhóm khác nhận xét bổ sung

GV đánh giá cho điểm

Đáp án đúng: 1 - d, 2 - b, 3 - a, 4 - e, 5 - c, 6 - i, 7 - g, 8 - h

3. Sinh học cơ thể

a. Cây có hoa

- GV treo bảng phụ ghi sẵn nội dung bảng 65.1 lên bảng.
- Gọi HS lên điền vào cột "chức năng".
- HS còn lại tự hoàn thành vào vở bài tập.
- Sau 7 phút HS nhận xét.
- GV bổ sung thêm để hoàn thành.
- Đáp án đúng bảng 65.1 SGK.
- HS chữa vào vở bài tập.

b. Cơ thể người

- GV treo bảng phụ ghi sẵn nội dung bảng 65.2 SGK lên bảng.
- Gọi HS lên điền vào cột "chức năng".
- HS còn lại tự hoàn thành vào vở bài tập.
- Sau 10 phút HS nhận xét.
- GV bổ sung thêm để hoàn thành.

- Đáp án đúng bảng 65.2 SGK.

- HS chữa vào vở bài tập.

4. Sinh học tế bào

a. Cấu trúc tế bào

- GV yêu cầu HS tự điền nội dung vào bảng 65.3 SGK.

- HS tự hoàn thành vào vở bài tập.

- GV nhắc nhở, giúp đỡ học sinh hoàn thành trong thời gian 5 phút.

- Gọi 1, 2 HS lên trình bày bài làm của mình.

- GV nhận xét và treo bảng chuẩn ghi sẵn đáp án (bảng 65.3 SGK).

- HS đối chiếu và chữa vào vở bài tập.

b. Hoạt động sống của tế bào

- GV yêu cầu 1, 2 HS lên bảng điền nội dung vào bảng 65.4 SGK.

- HS còn lại hoàn thành vào vở bài tập.

- Sau 5 phút, GV nhận xét và trình bày đáp án (bảng 65.4 SGK).

- HS đối chiếu và chữa vào vở bài tập.

c. Phân bào

- GV treo bảng phụ ghi sẵn nội dung bảng 65.5 SGK lên bảng.

- Gọi 2 HS lên bảng: 1 em hoàn thành đặc điểm của “nguyên phân”, 1 em hoàn thành đặc điểm của “giảm phân”.

HS còn lại tự hoàn thành vào vở bài tập.

Sau 8 phút HS nhận xét. GV dựa vào đáp án bảng 40.2 SGK bổ sung và cho điểm từng em.

HS chữa vào vở bài tập.

5. Di truyền và biến dị

a. Cơ sở vật chất và cơ chế của hiện tượng di truyền

- GV yêu cầu 2 HS lên bảng điền nội dung vào bảng 66.1 SGK.

- HS còn lại hoàn thành vào vở bài tập.

- Sau 5 phút, GV nhận xét và trình bày đáp án (bảng 66.1 SGK).

- HS đối chiếu và chữa vào vở bài tập.

b. Các quy luật di truyền

- GV yêu cầu 2 HS lên bảng điền nội dung vào bảng 66.2 SGK.

- HS còn lại hoàn thành vào vở bài tập.

- Sau 5 phút, GV nhận xét và trình bày đáp án (đối chiếu bảng 40.1 SGK).

- HS đối chiếu và chữa vào vở bài tập.

c. Biến dị

- GV treo bảng phụ ghi sẵn nội dung bảng 66.3 SGK lên bảng.
- Gọi 3 HS lên bảng: 1 em hoàn thành đặc điểm của “biến dị tổ hợp”, 1 em hoàn thành đặc điểm của “đột biến”, 1 em hoàn thành đặc điểm của “thường biến”.

HS còn lại tự hoàn thành vào vở bài tập.

Sau 10 phút HS nhận xét. GV dựa vào đáp án bảng 66.3 SGK bổ sung và cho điểm từng em.

HS chữa vào vở bài tập.

d. Đột biến

Các bước tiến hành tương tự như phần "c. Biến dị", GV đối chiếu với bảng 40.5 SGK để điền vào bảng 66.4 SGK.

6. Sinh vật và môi trường

Hoạt động 1: Giải thích sơ đồ hình 66 SGK.

- Sự tác động qua lại giữa môi trường và các cấp độ tổ chức sống thể hiện qua sự tương tác giữa các nhân tố sinh thái với từng cấp độ tổ chức sống.

- Tập hợp các cá thể cùng loài tạo nên các đặc trưng quần thể: mật độ, tỷ lệ giới tính, thành phần tuổi,...; Quan hệ về mặt sinh sản.

- Tập hợp các quần thể thuộc các loài khác nhau tại một không gian xác định tạo nên quần xã;

GV chú ý nhấn mạnh mối quan hệ dinh dưỡng thông qua chuỗi và lưới thức ăn trong hệ sinh thái.

Hoạt động 2: Ôn lại đặc điểm quần thể, quần xã và hệ sinh thái

- GV treo bảng phụ ghi sẵn nội dung bảng 66.5 SGK lên bảng.
- Gọi 3 HS lên bảng: 1 em hoàn thành đặc điểm của “quần thể”, 1 em hoàn thành đặc điểm của “quần xã”, 1 em hoàn thành đặc điểm của “hệ sinh thái”.

HS còn lại tự hoàn thành vào vở bài tập.

Sau 10 phút HS nhận xét. GV xem đáp án bảng 66.5 trong SGK bổ sung và cho điểm từng em.

LỚP THỰC NGHIỆM

1. Học sinh xác định mục tiêu học tập:

+ Phân tích nhiệm vụ nhận thức do giáo viên đặt ra: hệ thống hóa kiến thức chương trình toàn cấp THCS.

+ Để HS đạt kết quả đó thì phải xác định các điều kiện, phương pháp giải quyết nhiệm vụ, trong đó trước hết phải định hướng tìm, nghiên cứu nguồn thông tin, tài liệu

giáo khoa: Tìm thông tin trong SGK và vở ghi bài cho nội dung các bảng 64.1. – 66.5. và các hình 64.1, 66.

2. Tìm và lựa chọn thông tin để giải quyết nhiệm vụ nhận thức nhằm đạt mục tiêu hệ thống hóa kiến thức:

+ Xác định những thông tin, tài liệu cần thu thập, từ đó tìm nguồn thông tin cần hệ thống hóa: đặc điểm chung và vai trò của các nhóm sinh vật (động – thực vật, vi sinh vật); phân loại thực vật – động vật; tiến hóa của động – thực vật, sinh học cơ thể, sinh học quần thể – quần xã – hệ sinh thái; di truyền và biến dị;...

+ Xác định mối quan hệ giữa các thông tin cần hệ thống hóa với hiểu biết đã có (HS trao đổi thảo luận theo nhóm để xác định mối quan hệ giữa các thông tin)

+ Tóm tắt nội dung hệ thống hóa theo một bố cục rõ ràng (làm việc nhóm).

3. Xác lập quan hệ giữa các nội dung thông tin theo mục tiêu hệ thống hóa kiến thức:

+ Hệ thống các khái niệm (liệt kê các khái niệm chủ chốt theo nội dung từng chương, phần).

+ Những điểm khác biệt và mối quan hệ giữa các nhóm khái niệm.

4. Lựa chọn hình thức diễn đạt nội dung hệ thống hóa và trình bày nội dung thu nhận được theo hình thức được chọn:

+ Các bảng 64.1. – 66.5.

+ Dùng bản đồ khái niệm (như các bản đồ khái niệm đã phân tích ở chương 1 và chương 2 của luận án).

+ Dùng sơ đồ hình: các hình 64.1, 66.

2.3. Các đề kiểm tra tham khảo

Bài kiểm tra học kì I – Sinh học 9

Câu 1. Phân tử ADN tự nhân đôi theo những nguyên tắc nào?

Câu 2. Cơ chế NST xác định giới tính ở người được thể hiện như thế nào? Giải thích vì sao tỉ lệ con trai và con gái sinh ra là xấp xỉ 1:1?

Câu 3. Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể là gì? Gồm những dạng nào? Vì sao các hiện tượng đó gọi là đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể.

Câu 4a. Hãy chọn các cụm từ đã cho dưới đây điền vào chỗ trống để những đoạn sau đây đúng về nội dung:

- | | |
|-----------------------|--------------------|
| a - Phân tử ADN | g - ADN thể truyền |
| b - ADN tái tổ hợp | h - Enzim nối |
| c - "ADN lai " | i - Tế bào nhận |
| d- ADN làm thể truyền | k - Gen đã ghép |
| e - ADN nhiễm sắc thể | l - Enzim cắt |

Kỹ thuật gen gồm 3 khâu, ứng với 3 phương pháp chủ yếu:

- Khâu 1: Phương pháp tách (1) của tế bào cho và tách (2) dùng làm thể truyền từ vi khuẩn hoặc vi rút.
- Khâu 2: Phương pháp tạo nên (3) được gọi là (4) ADN của tế bào cho và phân tử (5) được cắt ở vị trí xác định nhờ các (6)..... chuyên biệt, ngay lập tức, ghép đoạn ADN của tế bào cho vào(7) nhờ(8)
- Khâu 3: Chuyển ADN tái tổ hợp vào (9)..... tạo điều kiện cho (10) thể hiện.

Câu 4b. Em hãy vẽ sơ đồ hệ thống hóa nội dung kỹ thuật gen vừa trình bày ở câu 4a.

Bài kiểm tra học kì II – Sinh học 9

Câu 1a. Hãy chọn phương án đúng: Một nhóm cá thể thuộc cùng một loài sống trong một khu vực nhất định là:

- a. Quần xã sinh vật.
- b. Quần thể sinh vật.
- c. Hệ sinh thái.
- d. Tổ sinh thái.

Câu 1b. Vẽ sơ đồ mô tả khái niệm em vừa chọn ở câu 1a.

Câu 2a. Tảo quang hợp và nấm hút nước hợp lại thành địa y. Tảo cung cấp chất dinh dưỡng còn nấm cung cấp nước là ví dụ về:

- a. Ký sinh.
- b. Cộng sinh.
- c. Hội sinh.
- d. Cạnh tranh

Câu 2b. Lập bảng so sánh bốn dạng quan hệ ở câu 2a.

Câu 3. Giả sử có các quần thể sinh vật sau: cỏ, thỏ, dê, chim ăn sâu, sâu hại thực vật, hổ, vi sinh vật, mèo rừng.

a) Nếu các loài sinh vật trên là một quần xã, hãy vẽ sơ đồ lưới thức ăn của quần xã sinh vật trên.

b) Xây dựng các chuỗi thức ăn có thể có trong quần xã sinh vật nêu trên.

III. Tài liệu tham khảo (nhóm tác giả đã sử dụng trong quá trình biên soạn tài liệu tập huấn)

1. Chương trình giáo dục phổ thông môn Sinh học (Nhà xuất bản Giáo dục – Tháng 8/2006)
2. Hướng dẫn Chuẩn KT – KN môn Sinh học cấp THCS (Ngô Văn Hưng, Chủ biên – Đỗ Thị Hà – Dương Thu Hương – Phan Hồng The - Nhà xuất bản Giáo dục – Tháng 11/2009)
3. Sinh học 6 (Nguyễn Quang Vinh, Tổng Chủ biên – Hoàng Thị Sản, Chủ biên – Nguyễn Phương Nga – Trịnh Thị Bích Ngọc - Nhà xuất bản Giáo dục – Tháng 2/2006)
4. Sinh học 8 (Nguyễn Quang Vinh, Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên – Trần Đăng Cát – Đỗ Mạnh Hùng - Nhà xuất bản Giáo dục – Tháng 2/2006)
5. Sinh học 9 (Nguyễn Quang Vinh, Tổng Chủ biên – Vũ Đức Lưu, Chủ biên – Nguyễn Minh Công – Mai Sỹ Tuấn - Nhà xuất bản Giáo dục – Tháng 5/2005)
6. Advanced Biology for You (Gareth Williams – Reprinted in 2003 by: Nelson Thomes Ltd)
7. A new Introduction to Biology (Bill Indge – Martin Rowland – Margaret Baker, Hodder & Stoughton 2005)
8. Giới thiệu bài soạn Sinh học 8 (Ngô Văn Hưng – Võ Bích Thủy, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2004).
9. Rèn luyện học sinh kỹ năng hệ thống hóa kiến thức trong dạy học Sinh học 9 (Luận án Tiến sĩ – Ngô Văn Hưng – Hà Nội, 2010).
10. Các tài liệu bồi dưỡng giáo viên môn Sinh học của Bộ GD&ĐT từ năm 2002 đến 2009